

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 47 — 1-12-1960

1.— Trách nhiệm của Bộ Giáo-Dục	Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Hồ Quý Ly, một bậc vĩ nhân . . .	Phan Cao Quang	10 — 15
3.— Nhân vật Xuân Thu: Bảo Thúc . . .	Thiếu Sơn	16 — 20
4.— Chiều thu (thơ)	Đàm quang Lý	21
5.— Duyên nước (chuyện ngắn)	Hoàng Thắng	22 — 33
6.— Thành phố không lỗ trên mặt biển . . .	U. S. AM.	34 — 36
7.— Cuộc đời của các nhà tỷ-phủ	Trọng Tấu	37 — 41
8.— Trùng số độc đắc (truyện ngắn) . . .	Giang Trang	42 — 44
9.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	Nguyễn Vỹ	45 — 50
10.— Khách tha hương (thơ)	Vũ Tiều Giang	51
11.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	52 — 56
12.— Đồng hời! Quê hương ơi!	Nguyễn Quang	57 — 62

13.— Những người dân bà rừng đánh: . . .	Mala. Huri	Tân Phong	63 — 68
14.— Xa cách (thơ)		Kim Diệp	69
15.— Những cuộc tình duyên say mê		Tân Phong	70 — 74
16.— Kiếng dính mắt (ý học phổ thông)	Bs. Hoàng-Mộng-Lương		75 — 79
17.— Nhật ký của Anne Frank (chuyện ngoại quốc)	Diệu Huyền		80 — 86
18.— Tao đàn Phổ-Thông	P. T.		87 — 88
19.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ		89 — 97
20.— Minh ơi!	Diệu Huyền		98 — 109
21.— Nghệ thuật Cờ Tướng	Quốc-Chánh		110 — 113
22.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.		114
23.— Bạn đọc viết	P.T.		115 — 120
24.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền		121 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và dùng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viet-Nam

TRÁCH
NHIỆM
của

BỘ GIÁO-DỤC

TRONG VIỆC
TU THƯ



Hầu hết, nếu không nói là tất cả, các nhà Học-giả, Nhà Văn, Giáo-sư, Sinh viên, và Phụ-huynh học-sinh, đều công-nhận thực-tế hỗn-độn rất thâm-hại của Văn-học Việt-nam theo chương-trình giáo-dục áp-dụng trong các học-đường hiện nay, cũng như một số sách Văn-học-sử và luận-đề Việt-ngữ

hiện đang được phổ biến trong dân chúng.

Trong khi được hân hạnh tiếp xúc và trò chuyện thân mật với nhiều bạn trong các giới trên kia, chúng tôi nhận thấy có hai thái-độ.

Phần nhiều các vị Giáo-sư Đại-học cũng như Trung-học đều than phiền về sự các sách Giáo-khoa do chính một vài Giáo-sư biên-soạn, như Dương-quảng-Hàm, Hà-như-Chi, v.v... và do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục xuất bản, hoặc chính-thức công-nhận, đều đầy rẫy các sai lầm. Nhưng các vị Giáo-sư đã bỏ ngõ, bực-bội, trong lúc giảng bài; gặp những trường hợp nghi-vấn mà cũng đành phải dạy theo

sách chứ không thể cãi lại được. Họ biết là sai, nhưng mặc kệ, không nói được, dầu có nói cũng không ích gì, vì thực tế đã như thế rồi, họ không có quyền sửa đổi.

Chúng tôi thành thật mong ông Bộ-trưởng Giáo-dục lưu-ý đến sự-kiện quan-trọng ấy. Chúng tôi cũng thiết-tha hy-vọng ông Cố-vấn Tổng-Thống-Phủ mà chúng tôi đã được hân-hạnh hầu chuyện một lần về vấn-đề này, chớ có yên trí rằng mọi sự đều tốt đẹp, và việc phổ-biến giáo-dục trong các học-đường đã theo một cái đà lành-mạnh. Yên-trí như thế, tức là để tình-trạng hỗn-độn kia kéo dài không biết đến bao giờ.

Chúng tôi đã từng trình bày thẳng-thắn trên tạp-chí *Phổ-Thông* rằng nếu Bộ Giáo-dục không chịu « sửa sai », không chịu duyệt-lại các sách Giáo-khoa về Việt-văn (chúng tôi chưa nói đến các loại sách giáo-khoa khác, về Sử, Địa, Triết, Toán, Khoa-học), thì Bộ Giáo-dục sẽ phải chịu một trách-nhiệm lớn lao đối với Văn-Học-Sử sau này.

Thái-độ thứ hai là tiêu cực, vô trách-nhiệm. Một vài kẻ, — một thiểu-số thoái-hóa, không có tinh thần tiến-thủ — nói rằng các sách từ trước viết như thế nào thì bây giờ ta cứ theo như thế mà dạy, mà học, cần chi phải sửa đổi. Những kẻ ấy chứng tỏ một trí óc nghèo nàn, một tinh thần bất-động, không muốn suy-xét, phê-bình, tra-cứu, học hỏi, cứ khư-khư ôm lấy các thành-kiến lầm-lạc, để ai nhồi sọ thứ gì cũng được.

Phổ-Thông Tạp-chí chủ trương tiến-bộ. Về văn-học, cũng như về Lịch-sử, những điểm nào sai lầm cần phải đính chính, những chỗ nào thiếu sót cần phải bổ-túc, những quan niệm cũ kỹ, bất hợp-thời, những thành-kiến chủ-quan, phong-kiến, chật hẹp, cần phải phá bỏ, thay thế bằng những yếu-tố trẻ-trung hơn, thích-hợp hơn, và xác-đáng hơn, cho đúng với chân lý, hợp với thực-tế, kịp với thời đại.

Những kẻ thủ cựu, ngoan cố, sống với những thành tích sai lầm, gây dở, những kiến thức hồ lớn, mốc-meo, tự họ sẽ bị vùi lấp dưới tro bụi của thời gian.



Vì những lẽ đó, chúng tôi thành thật hoan-ngênh ý kiến của ông Bộ Trưởng Quốc-gia Giáo - dục vừa quyết định một biện pháp đi đến sự chấm dứt tình trạng vô kỷ-luật, vô trật tự trên phương diện biên soạn và phổ biến Văn học sử Việt-Nam.

Ông Bộ Trưởng Giáo-dục đã đồng ý với chúng tôi, chứng tỏ rằng ông đã công nhận các nghi vấn, và sai lầm bẽ bối, trong một số sách văn-học sử và sách giáo khoa từ mấy chục năm nay, gia tài mục nát, hỗn-độn từ thời kỳ thực-dân còn để lại.

Chúng tôi vui mừng tiếp đón quyết-định của Bộ Giáo-dục, với một lòng tin-tưởng lạc-quan.



NĂM 1749, nhà Học-giả LÊ-QUÝ-ĐÔN đã khiển-trách một vài Sử gia Việt-Nam tiền-bối như sau đây : « Ôn lại, chép lại, mà không theo phương-pháp nào... Học sinh cũng chỉ chép lại các văn-bài kiểu mẫu có sẵn, đề hòng thi đỗ. Văn đề nào không cần đề đi thi, không bao giờ chép. Ai có sách cò đều giữ và cất kín. Muốn tìm học, thật là khó khăn... ».

Thời-đại Lê-quý-Đôn, các nhà sử-học đã theo lệnh Triều-đình mà chép sử. Chép sử đã không có phương-pháp, lại chỉ chú-trọng vào các sự kiện có lợi cho các triều Vua, cho nên học-sinh thời bấy giờ cũng chỉ học theo những Văn bài kiểu mẫu có lợi trong việc đi thi. Những sách cũ đều bị giấu kín, tìm kiếm đề học hỏi, tra-cứu, không được.

Năm 1820, PHAN-HUY-CHÚ cũng đã viết : « Chỉ có các gia đình giàu có, các nhà Thế-tộc, là giữ được sách cũ, mà sách chép cũng nhiều chỗ lầm-lẫn lộn-xộn lắm... » (1)

(1) Emile Gaspardone, nhân viên Viện Bác-Cổ Viễn-Đông, Hà-nội, và Giáo-sư Cao đẳng Học-viện Pháp, Paris.

Vì vậy, khi Vua Tự-Đức sai Bộ Lễ biên soạn bộ *Việt-Nam Nhất thống chí*, các nhà Học giả đã phải đề nghị với nhà Vua nên đình chỉ việc đem dạy cho học sinh, các sách sử của thời trước, trong một thời gian. Đợi ủy ban Tu-thư của Triều đình biên soạn sách mới xong, hãy in cho các trường đề dạy cho học trò.

Sự thận trọng của các nhà Học-giả của Bộ Lễ, (lúc bấy giờ Bộ Lễ thay thế cho Bộ Giáo dục), là một bằng chứng tỏ rằng đời vua Tự Đức, các nhà cầm quyền rất chú trọng đến sự học đúng đắn của các sĩ tử trong nước.

Chúng tôi cũng đã đề nghị với Bộ Giáo-dục trong *Phổ Thông* số vừa rồi, nên ngưng dạy trong một thời gian một số văn thơ còn nghi vấn. Theo bức thư của Bộ Giáo-dục gửi cho chúng tôi vừa rồi, Ông Bộ trưởng Giáo-dục đang triệu tập một Ủy ban để tra cứu lại các tác phẩm và tác giả tiền bối. Theo ngụ ý của chúng tôi, Ủy ban này cần được triệu tập gấp, và nên bắt tay làm việc thận trọng. Chỉ một lần này thôi, tất cả các tác-phẩm và các tác-giả của Văn-học-sử Việt-Nam phải được hiệu-đính, xác-nhận, phân-minh.

Và chương trình phân-phối Việt-văn cho các lớp, các cấp-bậc học đường, cũng cần phải điều-chỉnh lại một cách vô-tư hơn, công-bằng hơn, thích-hợp hơn với thời-đại.

Chúng tôi trộm nghĩ rằng nếu Ủy Ban tu-thư gồm được các giáo-sư và học-giả có chân tài, có lương-tâm về trách-nhiệm, và công-tác xúc-tiến mau-lẹ, không bị trở-ngại nào, thì công-trình tra-cứu và biên-khảo Việt văn đầy đủ từ khởi-thủy đến tiền bán thế-kỷ XX, chỉ trong vòng một năm là hoàn-thành tất-cả. Chúng tôi chờ đợi.



HỒ QUÝ LY,

*một bậc
vỹ-nhân*

* PHAN CAO QUANG

Kể từ ngày nền Độc lập Việt-Nam được thâu hồi, người ta không ngớt ca ngợi, nhắc nhở đến những vị anh hùng liệt nữ đã vì-quốc vong thân hay những văn nghệ sĩ đã lưu lại cho hậu thế một kho tàng văn học nghệ thuật quý báu.

Người ta đã nói nhiều đến Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung, Phan-dình-Phùng hay Nguyễn-Du, Nguyễn-dình-Chiếu, v.v. nhưng họ đã quên nhắc nhở

đến một vị anh hùng, một nhà duy tân của nước Việt-Nam vào cuối thế kỷ XIV đầu XV: Hồ-quý-Ly. Sự lãng quên đó chứng tỏ rằng chúng ta là những kẻ vong ân bội nghĩa, không biết phán đoán, chỉ hòa theo những sự phê phán của một số người có óc hẹp hòi.

Họ đã ngang nhiên gán cho Hồ-quý-Ly một danh hiệu không mấy tốt đẹp: « Gian thần tiếm nghịch ».

Với những chữ đó, tên tuổi Hồ-quý-Ly đã bị chôn vùi trong bóng tối và mai một theo thời gian.

Trước sự kiện phũ phàng đó,

HỒ QUÝ LY

nên nay tôi phải viết về Hồ-quý-Ly. Đánh rằng văn tài của tôi không đáng kể vào đâu, sự hiểu biết của tôi còn thiếu sót nhiều, tôi còn phải nhiều kinh nghiệm...

Nếu để im lặng theo thời gian có lẽ rằng anh linh của Hồ-quý-Ly sẽ không được ngậm cười nơi chín suối. Vấn đề Hồ-quý-Ly còn nhiều uẩn khúc, nhiều chi tiết rắc rối, muốn giải quyết được những điều đó một cách miên mãn phải là những bậc đại tài, đại đức, đại trí đáng bậc thầy của tôi. Tôi rất tha thiết mong chờ tiếng nói của các bậc cao minh, riêng phần tôi, nếu có sự dung dủ may mắn tôi xin mạo muội góp vài ý như lòng sở nguyện.

Vậy trước khi đi sâu vào thời đại và những công việc của Hồ-quý-Ly đã thực hiện, tôi xin nói qua vài dòng về tiểu sử của Hồ-quý-Ly.

Hồ-quý-Ly là dòng dõi người ở Chiết-Giang bên Tàu, tổ là Hồ-hưng-Dật từ đời ngũ quỹ sang nước ta làng Bào Đột huyện Quỳnh-Lưu (Nghệ-An).

Sau ông tổ tứ đại là Hồ-Liêm dời ra ở Thanh-Hóa làm con

nuôi nhà Lê-Huấn cho nên mới đổi họ là Lê. Lê-quý-Ly có hai người cô lấy vua Minh-Tôn. Một người sinh ra Nghệ-Tôn, một người sinh ra vua Duệ-Tôn. Vì thế cho nên Nghệ-Tôn càng tin dùng Quý-Ly lắm, phong cho làm Khu Mật Đại Sứ lại gia tước Trung Tuyên Hầu.

Sau khi phế Thiếu Đế lên ngôi vua, Quý-Ly đổi họ là Hồ, đúng với họ Hồ nguyên thủy (theo Việt Nam Sử lược của Trần trọng-Kim).

Sau khi đã lược qua đôi dòng về tiểu sử của Hồ-quý-Ly tôi xin đi vào chi tiết về thời đại và việc làm của Hồ-quý-Ly.

* Về thời đại: Như chúng ta đã biết nhà Trần lập nghiệp từ năm 1225 do sự nhường ngôi của Lý-chiều-Hoàng cho chồng là Trần-Cảnh.

Từ khi dựng nghiệp cho đến ngày suy vong, nhà Trần đã lập được những chiến công hiển hách, hai lần phá quân Nguyên có ý sang thôn tính nước ta sau khi đã làm chủ được toàn Trung Hoa và một phần Bắc-âm, đánh Chiêm-Thành mở rộng bờ cõi về phương Nam thêm được hai châu, O, Rì tức là Thuận-Châu

và Hóa-Châu (nhờ công của Huyền-Trần Công-Chúa) đánh giặc Ai-Lao, v.v...

Dưới các triều Trần-Thánh-Tôn, Trần-nhân-Tôn, Trần-anh-Tôn có những văn quan võ tướng lỗi lạc như Trần-hưng-Đạo, Trần-bình-Trọng, Trần-khánh-Dur, Phạm-ngũ-Lão, Trương-hán-Siêu, Chu-văn-An, Nguyễn-Trung-Ngạn, v.v...

Nhưng ánh đuốc sáng rực kia cũng có ngày tàn. Kể từ đời vua Trần-dụ-Tôn cơ nghiệp nhà Trần đã bắt đầu suy, Vua thì không lo gì đến việc nước chỉ rượu chè, ăn chơi vô độ; xây cung điện đào hồ đắp núi, v.v...

Còn các quan thì chỉ hùa nịnh để được phú quý. Vua lại đặt ra lệ uống rượu; ai uống rượu được 100 thăng thì được thăng cho hai trật, thấy vậy các quan không ai nghĩ gì đến việc nước chỉ đua nhau uống rượu để được lòng Vua.

Trong khi triều đình xa hoa như vậy, bên ngoài dân tình đói kém, thuế má nặng nề, giặc giả nổi lên khắp nơi. Nước Chiêm-Thành xưa kia là một nước hùng yếu, nay dám mang quân sang đánh tận Thăng-Long đôi ba phen, vua tôi Nhà Trần phải bỏ

kinh thành mà chạy.

Nói tóm lại, tình hình chính trị, kinh tế, văn học về các vua cuối triều Trần rất khốn đốn.

Trong hoàn cảnh đen tối đó đã xuất hiện một vị cứu tinh: Hồ-quý-Ly. Hồ-quý-Ly đã hết sức giúp đỡ nhà Trần trong mọi công việc, dành rằng trong thâm tâm Hồ-quý-Ly muốn chiếm cơ nghiệp nhà Trần (Về điểm này sẽ xin nói rõ trong phần tổng luận sau đây...)

Về công nghiệp Hồ-quý-Ly đã làm được những điều gì sau đây xin lần lượt điểm qua về tài chính, văn học, võ bị và thuế má.

● Về tài chính, vua Dụ-Tôn và các vua kế tiếp đã tiêu xài hoang phí làm cho công quỹ trống rỗng. Lên cầm quyền, Hồ-quý-Ly đã nghĩ đến việc làm giàu cho ngân quỹ bằng cách đặc ra tiền giấy để thu tiền đồng tiền kẽm của dân.

Việc làm này hết sức táo bạo, phát hành tiền giấy là một sáng kiến rất vĩ đại, ngay đến các nước Âu-Châu phải đợi đến thế kỷ XVIII mới dám khởi sự, cũng gặp không biết bao nhiêu trở ngại;

Thì bốn thế kỷ trước Âu-Châu trên giải đất Việt-Nam bé

HỒ QUÝ LY

nhỏ đã có một nhà kinh tế học lỗi lạc có sáng kiến làm ra bạc giấy. Hồ-quý-Ly đã đặt ra những giấy bạc sau đây:

— Tờ 10 \$ vẽ cây rêu bể.

— Tờ 30 \$ vẽ cái sòng.

— Tờ 1 tiền vẽ đám mây.

— Tờ 3 tiền vẽ con lân.

— Tờ 5 tiền vẽ con phượng.

— Một quan vẽ con rồng.

Để nghiệm trị những kẻ nào làm bạc giả, Hồ-quý-Ly đã đặt ra một hình phạt rất nặng: Tội tử hình.

Đặt ra hình phạt này tỏ ra Hồ-quý-Ly rất hiểu biết về luật lệ. Hiện nay luật trừng trị những kẻ làm bạc giả cũng chẳng khác gì mấy so với luật của Hồ-quý-Ly.

Ví dụ: Như chính phủ Việt-Nam phạt khổ sai chung thân những kẻ làm bạc giả, hay có nhiều xứ trên thế giới lại áp dụng cả đến hình phạt tử hình nghĩa là họ đã áp dụng lại luật của Hồ-quý-Ly.

Muốn bắt dân chúng ai ai

cũng phải tiêu dùng thứ bạc đó Hồ-quý-Ly cũng đã áp dụng một hình phạt tương tự.

Làm như vậy bao nhiêu của cải đều được thâu vào công khố.

Sau việc làm tiền giấy, Hồ-quý-Ly cũng áp dụng một sự cải cách về ruộng đất rất táo bạo: "Một người dân không ai được chiếm làm tư hữu trên 10 mẫu ruộng. Nếu ai có quá số đó thì phải nộp cho nhà nước".

Sau thế kỷ trước đây Hồ-quý-Ly đã biết áp dụng rồi.

● Về văn học: lo làm giàu cho quốc gia Hồ-quý-Ly vẫn không quên mở mang nền giáo dục. Hồ-quý-Ly đã theo đúng đường lối của Nho giáo là Thứ Chi-Phú Chi-Giáo Chi (dân số mỗi ngày một đông. Mức sống của dân đầy đủ — Trình độ văn hóa một cao.)

Về điểm này, tôi thấy cần phải nói nhiều vì không phải trong các triều đại trước các vua không lo đến việc giáo dục dân chúng. Nhưng những vua đó chỉ

dem một nền giáo dục vay mượn của Tàu, một nền giáo dục ngoại lai ra áp dụng. Trái lại Hồ-quý-Ly đã ngang nhiên phá bỏ mọi hình thức nô lệ của nền giáo dục cũ. Hồ-quý-Ly đã dám làm « Cách mạng Văn học ». Ông áp dụng một nền giáo dục hoàn toàn độc lập. Chữ nôm được dùng trong mọi trường hợp. Hai chữ « Cách mạng » mà tôi dùng đây để nói về Hồ-quý-Ly không có gì là quá đáng.

Sau đây là những công việc mà Hồ-quý-Ly đã làm trong phương diện Văn học. Về thi cử ông đã cải tổ một cách đàng hoàng trước kia tuy cũng có những khoa thi, song trong các khoa thi đó không định văn thể.

Bây giờ Hồ-quý-Ly mới định phép thi cử. Kỳ thi Hương được chia làm 4 trường, bỏ thi ám tả.

« Trường nhất, thí sinh phải làm bài kinh nghĩa ; Trường nhì làm bài thi phú, Trường ba làm chiếu chế biểu, Trường tư làm văn sách.

Còn như kỳ thi năm trước thi Hương năm sau thi Hội ai trúng tuyển kỳ thi Hội thì vào thi một bài văn sách nữa để định cao thấp » (theo Trần-trọng-Kim). Trên đây chỉ là những sự cải tổ sơ sài trong khi Hồ-quý-Ly còn làm Phụ Chính Đại thần Hồ-quý-Ly chưa dám táo bạo trong việc cải tổ. Khi Hồ-quý-Ly đã lên ngôi, ông đã hết sức cải tổ việc học hành. Các khoa thi đều được sửa sang lại lấy toán học đặt thêm một trường nữa, nghĩa là trong những khoa thi đều có đặt thêm kỳ toán pháp.

Đây cũng là một sáng kiến rất quý và mới mẻ nhất trong lịch sử Việt-Nam từ ngày thoát được ách đô hộ của Trung-Hoa (939).

Tiếc rằng sáng kiến này chỉ đem ra thi hành dưới triều Hồ rồi bị bỏ đi mãi đến ngày nay mới được tái sinh.

Qua những sự kiện trên đây chúng ta có thể xác nhận Hồ-quý-Ly mới là nhà Cách mệnh văn học của Việt-Nam. Và cũng

để dứt khoát về vấn đề này tôi xin mượn lời của một nhà phê bình văn học hiện đại : giáo sư Thanh-Lãng trong quyển *Văn chương chữ Nôm* trang 26 : « ...nhưng cách mệnh trong văn học giới phải đợi đến Hồ-quý-Ly. Đã Cách Mệnh đối với nền Hán học. Hồ-quý-Ly đại muốn Cách Mệnh cả về quốc âm. Ông là người đầu tiên đem dùng văn quốc âm làm sắc chiếu ban cho quốc dân. Năm 1394 khi còn làm Phụ Chính Thái Sư, Quý-Ly dịch thiên « Vô Dật » một thiên nói về chính trị và văn học để dạy Vua. Đến năm 1396 ông lại dịch xong bộ kinh Thi, giảng bằng quốc âm cho các hậu phi và cung nữ học tập, đó là về tân văn còn về thơ phú thì Hồ-quý-Ly cũng làm rất nhiều, theo sử năm 1387 đời Trần đề Nghiên thượng Hoàng tức là Nghệ-Tôn ban cho Quý-Ly một thanh gươm có đề : « Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức ». Ông có làm thơ quốc ngữ để tạ ơn. Đến năm 1437 Lê-thánh-Tôn muốn xem thơ văn họ Hồ, sai Nguyễn-Trãi thu thập được mấy chục thiên thơ văn quốc ngữ ».

● Việc võ bị theo đúng

đường lối « Phú chi giáo chi » của Nho-giáo, Hồ-quý-Ly vẫn không quên rằng có một kẻ thù ở bên cạnh to lớn và đông gấp trăm lần, luôn luôn dòm ngó, tìm cơ hội để xâm chiếm nước ta : nước Tàu. Quý-Ly thường hỏi các quan rằng : « Ta làm thế nào cho có trăm vạn quân để đánh giặc bắc ».

Nghĩ vậy bèn lập ra Hộ tịch, bắt người trong nước cứ hai tuổi trở lên thì phải biên vào sổ, ai ẩn lậu sẽ bị phạt. Đến lúc hộ tịch làm xong, số người từ 15 tuổi đến 60 tuổi hơn gấp mấy phần lúc trước. Từ đó số quân thêm ra được nhiều.

Về điểm này ta có thể nói rằng Hồ-quý-Ly là kẻ đã đặt ra giấy « Khai-sinh » và « giấy kiểm tra » (xin hiểu theo nghĩa bây giờ).

Thuở xưa nay có sự gian lận trong việc lập sổ đinh, vì ai ai cũng sợ phải đóng thuế và bắt lính.

Để chấm dứt tệ đoan đó, Hồ-quý-Ly đã nghĩ đến Hộ tịch. Thật là một công trình quý báu mà ngày nay chúng ta đang sử dụng để kiểm tra dân số và kiểm tra thanh niên trong vấn đề quân dịch.

(Còn nữa)



QUẢN-TRỌNG • BẢO-THỨC

.....

TỀ-HOÀN-CÔNG

(Tiếp theo P.T. số 46)

II BẢO - THỨC

SAU khi đại cuộc đã thành, Tề-hoàn - Công liền phong cho Bảo-Thức làm Thượng-Khanh và giao hết việc triều chánh. Nhưng Bảo-Thức đã từ chối và nói : « Chúa-công đã ban ơn cho tôi khỏi điều dối lạnh là đủ lắm rồi. Còn việc trị nước tài tôi không đủ. » Tề-hoàn-Công nài ép mãi buộc Bảo-Thức phải nói thêm : « Chúa-Công biết tôi làm việc hay giữ phép tắc lại hay cần thận. Tôi dâng mấy điều ấy thì cũng đáng tạm gọi là dùng được một phần nào chứ chưa phải là tài trị nước đâu. Trị nước là trong có trí vô an bá-tánh, ngoài có tài

★ THIẾU - SƠN

trần-phục man-di, quân-công bày cùng vương-thất, đức - trạch ra khắp chư-hầu làm cho xã-tắc an như bàn-thạch, làm cho quốc-quân hưởng phúc vô cùng. Công cán tạc vô bia đá, danh vọng truyền đến ngàn năm. Tôi không dâng một điều nào trong mấy điều đó. » Tề-hoàn-Công hỏi tới : « Mấy lời khanh nói đó. Nay có ai làm dâng chăng ? » Bảo-Thức thưa : « Nếu chúa - công muốn kiếm người như vậy thì nay chỉ có Quản-di-Ngô thôi. Tôi có 5 điều thua Di-Ngô đề tôi kê cho chúa - công nghe : Rộng rãi, mềm-mỏng, ra ơn với dân là 1 điều tôi không bằng; trị nước không sai giường mối là 2 điều tôi không bằng ; lấy điều trung tín mà mua lòng bá-tánh là 3 điều tôi không bằng ; chế lễ nghĩa ra khắp bốn phương là 4 điều tôi không bằng ; cảm

dù trống đứng giữa ba quân giục lòng quân-sĩ xung phong lướt tới là 5 điều tôi không bằng... »

Vì những lời tự-phê lão-thực như trên và cũng do những lời giới-thiệu thành-khản mà Tề-hoàn-Công bỏ ý-dịnh giao việc triều - chánh cho Bảo - Thức là người công - thần của mình đề dùng Quản - Trọng là kẻ trước kia đã cố tâm giết mình.

Đúng như lời giới thiệu của Bảo - Thức và cũng đúng với những lời mà Quản - Trọng đã hứa-hẹn với Hoàn - Công, nước Tề đương suy nhược trở nên hùng cường và đóng vai Bá-chủ thiên hạ.

Cái đặc điểm ở Bảo-Thức là chỉ có mặt, có lời trong khi Quản Trọng thất thời hay lỡ vận. Còn khi Quản - Trọng đắc thời đắc vị thì ông im hơi, kín tiếng và vui lòng giữ chức Tư khấu của mình.

Ông chỉ có một lần không đồng ý với Quản-Trọng là việc chê Quản - Trọng lập đài Tam Qui và nói Quan Trọng đã không khuyên vua bớt ngông cuồng xa xỉ mà lại còn phụ họa vào những công việc xa xỉ ngông cuồng của nhà vua.

Nhưng mặc dầu không đồng ý ông cũng không dám chê trách một cách phũ phàng vì thật tình đứng trước Quản Trọng ông hình

như có tự ti mặc cảm, đã biết Quản Trọng là con người xuất chúng nên nhứt thiết những việc làm và lời nói của Quản-Trọng ông đều cho là siêu việt quá tầm hiểu biết của ông.

Thậm chí tới việc Quản Trọng trước khi chết không một lời tiễn cử ông, ông cũng không buồn phiền. Hơn thế nữa, ông còn cho Quản Trọng như thế mới thiết là tri kỷ. Tri kỷ nhứt là ở chỗ biết rõ cái nhược điểm của ông là yên lành, ghét dữ thái quá « thấy ai có một chuyện dữ thì ghét tới già đời ». Một ông tướng quốc mà mắc phải cái nhược điểm như thế thì nhứt định không thể nào thành công. Vì thế mà ông không bao giờ lâm le dòm ngó tới cái ghế tướng quốc của bạn ông. Vì thế mà mặc dầu Quản Trọng đề cử ai thay thế ông cũng không buồn, không giận, không ân hận chút nào.

Có một nịnh thần đem việc này ra nói lại với ông. Nó nói : « Trọng Phụ làm tướng nhờ có ông tiến cử.

Nay Trọng-Phụ đau nặng, Vua đến hỏi thăm lại nói ông làm tướng không dặng rồi tiễn cử Thấp-Bằng, thật tôi bất-mãn lắm. » Ông

hiền trả lời như vả vào mặt nó: « Phải, tôi tiến cử Trọng làm Tướng là tôi biết Trọng trung với nước, chẳng tư với bạn. Rất đổi tôi làm chức Tư khấu đuổi quân nịnh còn không xuê. Nếu tôi làm tướng quốc thì bọn các người chỗ đâu mà ở »

Lời nói của Bảo-Thức cương trực thì có cương trực thật nhưng phũ phàng và nhứt định là thiếu mềm mỏng. Điều này chính Bảo-Thức đã tự phê với Hoàn-Công. Tên gian thần nói trên sau này sẽ cùng đồ đảng phế vua nhưng hiện thời được vua yêu dấu và tin dùng.

Nếu Bảo-Thức muốn trừ nó thì phải kiếm thế mà trừ cho kỳ được. Nhưng thấy thế không trừ được thì nói ra làm chi những lời gay gắt như trên ? Đối với bọn này chính Quản-Trọng đã có cách đối phó là lấy cái uy tín mình ngăn cản những việc bất lương của chúng nó. Chính hồi sanh tiền Quản-Trọng cũng đã có cách đối phó với bọn tiểu nhân bộ hạ của nhà vua. Quản-Trọng bằng lòng để cho nhà vua tự do phóng túng trong việc săn bắn và nữ sắc nhưng chỉ khuyên vua : Phải tin dùng người hiền và nhứt định không cho bọn tiểu nhân xen vào những

công việc làm của họ. Trước khi chết ông đã bảo Hoàn-Công phải đuổi chúng nó đi vì chúng nó ví như nước mà ông là con dê đề ngăn nước. Nhưng nay con dê đã mất thì nhứt định không để cho chúng nó ở gần được nữa.

Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể làm con dê được ngay cả Bảo-Thức là người công thần của Hoàn-Công.

Bảo-Thức thiếu cả tài ba lẫn uy tín của Quản-Trọng nên không ngăn nổi những đợt sóng tấn công của gian thần.

Vua Hoàn-Công vì thiếu kẻ nấu ăn cho hợp miệng, thiếu kẻ phụ lực để săn bắn, thiếu kẻ kiếm gái đẹp để vui chơi nên đâm ra ủ rũ buồn rầu và không bao lâu lại phải kêu bọn tiểu nhân về làm bạn và tạo điều kiện cho chúng nó làm càn.

Bảo-Thức rồi sau này cũng được làm tới Tướng-quốc sau khi Thấp-Bằng đã qua đời. Nhưng ông Tướng quốc Bảo-Thức với ông Tướng - quốc Quản Trọng cách xa nhau cả ngàn dặm.

Một đảng sáng suốt, rộng rãi, nhiều sáng kiến mà không cố chấp. Một đảng cần thận nhưng hẹp hòi, hay giữ phép tắc nhưng lại hay làm nô lệ cho phép tắc. Một đảng biết dùng người và dám dùng

người, cũng yêu thiện, ghét ác nhưng không có cái yêu mù quáng và có cái ghét cố định. Một đảng không biết dùng người và không dám dùng người nên sanh ra bao-biến rồi hễ thất bại là đâm hoang mang co rút.

Hơn nữa, Quản Trọng có tài nhưng đã nằm được cái thế nghĩa là Quản Trọng làm tướng quốc vừa lúc Hoàn Công đương nuôi cái chí làm bá-chủ chư-hầu, để cho cái chí đó thao túng hết thầy, chi phối hết thầy. Còn qua tay Bảo-Thức thì cái chí bá-chủ đã hoàn toàn thỏa-mãn và Hoàn Công chỉ còn như trăm ngàn vua khác thích ăn chơi truy lạc và sống sung-túc trên sự-nghệp vương giả của mình. Quản Trọng có sống thêm chưa hẳn đã nuôi dưỡng được cái chí của Hoàn-Công thuở trước.

Tuy nhiên, Bảo-Thức có cái ưu điểm là biết mình và biết người. Biết mình tài chỉ tới đó nên không dám can đáng một công việc quá sức mình, nhưng biết người tài trí hơn mình và làm được những công việc mà mình không làm nổi. Hơn nữa, chẳng những biết người mà còn dám tiến cử người không sợ người ta thành công mà làm cho mình mờ

ám, không sợ người ta đắc thời, đắc vị mà trở lại phụ nghĩa, quên tình.

Bảo-Thức đã thắng được lòng tư kỷ, đó là một thắng lợi mà cũng là một ưu điểm lớn. Quản-Trọng đã thốt ra lời : « Sanh ra ta là cha mẹ. Biết được ta ấy Bảo Thức ».

Nhưng biết người còn dễ mà hy sinh tất cả địa vị, quyền thế, danh vọng cho người mới thiết là khó. Bảo-Thức đã làm được việc khó đó nên mới xứng đáng là một điển-hình không tiền khoáng hậu của tình bạn ở muôn đời.

Ngoài ra Bảo-Thức còn có cái ưu điểm là khi sang cả không quên lúc hàn-vi, hồi vinh-quang không quên khi hoạn nạn. Sau một ngày hội minh-chủ mà nhiều nước chư-hầu đã huyết-thệ để từng phục nước Tề, trong một bữa tiệc liên hoan mà Hoàn-Công rất đổi vui lòng, đặc chí, Bảo-Thức đã dâng ly chúc thọ nhà vua mà nói :

« Tôi nghe những trang minh chúa và hiền thần tuy vui cũng chẳng quên lo, cúi xin chúa-công đừng quên trong lúc chạy qua nước Lữ, Quản-Trọng đừng quên lúc ở nơi tù xa,

Ninh - Thích đừng quên lúc cỡi trâu nơi dưới núi ».

Hoàn - Công nghe nói liền đứng giậy xá hai xá mà rằng : Nếu ta và các quan đại phu nhớ hoài những lúc hoạn nạn thì phước của nước Tề lớn biết bao nhiêu »

Lúc đó hành động và lời nói của Tề-hoàn-Công đã làm cho hết thảy quần thần đều cảm phục

nhưng chính Tề-hoàn-Công sẽ quên hết những lời đã nói ra đề càng ngày càng dần thân vào đường hoang, dâm vô đạo, đề bá nghiệp phải tan rã. Tề-quốc phải suy - vi và chính nhà vua phải bị gian thần hãm-hại một cách đau đớn vô cùng.

Kỳ sau tôi sẽ nói tới ông vua điển hình đó.

THIỆU - SƠN



★ BÀ QUẢ PHỤ

Một tài-xế xứ Scotland lái xe vô-ý đề chết một người đàn ông bị thương nặng, có thể chết được, tên là Mac Cormick. Sau khi chở ông ta đến nhà thương, anh tìm đến địa chỉ của nạn nhân, hỏi người vợ :

— Xin lỗi, bà có phải là bà quả-phụ Mac Cormick không ?
Bà kia trở mặt đáp :

— Phải, chính tôi là Bà Mac Cormick đây, nhưng chưa phải là quả phụ.

— Cái đó, chưa chắc đâu, Bà ơi !

★ DU - KHÁCH.

Một du-khách đến một thành phố Mỹ. Ông lái xe đi mau quá bị cảnh sát phạt 10 mỹ-kim. Ông móc túi đưa 20 mỹ-kim, và bảo :

— Tôi xin trả gấp hai, vì tôi sẽ ra khỏi thành phố của ông ngay lập tức và mau lẹ như hồi tôi đến.



chiều thu

Mây trắng chiều nay phủ ngập trời
U buồn xâm chiếm cả hồn tôi
Từng làn mây trắng rồi mây trắng
Cứ lặng lơ trôi mãi thế thôi !

Chim non lạc lõng trong chiều vắng
Nhịp cánh đều đều lặng lẽ bay
Nhón nhác tìm đàn nhưng chẳng thấy
Xa xôi bàng bạc, chỉ trời mây !

Lác đác rơi chi những lá vàng
Hay là báo hiệu buổi thu sang
Lá vàng rơi rụng nghe xào xạc
Như trách lòng ai quá phũ phàng

Chiều nay gió nhẹ và mưa tạnh
Sao lạnh lòng tôi mãi lạnh nhiều ?
Băng giá tìm non sâu ứ đọng
Trông vơi quê cũ lắm thương yêu.

An - Hương
ĐÀM QUANG LÝ

DUYÊN NU'ỚC



— Dù ở bãi biển Quy-Nhon, Nha-trang,
Phan-thiết hay Vũng-tầu, Hân vẫn nghĩ
đến người con gái đó : **CÓ CÁ NỮ**

G I Ó lộng thồi. Hằng muôn
ánh sao li-ti nhấp nháy trên
nền trời cao, trong vắt không một
gợn mây. Nàng trắng tròn trĩnh,
sáng vàng vạc. Mặt biển óng ánh
vàng rực rỡ. Từng đợt sóng vàng
rướn mình lên rồi đổ ụp xuống,
liếm nhanh mặt cát. Tiếng sóng
gầm, tiếng phi lao vi vu một điệu
nhạc hùng tráng.

Hân vuôn vai hít đầy hai buồng
phổi không khí trong sạch của
biển cả. Đứng trước cảnh hùng vĩ

★ HOÀNG-THĂNG

của đại-dương, Hân thấy mình
nhỏ bé hẩn đi.

Đang triển miên ngắm cảnh đẹp,
anh ngạc nhiên khi nghe có một
giọng hát trong trẻo—tiếng hát của
người con gái—nổi lên. Vào giờ
này còn có ai ở ngoài bãi biển
nữa. Anh nhón nhấc tìm nơi
phát ra tiếng oanh vàng. Mà
cũng lạ thay, tiếng hát lại nổi lên
tự ngoài khơi vọng vào.

Ồi tiếng hát quyến rũ làm sao !

Tiếng hát từ mặt nước bay
vút lên trời cao, tỏa rộng trong
không gian rồi cùng gió biển bay
vào bờ. Tiếng hát trong như giọt
nước mưa thánh thót rơi. Lời ca
như khuyến nhủ người nghe nên
đi tìm một chốn trời mới đầy
hạnh phúc. Nơi đó không hề
có sự tranh dành ngôi thứ, địa
vị, không hề có sự ghen ghét,
thù hằn, lừa lọc nhau. Nơi đó
ngọc ngà châu báu chỉ giá trị
ngang những hạt cát chạy dài
bên bờ biển.

Hân say sưa nghe hát quên cả
ngoại cảnh như kỳ anh say mê
tiếng hát của một nàng ca sĩ trẻ
đẹp của đô-thành khi nàng trình
bày bản « Trăng sáng vườn chè ».

Ồi tiếng hát quyến rũ làm sao !

Khi bừng tỉnh, anh thấy mình
vẫn đứng sững ngoài bãi biển.
Sương xuống ướt đầm hai vai áo
và mớ tóc phất phơ trước gió.
Sóng vẫn gầm, tiếng phi lao vẫn
vi vu điệu nhạc quen thuộc và
tiếng hát từ ngoài biển vẫn dội
vào trong bờ. Trăng Thu vẫn sáng
vàng vạc.

Ai hát ngoài biển cả ?

Hân chợt nghĩ tới những
chuyện ma của Bồ Tùng Linh.
Da thịt nổi gai ốc, hàm răng run
lập cập, anh vội rào bước về như

chạy trốn. Tiếng hát « bám » theo
anh như treu ghẹo, như muốn giữ
anh lại.

Hay người con gái đó là một
cô cá nữ ? Phải chăng « nàng »
là con yêu quái trong số những
con yêu quái đã từng quyến rũ
Ulysse trong truyện thần thoại
Odyssee của nhà thơ Homère ?

Chạy về tới nhà, một thờ
không ra hơi, Hân thiếp đi trong
con ác mộng. Tiếng hát, tiếng
cười lại vang lên rồi một hình ảnh
kiểu diêm hiện ra. Người con gái
đẹp quá. Đôi lông mày lá liễu
cong vút, chiếc mũi dọc dừa, đôi
môi nhỏ tươi màu máu, khi hé mở
để lộ hàm răng ngọc trắng bóng.
Giòng suối tóc đen như mun lò
sòa trên vai như mái tóc của
những nàng trinh nữ dậy thì. Đôi
mắt, nhất là đôi mắt như thôi miên
Hân, làm anh đứng ngây người
ra nhìn không chớp mắt.

Cô gái lạ từ từ tiến lại phía
Hân, chiếc áo dài màu xanh nước
biển dính những ngôi sao nhỏ tỏa
ánh sáng theo nhịp bước đi. Nàng
đỡ tay lên vai Hân, ấn anh ngồi
xuống ghế rồi nhẹ nhàng đắp :

— Anh làm sao như người
mất hồn thể ?

Nghe giọng nói, Hân giật mình
sửng sốt. Anh nhớ ra đúng là

giọng hát trong đêm khuya ngoài biển cả. Trán anh đổ giọt mồ hôi, người như ngầy ngấy sốt. Đúng là yêu quái hiện hình rồi. Không hiểu vì có gì anh đã bị « cô nàng » ám ảnh, theo đuổi. Anh tự trách mình đã dại dột ra đây nghỉ mát vào mùa thu này.

Cô gái lạ như đoán được ý nghĩ của anh, đôi lông mày đượ lại, giao nhau thành hàng chữ nhất. Hân thấy vậy vội chớp chớp mắt để xóa dấu ý tưởng đen tối ấy đi. Nét giận giữ trên khuôn mặt xinh xắn của người đẹp cũng tan theo nhường cho nụ cười tươi tắn.

Nàng ôn tồn nói :

— Em không phải là yêu quái như anh tưởng đâu. Em là Cá Nữ, con út của Thái-bình-Dương Vương. Hôm nay là ngày sinh nhật của em, nên em được Phụ-vương cho phép lên mặt biển chơi. Anh là người đầu tiên may mắn đã được gặp em và — cô Cá Nữ dẫn mạnh từng tiếng — kẻ nào đã được em gặp, kẻ đó sẽ thuộc về em.

Nghe nàng nói vậy, Hân hỏi vội :

— Sao ? Cô nói sao ? Tại sao tôi lại thuộc về cô ?

— Anh sẽ thuộc về em, chúng

ta sẽ sống với nhau trong một lâu đài lộng lẫy dưới biển.

— Uy, tôi ở dưới nước sao được ? Tại sao cô không tìm « người » ở dưới đó mà lại ép buộc tôi, một loài khác giống với cô.

Cô gái lạ khúc khích cười :

— Anh thử nhìn xem giữa hai chúng ta có điểm gì không giống nhau không ?

Cô gái nghiêm mặt nói tiếp :

— Không phải ai cũng có điểm phúc đó anh ạ. Ấu cũng là duyên trời đã định. Hẹn anh một ngày gần đây em sẽ đến đón anh đi. Sau hết em nói cho anh hay, anh không thể thoát khỏi lưới của em đâu. Dù anh có ý bỏ nơi này em cũng tìm được anh. Lúc đó đừng có trách em không báo trước.

Nói xong người con gái mỉm cười đi ra khỏi phòng. Cánh cửa tự nhiên mở ra cho nàng qua rồi tự đóng lại như có một bàn tay vô hình làm việc.

Hân giật mình mở mắt, mồ hôi toát ra như tắm. Anh thoáng thấy một bóng người thoát nhanh qua hàng biển rồi biến mất. Hân không hiểu mình nằm mơ hay là sự việc đã xảy ra vừa rồi là thật. Anh cho rằng mình đã nghĩ ngợi nhiều quá về tiếng hát đêm

khuya nên đã sinh ra mộng mị. Nhưng còn bóng ai lướt nhanh bên cửa sổ ? Nhất là chung quanh anh như còn phảng phất một mùi thơm kỳ diệu, một mùi thơm mà anh chưa từng được ngửi thấy bao giờ.

Hân chợt nghĩ tới câu chuyện một nàng cá nữ vì yêu một hoàng tử đẹp trai nên đã tự đổi chiếc lưới cùng giọng nói trong trẻo của mình cho một mục Phù thủy cá nữ để đổi lấy đôi chân người. Tình yêu đã khắc phục được mọi sự khó khăn trắc trở và hai người đã kết duyên Tần Tấn.

Hân nửa phân vân lo ngại, nửa thích thú. Bao dấu hỏi quay cuồng trong óc làm anh rối trí. Anh thiếp đi vì mệt. Ánh trăng vẫn soi sáng căn phòng. Tiếng sóng vẫn gầm thét sen lẫn tiếng gió thổi.



Sáng hôm sau, theo thường lệ, Hân dạo bước trên bãi cát ấm để ngắm cảnh bình minh. Mực nước rút tận ngoài xa xa. Những con dã-tràng nhỏ xíu chạy dúi bên chân Hân. Gió thổi nhẹ lượn qua mái tóc, mơn trớn má anh.

Hân khoan khoái hít không khí trong lành buổi sớm mai. Ngoài

biển cả, mây màu hồng bắt xuống nước làm sáng rực mặt biển. Những tia nắng đầu tiên len qua mây hồng thành những hình nan quạt. Mặc dù hăng ngáy vẫn được coi những cảnh đẹp đó. Hân cũng phải ngầy ngời và thăm phục hóa công đã là một họa sĩ đại tài.

Chợt có tiếng chân người bước nhẹ sau lưng. Hân quay vội lại. Một cô gái đang đi tới, nụ cười tươi nở trên môi, nhìn anh như đã từng quen thuộc.

Hân sững sờ không nói được nên lời. Đúng là cô gái đã đến với anh trong giấc mơ hồi đêm, nhưng giờ đây nàng hiện đến bằng xương bằng thịt chứ không mơ hồ, ma quái. Vẫn chiếc áo dài có đính những ngôi sao nhỏ lóng lánh theo bước đi.

Cô gái bước gần lại, tiếng nói nhẹ và trong vắt :

— Chắc anh chưa quên em ? Hôm nay em đến đón anh đây.

Hân vội chối :

— Cô là ai tôi không hề được quen biết ? Mà cô dám đón tôi đi đâu ?

Cô gái cau mày :

—À, anh định không nghe lời em phải không ? Loài người các anh hay ưa nói dối dù sự thật đã

rành rành. Với em, không một lời đối trá nào có thể che mắt được.

Hân vội thoái thác :

— Có có thể đề đến hôm khác được không ? Hôm nay tôi bận quá.

Cô gái cười to :

— Anh bận gì ? Phải chăng anh bận ngắm cảnh bình minh ngoài biển cả ?

Nàng thân nhiên nói tiếp :

— Hôm nay anh phải đi với em. Vào giờ này, dưới Thủy-tinh cũng đang hân hoan chờ đón chúng ta tới, phải đi ngay mới kịp.

Nói rồi nàng nhìn thẳng vào mắt Hân như thôi miên. Tự nhiên anh không tự chủ được lòng mình nữa. Mỗi lời nói của cô Cá Nữ là một mệnh lệnh. Anh lặng lẽ gật đầu rồi đi theo nàng. Hai người đi ngược ra phía biển. Nước lạnh mơn trớn chân anh.

Bất chợt Hân quay lại nhìn căn nhà thân yêu của mình nấp sau hàng cây phi lao như từ biệt. Hân lưỡng lự không dám bước nữa, nhưng cô Cá Nữ đã nắm chặt lấy tay anh kéo đi. Da thịt mát rượi của nàng chạm vào tay làm anh rung mình nhưng thích thú. Nước tới đầu gối, tới ngực, tới cổ... Nước ngập mồm, tới mũi, phủ đôi

mắt rồi lấp kín tóc anh. Hân bước theo cô Cá Nữ một cách sợ sệt. Khi nước ngập đầu, anh tưởng mình sẽ bị sặc sụa vì nước biển, nhưng lạ thay, anh không thấy khó chịu chút nào khi thở. Anh vẫn thở đều như khi còn ở trên mặt đất. Nước không hề gây khó khăn khi anh hít không khí. Những làn sóng ngầm đưa nhẹ bước chân đi. Hân say sưa đi trong thế giới lạ lùng. Nhìn người bạn gái, anh thấy nàng cũng đang nhìn anh âu yếm.

Hai người rẽ bước đi, đi sâu xuống mãi. Lúc đầu còn có ánh sáng mờ mờ của ánh mặt trời chiếu rõ đường đi, càng sâu xuống ánh sáng càng nhạt dần rồi tối om. Hân không trông thấy gì nữa. Anh phải nắm chặt lấy tay cô Cá Nữ để lần bước đi. Chợt một làn ánh sáng hiện ra, tỏa chung quanh hai người rồi lan rộng mãi, rộng mãi. Hân loá mắt vì những màu sắc rực rỡ.

Từng đàn cá nhỏ đủ loại, đủ màu sắc bơi lượn như đón chào hai người. Những khóm san hô trắng toát hoặc đỏ hồng đang dang những cánh tay khẳng khiu vẫy vẫy chào đón. Từng đám rong biển rung rinh giữa làn nước trong. Một điệu nhạc huyền ảo

nổi lên chào mừng khách trần tục xuống xứ mơ.

Một chuyển động mạnh. Một đàn cá lớn đang lướt tới. Nào cá Kìm, cá Đào, cá Kim, cá Đối, cá Chim, Tôm Hùm, Đồi Mồi, Ba-ba. Khi tới trước hai người, chúng dừng lại, im phăng phắc, không một cử động của chiếc vây, chân.

Cô Cá Nữ bảo Hân :

— Chúng đến đón ta đây anh ạ. Bây giờ chúng mình ngồi lên lưng con baba kia để đi cho chóng.

Nói rồi nàng vẫy tay gọi con baba lớn nhất. Cả hai trèo lên mai ngồi. Hân thấy vững vàng như đang ngồi trên ghế bành. Cả đoàn lướt nước bơi như bay thẳng hướng trước mặt. Hai bên đường cây cối mọc chỉ chít tỏa ánh sáng đẹp và dịu mát. Từng đàn cá lớn nhỏ tung tăng lượn hai bên đường như chào đón quan khách.

Đoàn cá bơi tới một khúc quẹo thì gặp một đám đông cá khác đang chờ đón. Cả hai nhập làm một đoàn, dẫn đầu bởi tốp cá Bông Lau. Chúng bơi đứng, thân mình thẳng tắp, vây tua ra nom như chiếc phất trần lông gà. Theo sau là đoàn cá Tiên, vây to,

mình đầy màu sắc, hai chiếc vây dựng đứng.

Hân ngạc nhiên trước cảnh ngàn năm một thuở đó.

Chợt cô Cá Nữ reo lên :

— Anh có nhìn thấy không, các chị em đã ra đón chúng ta kia kìa.

Hân ngược nhìn, có đến bảy tám cô đang cười cá phi tới. Anh thấy cô nào cũng đẹp, một-cái-đẹp-nghiêng-nước-nghiêng-thành. Nếu mấy cô này xuất hiện ở Saigon, chắc hẳn anh phải chết mê chết mệt.

Cô Cá Nữ hỏi khẽ :

— Anh thành thực trả lời em nhé, anh xem em có đẹp bằng các chị ấy không ?

— Tất cả đều đẹp, cả cô cũng thế.

— Không, anh phải nói ai đẹp hơn ai chứ. Nói nhanh lên không các chị ấy biết chúng mình nói lén các chị giận.

Hân nói luôn không nghĩ ngợi :

— Cô đẹp hơn các chị ấy vì nét ngây thơ hãy còn in trên nét mặt.

Cô Cá Nữ mỉm cười sung sướng vì được khen, đôi má ửng đỏ.

Nhìn nàng đang được thỏa

mãn vì lời khen, Hân thoáng nghĩ :

— Ở dưới này mà cũng ghen tị vì sắc đẹp hơn thua ư ?

Hân thấy Cô Cá Nữ nhìn anh, trong ánh mắt có pha sự giận dữ :

— Anh chỉ tưởng có loài người các anh là biết hơn thua sắc đẹp thôi ư ? Như thế anh lầm lẫn. Dù ở đây hay nơi đâu cũng thế vì chúng em là... giống cái, tức là đàn bà đó, anh hiểu chứ ?

Hân vội gật đầu thông cảm :

— Tôi hiểu, tôi hiểu, thành thực xin lỗi cô.

— Anh trả lời có vẻ nịnh giống cái lắm, cô Cá Nữ mỉm cười.

Các chị cô Cá Nữ đã tới nơi. Họ tíu tít hội thăm cô em Út rồi ngấm ngấm Hân như nhìn một bức tranh đẹp trong phòng triển lãm, rồi thì thầm cười rộ với nhau. Tiếng nói của họ riu rít như tiếng chim nhưng không hẳn phải tiếng chim—nghe lạ tai lắm—Anh đoán chừng họ đang nói về mình. Đoàn thủy vật cũng nhếch mồm cười theo. Kỳ lạ nhất khi Hân thấy những con cá nhếch môi cười.

Thần nhiên Hân nhìn sự ăn mặc của mấy người mới tới. Cũng những chiếc áo có gắn những ngôi

sao nhỏ óng ánh như kim cương. Chân họ đi dép cỏ, một thứ cây dưới biển.

Sau chuyện hàn huyên, tất cả mời Hân về cung điện của vua Cha. Đoàn người và cá đi qua một chiếc cổng cao nhất như muốn vươn tới mặt nước. Hai bên cổng đứng án ngữ hai con bạch tuộc khổng lồ. Những vôi sù sì uốn éo bám vào cột. Đôi mắt thao láo nhìn Hân như nhìn một con « quái vật ».

Qua cổng, một chiếc sân rộng lát toàn vàng khối, màu vàng của sự giàu sang trên trái đất. Chung quanh sân trồng toàn một thứ san hô màu đỏ rực. Lại qua một chiếc cổng nữa.

Trong phòng đợi có đặt những chiếc đôn ngọc thạch màu xanh hoặc đỏ tươi quây chung quanh chiếc bàn dài bằng ngọc màu tím. Phía góc phòng có chiếc cửa ra vào chằng riềm che, mỏng như tơ nhện bay lất phất.

Tất cả ngồi xuống ghế chờ đợi. Một cô lớn tuổi nhất vào trong báo tin. Một lúc sau, nhạc sáo vang lừng, một đoàn các cô gái tuổi chừng mười lăm, bước ra đi thành hai hàng, tay cầm những chiếc quạt nhỏ màu trắng như tuyết. Sau hết hai cô lớn hơn cả đi

kèm hai ông bà già, mặc mũ phục hậu, tóc bạc như tuyết phủ, đôi mắt lẹc sáng. Chiếc áo dài có thêu rồng trước ngực.

Chị em cô Cá Nữ đều quỳ tung hô vạn tuế. Hân cũng bắt chước họ quỳ xuống. Anh nghĩ thầm « Chắc đây là Thái-bình Dương Vương ».

Vua Thủy-tề cho phép tất cả bình thân và gọi riêng cô gái Út lại hỏi. Ông già nhìn Hân làm anh cảm thấy lạnh buốt xương sống. Người nhìn anh một lúc lâu rồi quay sang phía bà mẹ cô Cá Nữ thăm thì. Hân ngại ngùng không hiểu mình rồi sẽ ra sao khi hai người đang nói tới anh.

Thái bình Dương Vương gọi Hân lại gần khuyên nhủ :

— Con đã được em Út đoái tưởng, vậy con đừng có làm điều chi cho em nó buồn phiền. Con ở hẳn đây sống với nó và đừng nghĩ ngợi gì cả. Thôi ta cho phép các con được tự nhiên.

Phán xong hai người quay vào trong cung. Chỉ còn lại mấy cô Cá Nữ và Hân. Họ bày tiệc linh đình để mừng cô em đã có người tình muôn thuở. Tất cả đều cười nói âm ỉ, tự nhiên hơn cả các cô gái mới trên mặt đất.

Cô Út, đôi mắt sáng long lanh, đôi má hồng lên vì hạnh phúc. Riêng Hân ngồi im lặng. Anh ngơ ngác giữa đám « người con gái » mà anh chắc chưa có ai được hân hạnh biết họ, ngồi cạnh họ như anh.

Thấy Hân tư lự, cô Út vội hỏi :

— Hôm nay là ngày vui của chúng ta tại sao anh lại buồn thế ? Anh cảm thấy xa lạ lắm phải không ?

Hân gật đầu thú nhận.

Tất cả các cô « gái » nhao nhao nói :

— Thôi chúng ta dẹp bàn đề cho hai em đi nghỉ.

— Phải đấy ! Phải đấy !

Cô Cá Nữ dắt Hân vào một căn phòng lộng lẫy. Từng chùm ngọc trai dăng quanh tường. Một thứ ánh sáng huyền ảo, mơ hồ tự những hạt trai tỏa ra mát dịu.

Cô Út dịu anh tới giường, nệm bằng rêu mịn như nhung, Hân ngậy ngất khi tắm thân mát dịu của nàng ngã vào người anh. Hân đã quên hết. Anh quên cả cuộc sống của anh, quên cả mặt đất nơi chính anh ở. Anh chỉ biết bên anh, người vợ đẹp đang nằm chờ anh để cùng nhau trao đổi ái ân, dù người đó chỉ là một Cá Nữ...



Hân sống đầy hạnh phúc dưới nước không rõ đã bao ngày. Nơi đây không có ngày đêm, lúc nào cũng chỉ một thứ ánh sáng dịu dịu mát mát. Ở dưới nước, tất cả đều lạ đối với anh. Thức ăn cũng rau thịt, hoa quả, rượu như trên mặt đất nhưng ngon và say dịu.

Lần đầu tiên được cô vợ cá dẫn đi coi phong cảnh trong thủy-tinh cung anh thấy háo hức khôn kể. Mấy cô chị cũng đi cùng. Muốn cho sự đi lại được dễ dàng nhanh chóng, tất cả đều trút bỏ xiêm-y. Và trước sự ngạc nhiên của Hân, họ không còn hoàn toàn là người nữa. Đôi chân thon nhỏ, trắng hồng đã biến đôi thành một đuôi cá lớn. Hân sợ quá, ngay cả vợ anh nữa cũng thay đổi, từ bụng trở xuống là đuôi cá, có vây óng ánh.

Biết được ý nghĩ của anh, cô Út vội th thẳm bên tai :

— Có chi mà anh sợ. Em và các chị biến thể như vậy để tiện xê-dịch, chẳng lẽ cứ ngồi trên mai rùa mãi ru.

— Nhưng còn anh, anh không thể theo kịp các chị và em được.

— Anh yên tâm đã có em dắt anh theo khi em bơi. Anh sẽ thấy thích thú khi dự cuộc du ngoạn

này.

Nói rồi nàng nắm chặt tay Hân bơi theo các chị. Nước rẽ nhanh nhường lối cho bọn người cá bơi. Hân thấy qua không biết bao nhiêu đường đất. Từng khu rừng lùi lại sau anh. Những khu rừng toàn cây lạ. Tới một thung lũng tất cả đều dừng lại. Nơi đây là xứ Trai. Toàn trai là trai, con to nhất bằng cỡ chiếc nón.

Khi các nàng công chúa Cá tới, chúng đồng há miệng ra như chào đón. Những viên ngọc lớn tự trong miệng hắt ra một thứ ánh sáng xanh mát. « Một kho tàng trong miệng chúng » Hân thầm nghĩ.

Các cô cá lướt qua từng con một, chọn những hạt ngọc đẹp nhất. Khi lấy viên nào họ lại vỗ vào vỏ như khen thưởng chúng. Hiểu ý con trai ngậm miệng lại. Hân cũng chọn một viên lớn rồi cũng vỗ vào vỏ của nó. Con trai ngậm ngay miệng lại.

Sau đó cả bọn lại bơi đi nơi khác. Đến một khu quang vắng không cây cối, mọi người nhoi lên mặt nước. Hân cũng nhoi theo. Được nhìn thấy trời, mây anh khoan khoái hít không khí quen thuộc đầy hai buồng phổi. Anh thấy say say như vừa nhấp ly rượu.

Nơi đây có lẽ xa, đất liền lắm, chỉ có nước và chân trời xa tắp. Từng đoàn cá chim bơi tung tăng quanh quẩn, thỉnh thoảng chúng bay vút khỏi mặt nước, lao mình đi một đoạn khá dài rồi lại chìm xuống biển.

Các cô chị nô đùa té nước nhau âm ỷ. Cô Út đứng cạnh Hân, nàng cất cao giọng hát, bài hát nhắc nhở Hân nghĩ tới một đêm rằm tháng Tám khi anh mãi ngắm cảnh đẹp của Hóa-công nơi căn nhà thuê gần bãi biển. Giờ đây anh dương bị giam lỏng nơi biển cả này, với cô vợ Cá.

Nhìn thấy trời, thấy mây anh nhớ lại cuộc sống trên đất liền, anh nhớ tới những người quen thuộc. Cuộc sống ở dưới nước dù có dễ chịu nhưng không phải là cuộc sống của anh. Phải có tranh đấu, phải có lo nghĩ, phải có mơ mộng mới đúng là cuộc sống. Ở đây bình thản quá, sung sướng quá và cũng xa lạ quá.

Chợt Hân nhìn thấy tận đằng xa có một làn khói đen tỏa lên không trung rồi một ống khói tàu hiện ra. Hân thầm mong chiếc tàu đó sẽ chạy về hướng mình đứng. Nhưng anh lại thất vọng ngay. Các cô Cá Nữ gọi nhau đàn ngay xuống biển sâu kéo luôn

cả Hân xuống theo. Anh lại thấy mình xa cách hẳn với loài người, đồng chủng của anh.

Khi trở về, mọi người đi theo con đường khác. Đây đó một vài xác tàu chiến nằm chình ình, rong, rêu phủ gần kín.

Cô Út chỉ xác tàu nói với Hân :

— Anh xem loài người các anh ưa chiến tranh quá. Chém giết nhau làm chi ? Định tìm tới mục đích nào trong sự sát phạt ?

Hân ôn tồn giảng giải :

— Em ở đây bình thản quá nên em không hiểu được. Chiến tranh chỉ là kết quả tất nhiên của một cuộc tranh đấu lý tưởng giữa hai đối thủ để giành nhau phần thắng lợi. Có khi vì sự thặng dư của một nền kinh tế quá ư phồn thịnh cũng gây ra cuộc chiến tranh để tìm thị trường tiêu thụ.

— Loài người các anh phiền phức nhỉ. Tại sao không tìm an nhàn mà thụ hưởng.

— Đời sống của loài người đâu có bình thản như em ở dưới đây. Phải tranh đấu mới sống được. Dù một nhọc, khổ cực họ vẫn sung sướng khi họ đã được thỏa mãn.

— Còn anh ?

— Anh cũng là người như họ.

Cô Út buồn rầu nói :

— Như vậy anh không thích một đời sống vui tươi ở dưới này bên cạnh em ư ?

— Anh thấy khối óc bé nhỏ của anh bị cản cỗi đi vì không phải nghĩ tới một điều gì.

— Anh không nghĩ tới em ?

— Anh vẫn yêu em nhưng anh không thể sống mãi như thế này được. Anh muốn được trở về đất liền, nơi đó mới chính là đất sống của anh. Anh muốn được hòa mình vào cuộc sống của đồng chúng, vui với cái vui của họ, buồn với cái buồn khi có.

Đôi mắt người vợ long lanh giọt lệ :

— Anh định xa hẳn em ?

— Không, em cũng trở về cùng anh.

— Em không phải là người, em không thể trở về chung sống với họ được dù đã có anh bên cạnh.



Với giọng trầm trầm uy nghiêm Thái-bình-Dương vương nói :

— Hai con không thể ở với nhau lâu được, đó cũng là số mệnh. Con là người con phải trở về với loài người. Nơi đó mới chính là đất sống, đất hoạt động của con. Ta cho phép con được

về thong thả, tiện đây ta biểu con chiếc vòng ngọc này, nó sẽ giúp con chống mọi cơn phong ba bão táp khi con đi biển.

Quay sang cô Út, người tiếp :

— Còn con, con cũng không nên buồn vì chuyện chia ly này. Ta biết ngay khi con dẫn chàng tới nhưng ta không cản vì số của hai con vẫn kết hợp vợ chồng dù ngăn ngại.

Nghe Phụ-vương phán, cô Út khóc ròn, nín chặt lấy Hân như sợ mất. Hân sung sướng khi sắp được tự do nhưng anh cũng thương cảm người thiếu nữ Cá đã từng chung sống với anh trong một khoảng thời gian ngắn.

Hân muốn quay về ngay nhưng còn ngại ngần khi giòng lệ vẫn chảy trên đôi má người vợ Cá. Đề cho Hân khỏi bịn rịn, Thái-bình-Dương cho phép anh về ngay.

Biết không thể giữ lại được nữa, cô Cá Nữ dẫn Hân về phòng riêng để từ biệt.

— Từ nay chúng ta đã xa hẳn nhau rồi, em chỉ mong anh đừng có quên em.

— Nếu anh muốn gặp em thì phải làm thế nào ?

— Không, anh chỉ nên nghĩ tới em thôi, chứ không nên gặp

nhau nữa. Gặp nhau mà làm gì cho thêm khổ. Mỗi người một lối sống riêng biệt, tình vợ chồng tới đây là hết rồi. Chỉ còn có dĩ-vãng là đẹp thôi. Nhĩ tới dĩ-vãng là đủ rồi anh ạ.

Khi rời khỏi phòng, Hân được các cô chị vợ tặng cho mỗi người một món quà quý để làm kỷ niệm. Riêng cô Út tặng anh mớ tóc đẹp nàng mới cắt nơi suối tóc phủ lưng nàng.



Đoàn Cá Nữ tiễn Hân tới tận bờ biển. Trời đã về khuya, trên không trung những ánh sao nhấp nháy như theo dõi cuộc tiễn đưa

này. Cô Út không đi, nàng muốn tránh một cuộc tiễn đưa đầy nước mắt.

Hướng mắt nhìn theo tới khi không còn một bóng ai trên mặt biển, Hân mới quay về. Anh lắng tai nghe những tiếng động quen thuộc của mặt đất. Vẫn tiếng sóng gầm của biển, tiếng phi pháo của dấy phi lao mọc dài theo bãi cát.

Hân hơi thoáng buồn khi nghĩ tới những hình ảnh quen thuộc dưới nước nhưng anh cũng toại nguyện khi mình đã được trở về.

HOÀNG - THẮNG



✱ LY - DỊ

Một ông râu quạo đến nói với Trạng-sư :

— Tôi muốn ly-dị vợ tôi, vì 20 năm nay nó chuyên môn ném chén đĩa vào đầu tôi.

Trạng sư ngạc nhiên :

— Vợ anh ném chén đĩa vào đầu anh 20 năm nay, sao bây giờ anh mới ly-dị ?

— Tại vì 20 năm qua nó ném không trúng, bây giờ nó ném đầu trúng đó, tôi chịu không được nữa.

B.T.

TÌM
HIỂU

NGOẠI
QUỐC



NỮ-UỚC: THÀNH PHỐ KHÔNG LÒ TRÊN MẶT BIỂN

✱ U. S. AM.

● *Cứ 22 phút lại có một chiếc tàu vào hoặc ra trên cửa sông Hudson là nơi được thiết lập một hải cảng lớn nhất thế giới*

NỮ-UỚC, một thành phố quay ra biển, là một đô thị trẻ trung nếu so sánh với các đô thị Âu Châu—vì mới được người Hòa-Lan thiết lập năm 1653 và đến năm 1800 vẫn chưa có tới 80.000 người—

hiện nay đã trở nên một thành phố khổng lồ, dân số hơn tám triệu, thêm vào đó mỗi năm lại có 13 triệu du khách ngoại quốc nữa. Trong các đường phố vô cùng đông đúc, số xe cộ lưu thông lên tới 1.300.000 xe du lịch, 128 ngàn xe cam-nhông và xe chuyên-chở thực-dụng, hơn 23000 tắc-xi và ô-tô-buýt, nhưng chỉ đến đầu phố đã trông thấy biển và nghe thấy tiếng còi tàu rồi. Hải cảng Nữ Ước có 200 đập, đủ

NỮ ƯỚC

chỗ cho 400 tàu đỗ một lúc. Thành phố chia làm năm quận: Manhattan, Bronx, Brooklyn, Queens, Richmond, xây cất trên ba hòn đảo và một bán đảo cách nhau bởi những nhánh hoặc cửa biển, và những cửa sông là nơi nước thủy triều rút về. Những chiếc cầu rộng lớn và những đường hầm vĩ đại dưới lòng sông Hudson nối các đảo với nhau. Manhattan, trung tâm của thành phố cũng chỉ là một mũi đất quay ra biển. Bờ sông đến đây hẹp lại nên nhiều nhà chọc trời được xây cất như một rừng gai góc khoảng giữa sông Hudson, sông East River, và vịnh Nữ Ước.

Biển ở giữa thành phố

Du khách từ biển khơi vào trước hết gặp thấy hàng rào bằng đá, bằng sắt, và bằng kiếng của các nhà chọc trời, và sẽ không bao giờ quên được hình ảnh đẹp dễ đó. Đoạn tàu thả neo bên một trong những đập vây tròn quanh bờ sông Hudson và mũi Manhattan. Du khách nhận thấy mình lên bộ ngay giữa thành phố, gần những nơi đã được biết danh: Central Park, giống Bois de Boulogne ở Ba-Lê, hình chữ nhật,

rộng 33 mẫu tây, ở giữa khu buôn bán, Broadway với các rạp hát, khu Rockefeller Center với mười sáu tòa nhà, đại lộ Fifth Avenue, tòa nhà Empire State 102 tầng cao 446 vượt hẳn lên trên khu rừng chỉ chít các nhà chọc trời. Nếu tiến về phía đông, dọc theo một trong những dãy phố thẳng hàng có ngã tư vuông vức, du khách sẽ thấy nền đá lát cao 150 mét, nơi đặt văn phòng Liên-Hiệp-Quốc, xây trên bờ sông East River, ở đó bỗng dưng thấy lại gió biển, mùi dầu hắc, cùng tiếng chim hải âu đã từ già từ khi lên bờ. Nếu đi xiên về phía nam, du khách sẽ tới Fulton Fish Market — một chợ bán cá, Wall Street — một phố tài chính nổi danh, một đầu có nhà thờ che kín còn đầu kia quay ra những bến tàu khác, gần sát bờ. Cuối đường du khách đi tới Battery Park là nơi người Âu Châu thứ nhất, Giovanni Verrazano, quê vùng Florence, làm hoa tiêu trên chiếc tàu Pháp « La Dauphine », đã đổ bộ lên năm 1524, và sau đó đã đặt tên cho hải cảng Nữ Ước tương lai là Nouvelle Angoulême (tên này bị bỏ hai năm sau đó, khi người Hòa-Lan mua vùng

Manhattan của người Da-Đỏ, và gọi hải cảng này là Nouvelle Amsterdam). Du khách còn có thể quay bước về phía những phố yên tĩnh tại Greenwich Village, kiếm xóm nghệ-sĩ Montparnasse của Ba-Lê, ở giữa Washington Square và bờ sông Hudson, nơi còi tàu còn vang lên từ phía sông

như nhắc nhở rằng đây là một hải cảng không thể bị lãng quên trong đời sống người dân Nữ-Ước được, vì bất cứ đi đến chỗ nào họ cũng phải tiến cạnh nước, hoặc vượt trên nước bằng cầu hay bằng tàu, hoặc dưới nước bằng đường hầm.



* ÁN TREO

Quan tòa : Sau khi nghị án, Tòa nhận thấy anh vi phạm mà phạm tội nên tòa phạt anh 5 ngày tù treo.

Phạm nhân : (hoảng hốt) Trăm nghìn lạy quan tòa cho con tù ở hay tù gì khác con cũng xin chịu.

Quan tòa : ! ???

Phạm nhân : (mếu máo) Quan tòa thương con thì thương cho trót chứ con ốm yếu thế này làm sao chịu nổi 5 ngày tù treo ! Treo con 5 ngày như thế thì con chết mất !

TRẦN-DUỘC

* HẾT SAY

Sau một đêm dự tiệc say túy-lúy ở nhà hàng Thanh-Thế, một văn sĩ nói chuyện với bạn đồng nghiệp :

— Hồi hôm anh say quá mức, đến đổi anh viết giấy bán cái buin-đin Caravelle cho tôi.

— Có lý nào ! Tôi đâu có quá say như thế !

— Thật, chính tôi đã mua cái buin-đin đó của anh mà !

MOI THÙNG RÁC CÓ TRỞ THÀNH TỶ-PHÚ KHÔNG ?

* TRỌNG-TÁU

NẾU đã có một lần ta nói đến câu : « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh », thì ta phải bảo rằng : « bất cứ ở đời này không có nghề gì là đáng chê cả, kể cả nghề MOI THÙNG RÁC.

Bạn khinh những kẻ này ư ? Bạn cho nghề này là một nghề « đồ bỏ » ? Bạn sẽ cười khi nghe câu hỏi : MOI THÙNG RÁC CÓ TRỞ THÀNH TỶ PHÚ KHÔNG ?

Thật ra thì chưa có ai đã trở thành đại tư bản nhờ nghề này cả. Tuy nhiên nếu nhìn cách làm ăn có tổ chức của tập đoàn những người hành nghề nói trên, bạn sẽ vô cùng ngạc nhiên và đành phải kết luận : « Moi

thùng rác rất có hy vọng trở nên tỹ phú ». Cũng cần phải nói rõ, đây là tổ chức làm ăn của dân chúng các nước mà nền kinh tế đã cách xa ta vượt bậc. Đây không phải là một bài tả lại cuộc đời của nhà TỶ PHÚ MOI THÙNG RÁC, song lẽ nó cũng liên quan đến sự tìm hiểu những phương pháp chạy đua đi tìm tiền, cho nên xin mạn phép xen kẽ vào loạt bài cuộc đời các nhà tỹ phú để tăng thêm phần thú vị cho loạt truyện mà ta đang theo dõi.



Bấy giờ sáng !

Ánh dương ló dạng trên sông

Scine như muốn xua đuổi các tấm màn sương còn đang cố bám lấy khung cửa sổ những dãy nhà lầu trên bến Monte-Bello của đô thành ánh sáng.

Bạn hãy liếc nhìn đi thử vào một vài con đường nhỏ để xem. Nhìn những nền đất lồi lõm tự ngàn xưa, khung cảnh hỗn độn của những căn nhà xây cất không ngay hàng thẳng lối với những mảnh tường nứt nẻ, bạn sợ sập đổ ư? Không sao đâu! Đã từ cả thế kỷ nay khung cảnh trên vẫn cứ như thế đấy! Mùi hôi mốc đã tạo nơi đây thành một không khí đầy thân mật. Trong xô xấp đó, dưới những cái cổng tối om, ta thấy hiện ra những tấm bảng gần như trôi hết chữ, mang tên các đường phố chứa đựng những gì rất thân mật: đường nhà hàng Colbert, đường Tam Môn, v.v...

Chính đó là nơi của thể giới những kẻ không cần biết thể nào là văn minh, không luật lệ, chẳng cần hợp thời trang, chẳng tin thần thánh; họ không cần phải có quan trọng quan nhậm, họ là những kẻ « moi thùng rác ».

Tập đoàn này được họp lại thành từng nhóm nhỏ, từ khắp

các ngã, đi lại phía công trường Maubert (được coi như tổng hành dinh của họ). Tại đây đã có tất cả 5 chủ nhân ông moi thùng rác dựng lên các cửa hàng đồ sộ. Một trong những cửa tiệm đó chứa đựng không biết cơ man nào là giấy vụn, dễ rách cùng nhiều vật dụng lạ, cả từ cái đồng hồ cho đến cái mũ, đôi giày mà hôm qua bạn mới quăng vô thùng rác.

Marcel la Chique đã nói một cách hành diện như sau:

— Tôi là con một người moi thùng rác, tôi đi moi rác « trong vũng » của cha tôi để lại, từ năm 13 tuổi. Tôi có 3 đứa con gái đều lấy những người moi rác. Đứa con trai của tôi đã thành công trong nghề này. Hiện nay nó là người bán xỉ dễ rách.

Những người nói trên thấp thoáng như những bóng ma qua các đường phố của đô thị Ba-lê ngay từ lúc 4 giờ sáng, sống một cách rất độc lập, nhưng vẫn vui lòng chịu hai thứ kỷ luật vô cùng nghiêm khắc. Đó là: luật lệ của Tòa Đô-Chính và luật lệ của đoàn thể họ.

Moi thùng rác là một đoàn thể nghề nghiệp rất thân mật với

nhau và có cuộc sống rất thú vị. Đã từ xưa, bao nhiêu những tạp quán đều không hề thay đổi.

Người gác cửa bao giờ cũng tin cần mấy anh chị em đi moi rác; sáng nào, chính những người này cũng làm phận sự đem thùng rác để ra trước vỉa hè.

Tại sao trên kia, Marcel la Chique lại nói đến cái vùng của cha anh để lại? Người ta được biết rằng, mỗi người moi rác chỉ được quyền xử dụng những thùng rác nhất định trong các phố đã dành riêng cho họ. Biên giới này được qui định rõ ràng trong giới anh em, chẳng khác chi ranh giới ghi trong bản đồ địa-bộ. Cũng có vùng tốt, vùng xấu; cũng có những thời kỳ « được mùa » thời kỳ không. Ta hãy nghe Jojo les Gros Bras nói chuyện thì biết:

— Trong lúc này thì « được mùa », vì là thời kỳ mà các bà may y phục mới; do đó, họ loại các đồ cũ ra, nên ta lượm được nhiều thứ.

Những người moi thùng rác có một tinh thần tương trợ rất cao quý và họ thường gọi nhau bằng « anh em ».

Ritou les Varices đã được đồng

nghiep tặng cho chức bác sĩ vì chàng thường chữa chạy cho các anh em trong những bệnh thông thường. Anh ta tâm sự:

— Phải, tôi đã đậu 2 phần tú tài. Tôi đã theo ngành Y khoa đại học trong 3 năm. Sau này vì thất tình, tôi uống rượu lu bù và bỏ học. Từ lúc đó tôi đi làm đủ các thứ nghề: bồi bàn, người khâu vá, thư ký v.v.. Nhưng, cứ mỗi lần buồn quá tôi lại say sưa rồi mất việc. Sau rốt tôi đành chọn nghề moi thùng rác, bồi vì, ở đây dù có say cách mấy cũng không ai rầy la gì cả. Khi nào hết say tôi lại moi rác theo những vùng tôi đã mua được. Ngoài ra vì biết qua chút ít y học tôi chữa chạy cho các bạn bè cứ mỗi lần như vậy, tôi lại được anh em thưởng cho 1 chai rượu làm của thù lao.

Ritou còn nói thêm:

— Muốn làm chủ những vùng moi rác, người ta phải mua từ 10.000 đến 50.000 quan mỗi vùng, tùy theo sự quan trọng của số rác rưởi.

Do luật ngày 7 tháng 12 năm 1946, mỗi người moi thùng rác phải được tòa Đô Chính cấp cho tấm thẻ thì mới được hành

nghề. Mỗi khi họ giải nghệ họ đem tấm thẻ đó bán cho kẻ khác. Hoặc giả, nếu họ có tạm nghỉ 1 thời gian thì lại đem thẻ cho bạn thuê. Sở thẻ chỉ cho có hạn.

Nếu ai xâm phạm sang « vùng » của kẻ khác thì sẽ bị thanh toán bằng dao bằng búa ngay.

Cảnh sát ít can thiệp đến những lệ luật tự trị của đoàn thể này.

Ngoài những người moi thùng rác chính thức, còn có một hạng lang bang. Bọn này không có giấy phép và moi bất cứ ở đâu, với điều kiện là phải moi sau các anh chính thức.

Bọn lang bang bị mấy bác moi thùng rác nhà nghề ghét cay ghét đắng vì họ cho rằng bọn này gian xảo lắm. Có lắm khi chúng ấu cấp giấy vụn hoặc, khi bán dễ rách thì đem bỏ 1 cục đá vào giữa để cho cân được nặng hơn lên.

Mấy chủ nhân ông moi thùng rác đứng bên cái cân mua hàng và liền sau đó đã có người lựa riêng ra từng món cho có thứ tự.

2kg vải sợi 200 quan; 1 cái nón: 15 quan; 1 đôi giày: 80 quan; 10 kg dễ rách: 200 quan

10 kg sắt vụn: 120 quan, vị chi là: 615 quan.

Cuộc mua bán như vậy được trả ngay bằng tiền mặt và người bán, kẻ nọ tiếp theo kẻ kia giao hàng.

Có 2 người thợ cũng tay trong nghề moi rác, chuyên lựa chọn những món hàng đã mua để đóng thành bao. Họ lãnh mỗi người từ 10.000 đến 12.000 quan trong một tuần.

Mỗi tuần thì lại có 1 người mua xỉ đến chở các bao này đi.

Nhìn vào công cuộc làm ăn của những người mua sỉ, ta mới thấy sự quan trọng của ngành moi thùng rác. Họ phải dùng tới cả trăm người thợ. Không những họ mua hàng do 4.500 người moi rác ở Ba Lê cung cấp mà họ còn mua cả những món do tiệm đồ cũ bán ra, hoặc những đồ do chính phủ không dùng nữa.

Mỗi ngày các thùng rác bỏ ra từ tấn giấy này đến tấn khác. Giấy đó được lựa ra làm 10 thứ khác nhau, dùng trong việc làm bột giấy thường hoặc bột giấy « cát-tông ». Những sản phẩm của thùng rác đã chiếm tới 80% tổng số nguyên liệu

dùng trong việc làm giấy.

Những giấy dếp và mũ thì được thầu gộp, sửa lại để gửi đi ngoại quốc hoặc những xứ kém mở mang bán cho khách dùng.

Các sắt vụn dùng trong các hãng đúc.

Những lông thì để bán cho thợ nệm.

Kiểm vụn và ve chai vỡ rất cần cho kỹ nghệ làm ve chai. Người ta cung cấp cho hãng thủy tinh cả từng toa xe lửa đầy ngập.

Những mẩu bánh mì thì lại càng quý cho các nhà chăn nuôi, giá mua chừng 20 quan 1 kí lô.

Còn nhiều và nhiều thứ lắm. Nhìn con số vĩ đại sau đây ta hình dung ngay được sự quan trọng của ngành moi rác. Công việc này đem lại cho nhiều người các món tiền khổng lồ không ai ngờ được.

Trong 2.200.000 tấn giấy sản xuất 1 năm thì người ta đã dùng đến 600.000 tấn giấy lượm lại, trong đó có ít ra là 90.000 tấn moi ở trong thùng rác lên.

Ta nên nhấn mạnh rằng muốn làm 1 tấn giấy phải dùng tới 3 thước³ gỗ. Trong 1 năm, nếu không có giấy cũ lượm lại, ta phải đốn ít ra là 32.000 thước vuông của một khu rừng mới

có đủ nguyên liệu cho việc sản xuất giấy.

Trong 1 triệu tấn sắt sản xuất hàng tháng, 27.000 tấn đã do sắt cũ lượm lại cung cấp.

Hàng năm, không những người ta làm lợi được rất nhiều trong việc tiết kiệm ngoại tệ, nhờ những sản phẩm của thùng rác, mà chính nhờ cách đó người ta xuất cảng được đến từ 20 đến 30 tỷ sản phẩm nhất nhạnh lại.

Ái có thể ngờ được rằng một người chuyên sống về ngành này đã dám mua hẳn cả chiếc thiết giáp hạm « Paris » với giá 532.250.000 quan không? Sau khi mua xong họ phải thuê tàu kéo từ Brest tới Seyne (gần Toulon) để rồi phá ra và lấy sắt vụn.

Công cuộc làm ăn này rất phồn thịnh ở nước người. Họ phải dùng tới xe cam nhông, xe lửa để vận tải những món hàng. Họ phải dành những kho chứa vĩ đại không thể ngờ được để đựng các món hàng trên.

Như vậy, có ai dám bảo là moi thùng rác không trở thành tỷ phú?

TRỌNG-TÁU

KỠ SAU: Bauche, ông vua từ sắt.

TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC

★ GIANG TRANG

MỘT hôm, có dịp ra tỉnh chơi, ngồi trên xe, bác Tân nghe những người đồng hành kể những chuyện trúng số, kể nói chuyện người này trúng số, người kể chuyện trúng của người kia. Bác chưa biết và cũng chưa thấy ai trúng số bao giờ, nhưng nghe cũng « ức ».

Khi xe ghé bến, bác Tân bước xuống và mở gói bạc để trả tiền xe, thì, một cậu bé vào trạc 12 tuổi, chạy đến quảng cáo om-sòm và mời lia lịa :

— Vé số đây ông, 13 đồng một vé, trúng một triệu ông...

Bác Tân đưa cho cậu bé 13 đồng và mượn cậu bé xé một

tấm. Ngắm nghía hình vẽ, bác đọc các con số : 415.045.

Cẩn thận, bác gấp đôi tấm vé bỏ vào túi trong, sửa khăn áo rồi đi dạo phố...

★

Một tháng sau, có dịp Hội-dồng mời các thân hào nhân sĩ về cơ quan để họp, bác Tân cùng mọi người tuân lệnh Hội-dồng kéo về xã. Trong buổi họp, bác Tân còn ở lại rà-rậm xem hình ảnh, tờ báo này, rồi tờ báo khác. Thành linh, thấy mục kết quả cuộc Xổ Số Kiến Thiết, số trúng độc đắc giống hệt số của mình, bác đem giấy số ra xem, quả thật chẳng sai, đúng là số ra ngày 7 tháng 6.

Bác vội vã về nhà, vẫn điềm

TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC

nhiên, chẳng nói cho ai hay, bác xách dù ra đi, không dặn con, bảo cháu gì cả...

Khi đến tỉnh, hỏi chỗ làm việc của sở Ngân khố, bác Tân tìm đến và vào, cẩn thận mở gói lấy vé số đưa cho một nhân viên.

Bác chưa từng biết số tiền một triệu đồng là nhiều đến bao nhiêu, nên, xin nhân viên ấy cho lãnh ngay.

Nhân viên vào phòng trưởng Ty Ngân-Khố, báo cho ông Trưởng ty hay, trưởng ty mời bác Tân vào phòng khách và nói :

—Ồ, thần tài gõ cửa, bác trúng một triệu à !

— Dạ, « bầm quan », tôi đã trúng một triệu, đến đây nhờ quan cho tôi lãnh.

— Dạ, được, chúng tôi ký giấy biên lai, và xin giữ vé số của bác lại để điều tra trong một tháng, đến ngày, bác sẽ đến lãnh...

Một giờ sau, ông Trưởng ty giao cho bác một giấy biên lai, rất kỹ lưỡng, bác Tân gói vào một tờ giấy, cất trong túi trên và cáo từ ra về.

★

Một tháng sau, một lần nữa

bác vẫn làm tỉnh, dấu con, dấu cháu, xách dù xuống tỉnh. Đến Ty Ngân-khố và đưa giấy cho nhân viên phòng ngoài. Nhân viên này mời ông Ty-trưởng ra tiếp.

Trong phòng khách, ông Trưởng-ty nói :

— Bác có thể lãnh một số để về tiêu dụng, còn gửi lại Ty Ngân-khố, chúng tôi sẽ ký ngân phiếu giao cho bác, số tiền còn lại bác có thể đến lãnh vào dịp sau.

Vốn người dễ tính, muốn được thấy số bạc mà suốt trong tháng nay bác hằng mong đợi, nên bác tiếp liền :

— Sao cũng được, dạ, ngài cho tôi lãnh 100.000\$.

★

Khi nhân viên Ngân-khố đem những xấp bạc mới tỉnh, giao cho bác. Cảm thấy người sáng khoái, bác lẻ làng lấy khăn gói kỹ, xong chào tất cả mọi người.

Trên đường về, bác tự nhủ thầm : « Tân hôm nay là Tân giàu có, đại phú chứ không phải như Tân mọi lúc »...

★

Về đến làng, tuy gần tối,

nhưng Bác không quên ghé vào nhà người con gái, với thái độ giàu sang, kéo ghế ngồi, bác mở gói và kêu chú rể cùng con gái lên, bác nói :

— Tau trúng số độc đắc, được lãnh tiền nhiều quá, vô đây cho bay một ít.

Bác lấy ra trao cho con 10 xấp.

Thấy tiền tối mắt, cha cha, con con, quần quít, cô con gái chạy mua rượu về mời bác uống, quá chén, bác Tân đã ngà ngà, cô con gái liền tính với chồng :

— Ông già rồi, số tiền ấy chắc có lẽ ông đem về để dành cho thằng Minh, thôi chúng ta giết ông để lấy số tiền ấy.

— Không, không được, tính cha con trước hết ! Người chồng nói.

— Tôi nhất quyết, mình không đoạt để dùng thì uống, bữa sau thằng Minh cưới vợ về, vợ hắn là người đầu-đầu mà được sung sướng !

Khi này bác Tân quá say nên nằm ly bì bên chiếc chõng tre.

Lăn tránh chồng, cô vợ xách chiếc dao phay đến bên cha, không ngần ngại, cô đâm vào cổ người cha. Anh chồng từ nhà dưới chạy lên, thấy cơ nguy không thể cứu được nên đành

chận chân ông gia để ông ta khỏi vùng.

Khi bác Tân trở thành một cái xác tro tro, cổ dính đầy máu, vợ chồng người con gái ấy bèn khiêng ra sau hồ tre phủ rác lên để dấu. Xong, người vợ vào dọn những vết máu trong nhà.



Sáng hôm sau, Minh qua nhà chị để kiếm cha, người chị trả lời :

— Cha không đến đây, chớ cha đi đâu, bao giờ ?

— Từ hôm qua kia, chị ạ !

— Không sao, ông đi chơi đâu chắc trưa ông về, (cổ lập mưu giết luôn em nên cô tiếp) em ở lại đây làm thịt gà ăn với chị rồi sẽ về, và cô chị bảo em cắt cổ gà, Minh đem gà ra sau hè cắt cổ, đưa con trai cùng ra theo với cậu nó.

Khi cổ gà ra máu và máu dính đầy chòm lông cổ, gà vùng vẫy, chú bé thở thê với cậu :

— Cậu cắt cổ gà giống hồi hôm cha với mẹ con cắt cổ ông ngoại.

— Thằng ni, mi nói thứ gì lạ thế mi, cha với mẹ mi cắt cổ ông ngoại là sao ?...

Cơ nguy đã đến, người chị xách chiếc dao chạy đến cổ chặt Minh, Minh chạy thoát và la hét lên...



(Tiếp theo P. T. số 46)

★ NGUYỄN VỸ

TRONG số ký-giả chuyên nghiệp viết bằng Pháp-văn, và có biệt tài, phải kể ĐINH-XUÂN TIỂU. Tôi không được rõ anh học ở trường nào ra, và học lực thế nào, nhưng đọc các bài của anh lần đầu tiên bằng Pháp-văn trong tuần báo l' Effort Indochinois của Vũ-dinh-Dy, chú trọng về các vấn đề kinh-tế ở Đông-dương, tôi thành thật cảm phục

anh. Anh viết về kinh-tế rất trôi chảy, khúc-chiết, với những tài liệu dồi dào, xác thực, và đứng trên một lập trường tiến bộ rất vững vàng. Có lần tôi gặp anh ở Huế, anh rủ tôi về chơi một buổi tại nhà anh, một căn phố xưa, ở đường Đông - Ba, cách tòa báo Tiếng Dân không xa mấy.

Nhưng sau đó không lâu, tôi

lại nghe tin anh bị truy-nã về một tội « làm tiền » một bà nhà giàu ở Hải-phòng. Đinh-xuân-Tiểu có « làm tiền » bà nhà giàu kia hay không, tôi không được biết, nhưng trong một chuyến đi phiêu-lưu lang-bạt của tôi trên mấy làng sơn-cước Ba-Tơ, tình cờ một buổi sáng xem chơi tập hồ-sơ của viên Lý-trưởng làng Tân-An bỏ trên bàn nước, tôi rất ngạc nhiên thấy một cái giấy châu-tri của sở Mật-Thám Quảng Ngãi truy-nã « *Đinh-xuân-Tiểu, nhà báo ở Hà-nội, về tội tống tiền một bà quả-phụ ở Hải-phòng* ». Tôi cười tùm-tum một mình, nghĩ thầm rằng : « Anh chàng Đinh-xuân-Tiểu này kẻ cũng gan thật ! Trông điệu bộ bé nhỏ và mảnh khảnh như cậu thư sinh hiền lành thật thà, thế mà dám bày mưu mẹo tống tiền một bà góa ở Hải-phòng, rồi trốn đi đâu để cho bây giờ mật thám gởi giấy truy-nã khắp trong xứ ! » Cho đến cả ở một nhà lý trưởng nghèo nàn của một làng hẻo-lánh trong một xóm núi Ba-Tơ, trên một vùng Sơn-lâm cùng cốc của Quảng-Ngãi, cũng có tờ giấy châu tri kia tình cờ hiện ra dưới mắt tôi, một bạn đồng nghiệp của anh vừa mới đi chơi với anh ở Huế cách

đó mấy tháng ! Tôi cầm tờ giấy mỏng xem mấy giòng chữ bằng Pháp văn đánh máy như sau đây : « Mandat d'arrêt contre le nommé Đinh-xuân-Tiểu, journaliste à Hanoi, pour chantage et escroquerie... » và con dấu xanh của sở Mật-Thám Quảng Ngãi đóng phía dưới. Thưa lúc viên Lý-trưởng không để ý, tôi nhét tờ giấy kia vào túi quần tôi.

Mãi đến năm 1947, sau hai lần vào tù ra khám, rồi phiêu-lạc vào Sài-gòn, một buổi sáng tôi đi ngang qua đường Aviateur Garros, sau chợ Bến thành, tôi rất đổi kinh ngạc nghe tiếng người gọi tên tôi. Ngừng mặt lên thì vừa trông thấy Đinh-xuân-Tiểu từ trong một căn nhà giàu lộng lẫy bước ra đến cửa. Anh vui mừng nắm tay kéo tôi vào nhà. Một bức bình phong bằng sơn mài to lớn thật đẹp, đáng giá 20.000\$ chắn ngang phòng khách và phòng ăn. Phòng khách cũng rất sang, kê toàn bàn ghế bằng gỗ quý. Anh gọi người nhà pha trà ướp hoa sen, lấy thuốc lá thơm Craven A mời tôi, và hỏi tôi có uống được rượu Whisky không? Anh lại cho tôi biết một cách rất khiêm tốn rằng anh vẫn nghèo như hồi ở Hà-nội.

Tôi mỉm cười moi trong túi quần ra một tờ giấy nhều nát, và làm bộ bí mật, bảo :

— Nhân danh Lý-trưởng làng Tân-An, quận Ba-Tơ, ở miền núi Quảng Ngãi, tôi bắt anh...

Tôi đưa Đinh-xuân-Tiểu xem cái giấy Mật-Thám truy-nã anh từ hồi 1937, mà tôi vẫn còn giữ mãi trong cái bóp rách của tôi.

Đinh-xuân-Tiểu cười ngất, và không cần hỏi tôi, anh gấp tờ giấy cất trong túi áo anh :

— Để giữ làm kỷ niệm chơi !

Anh thành thật cho tôi biết anh làm giàu từ hồi Nhật-bổn, anh có một tên Nhật mà tôi không nhớ và đang làm chủ một xưởng máy sợi ở Gia-định. Anh có một nhà in lớn ở đường Frères Louis, sắp sửa ra một tờ báo hàng ngày. Anh có mỹ ý mời tôi làm chủ bút, nhưng tôi từ chối, vì tôi đang có tờ tuần báo « *Dân chủ* » ở Đalat.

Một hôm Đinh-xuân-Tiểu đang ngồi uống rượu, với năm sáu người bạn, có một anh thầy tướng đi ngang qua. Tiểu gọi người xem tướng. Anh này xem chỉ tay, xem mặt, mũi, tai, trán của anh, rồi bảo :

— Thầy này, thế nào cũng bị

chết bất đắc kỳ tử. Bây giờ thì nhà cao cửa rộng, ngồi xe hơi Huê-kỳ, uống rượu whisky, giàu sang lừng lẫy như thế đó, nhưng rồi sẽ chết nơi đầu đường xó chợ cho mà coi !

Đinh-xuân-Tiểu cười ngất. Cả mấy nhà báo ngồi uống rượu với anh cũng cười ngất. Ai mà tin chuyện vô lý như thế được ! Để thưởng cho anh chàng thầy tướng nói tầm bậy, Đinh-xuân-Tiểu rót mời anh ta một ly rượu Martell. Anh ta uống cạn ly, còn bảo một câu trước khi bắt tay từ giã : « Rồi thầy coi tôi nói có đúng không nhé ! »

Mấy tháng sau, quả nhiên, Đinh-xuân-Tiểu bị kẻ lạ mặt ám sát ngay lúc anh đang ngồi uống rượu với vài người bạn ở bên lề đường... Xác anh bỏ nằm nơi vỉa đường cả một buổi sáng.

Được tin ghê gớm ấy, tôi bị cảm xúc mãnh liệt, tôi thương tiếc Đinh-xuân-Tiểu vô cùng. Anh là người thao lược, tay trắng làm nên sự nghiệp nhờ tài kinh doanh, chí khí lớn. Nhưng than ôi, tài cao mà mệnh yếu ! Anh bị kẻ thù chính trị thủ tiêu trong lúc anh đang hăng hái phụng sự chính nghĩa quốc gia dân tộc. Khác hơn một số chủ

báo giàu tiền nhưng ít học, Đinh Xuân-Tiểu đã có óc doanh nghiệp lại có học thức uyên thâm. Mắt anh, làn báo Việt-nam thời hậu chiến mất một tay chủ báo cừ khôi, có rất nhiều khả năng.

Hồi làm báo ở Hà-nội, ĐINH XUÂN - TIỂU ở trong nhóm *Effort Indochinois* của Vũ ĐÌNH DY. Vũ-Đình-Dy là một thanh niên trí thức cách mạng luôn luôn triệt để chống Pháp. Anh là người Nam-Định. Trong vài ba lần tiếp xúc với anh ở Hà-nội và Nam-Định tại nhà anh, tôi nhận thấy nơi anh một đức tính mà lúc bấy giờ tôi rất khâm phục, là điềm đạm. Mình còn thanh niên, đang bông bột, hung hăng, tính nết hơi lau chau, mà gặp một bạn thanh niên trí thức như mình, (anh chỉ lớn hơn tôi độ ba hay bốn tuổi) lại điềm đạm hơn, bình tĩnh hơn, chững-chạc hơn, tôi thành thật cảm phục anh vô cùng. Có lần tôi bảo anh :

— Trông gương mặt của anh na-ná giống vua Duy-Tân !

Anh mỉm cười rất dễ thương. Trông anh có vẻ con người nho nhã, cốt-cách phong-lưu, hơn là một thanh niên cách-mạng.

Có lẽ vì vậy nên anh được một

cô đào hát Khâm-Thiên yêu say-mê và về ở với anh. Cô đào đẹp nhất ở Khâm-Thiên, tiếng tăm lừng lẫy thời bấy giờ, tên là MỘNG-HOÀNG, dòn hay, hát giỏi, lại có biệt khiếu về thi-văn. Vũ-đình-Dy chỉ là nhà báo cách-mạng, và chỉ viết Pháp-văn, không bao giờ làm được thơ văn Việt, nhưng cốt-cách nho-nhã và gương mặt điềm đạm của anh đã chiếm được rất dễ dàng trái tim của một cô đào hát có tiếng là đẹp nhất và khó tính nhất ở nhà hát của cô Đốc Sao. Theo dư luận thì-thầm trong làng Báo Bắc-Hà lúc bấy giờ, thì chính cô Mộng-Hoàng bỏ tiền ra cho Vũ-đình-Dy làm tờ báo *Effort Indochinois*. Về chính trị, Vũ - Đình - Dy chống Pháp nhưng lại thân Nhật. Anh là một đại - diện của Cường - Đê trong *Phục-Quốc-Hội*, ở Bắc-Hà. Một buổi sáng đầu năm 1940, ít tháng sau khi Nhật đã đổ bộ ở Hải-phòng và tràn lên Hà-nội, Vũ đình Dy mặc binh phục sĩ-quan Nhật với đôi kiềng trắng cổ truyền, ngồi chễm chệ trong một chiếc xe Traction của Nhật chạy vụt qua đường Hàng Cỏ. Trông thấy tôi bách bộ trên lề đường gần miếu Đức Khổng Tử, ông Quan Ba Nhật Vũ đình Dy tùm

tím cười, chào tôi.

Vài tháng sau tôi bị Hiến binh Nhật bắt ở Nam-Đông, tôi định nhờ anh Vũ đình Dy can thiệp dùm, nhưng suy nghĩ kỹ, tôi lại làm thỉnh cam chịu số phận. Sau này, tôi nghe tin Vũ đình Dy chết, nhưng không rõ là anh chết trong trường hợp nào, và chết vì ai. Dù sao cái chết của anh cũng rất đáng tiếc. Anh là một phần tử ưu tú của trí thức cách mạng Việt - Nam thời Tiền chiến. Anh có để lại một quyển sách viết bằng Pháp văn : « *Souvenirs de Prison* » (Ký-ức ở tù).

Trong nhóm *Effort Indochinois*, còn một anh bạn khác cũng phi thường, và tôi thấy nên nhắc đến, là BÙI NGỌC ÁI. Anh cũng là một thanh niên trí thức thuộc về thành phần cách mạng, có tài và có chí lớn, nhưng hơi mơ-mộng và cũng ưa sống cuộc đời lang-bạt như bọn chúng tôi. Gia đình anh giàu có, và thuộc anh ruột làm một công-chức cao-cấp trong hành chánh thuộc-địa. Nhưng ít khi Bùi-ngọc-Ái ở cái biệt thự sang đẹp của anh ở miệt Chợ Hôm. Anh ưa lang-thang ở các nhà bạn-hữu, nay nhà này mai nhà khác. Anh viết những

bài báo cách-mạng bằng Pháp-văn rất có duyên, và rất hăng hái. Có thể so-sánh Bùi-ngọc-Ái ở Hà-nội lúc bấy giờ với gần như Nguyễn-an-Ninh ở Sài-gòn. Mấy anh bên Đê-tam quốc-tế như Võ-nguyên-Giáp, Nguyễn-văn-Phú, Đặng - xuân - Khu, cũng hay o-bế Bùi-ngọc-Ái và cố lôi-kéo anh về hàng-ngũ với họ. Nhưng Ái bảo thật với tôi : « Tội mình quen tự-do vẫy-vùng, theo chúng nó sao được nhỉ ! » Tôi còn nhớ hai giai-thoại về Bùi-ngọc-Ái, rất là buồn cười. Một đêm, các bạn bè rủ anh đi hát ở nhà một cô đào hát ở Ngã-Tư-Sở. Bùi-ngọc-Ái thường ngày không thích phụ nữ, nhưng lại thích nằm trong nhà hát ảo-đào, nghe đập trống và đề cho chị em nó đùa giải-trí. Đêm ấy, các người bạn chơi khăm, đi hát ảo-đào mà không có tiền, nửa đêm lên chuồn đi mất cả, bỏ Bùi-ngọc-Ái nằm lại « làm va-li ». (1) Ông Chủ-bút báo *Effort Indochinois* trong túi cũng không có một đồng xu, đành ở lại nó đùa với chị em, và hứa hẹn sáng hôm sau sẽ về nhà lấy tiền đem đến trả đêm hát, mấy cô ảo-đào không tin được ông khách lạ, nhưng biết làm sao bây giờ ?

Bùi ngọc Ái ngủ một mạch cho đến 10 giờ sáng hôm sau mới lớp ngáp ngồi dậy thì cũng vừa

(1) *Làm con-tin.*

được một anh bạn đến, hót-hơ hót-hải, nói thầm cho anh biết rằng đêm qua mật thám có đến nhà anh tìm bắt anh nhưng không gặp. Mật thám truy nã anh vì một vụ đình công trong ngày hôm trước, mà họ nghĩ là chính anh xúi giục.

Được anh bạn cho biết tin, Bùi-ngọc-Ái đi trốn luôn, mười hôm sau nhờ bạn bè vận động anh khỏi bị bắt anh mới trở về. Nhờ anh « bị nằm làm vali » ở nhà ả đào đêm ấy mà anh khỏi bị bắt giam vào lao Mật thám.

Một lần nữa, hồi phong trào « Mật trận bình dân », Bùi-ngọc-Ái đang diễn thuyết rất hùng hồn trong sân Hội chợ Hà-nội, cô động học sinh và thợ thuyền biểu-tình chống chính phủ. Anh đứng diễn thuyết, nhưng trong tay vẫn cầm chiếc mũ nỉ của anh. Chợt viên chánh mật thám Arnoux và một đoàn thám tử lù lù từ ngoài cổng Hội chợ nhảy xổ vào hung hăng cầm ma-trắc giải tán đám biểu tình. Arnoux đuổi Bùi-ngọc-Ái chạy quanh trong

hội chợ, anh chạy thật nhanh chân, Arnoux tuy bụng phê nhưng cũng rần đuổi theo quyết bắt cho được Bùi-ngọc-Ái.

Trong lúc kẻ đuổi người chạy, giữa đám đông công chúng ồn ào tán loạn, Bùi-ngọc-Ái làm rớt chiếc mũ của anh và ông cò Arnoux cũng làm rớt chiếc mũ của ông. Không dè, Bùi-ngọc-Ái lượm được mũ của Arnoux, còn Arnoux lại lượm được mũ của Bùi-ngọc-Ái. Thấy vậy, Bùi-ngọc-Ái đứng lại xa xa, cười bảo:

— Chúng ta hãy ngưng lại một phút để trao đổi mũ cho nhau, rồi sẽ tiếp-tục đuổi bắt nhé ?

Viên chánh Mật-thám Arnoux phải phì cười, thở hồn hèn đáp:

— Đồng ý.

Thế là Bùi-ngọc-Ái đem mũ của Arnoux lại trả cho y, đổi lấy mũ của anh.

Hai người bắt tay nhau nhìn nhau cười, không đuổi bắt nhau nữa.

Chuyện này, chính Bùi-ngọc-Ái kể lại cho tôi nghe. Tôi tin rằng anh không bịa đặt, vì Bùi-ngọc-Ái ít khi bịa đặt những chuyện như thế.

(Còn nữa)



khách tha hương

Ai biết ngoài kia vạn nẻo đường ?
Những người cô lữ áo phong sương
Có bao giờ nghỉ, dừng chân lại ?
Đề ngẫm giang-sơn, nghĩ dặm trường

Tôi cũng là người lữ-khách đây !
Dừng chân nhớ lại bấy thu chầy
Ta đi hôm đó không người tiễn
Đã tám thu rồi, xiết đặng cay

Nhìn mảnh trăng thu chiếu ngõ ngang
Lòng tôi tan nát hận sầu mang,
Trăng vàng gợi nhớ ngày xưa ấy
Quê cũ đôi bờ đã cắt ngang

Không biết mai đây phải thế nào ?
Đời mình rồi nó sẽ ra sao ?
Như thuyền không lái trôi xuôi mãi
Biết đến nơi đâu, đề đồ vào ! ?

VŨ - TIÊU - GIANG
Vũng-Tàu VIII/60

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XX

KHÔNG THAM CHÁNH

(Tiếp theo P.T. số 46)

★ THIẾU-SƠN

MỘT hôm anh Nosmas tươi cười hỏi riêng tôi : « Anh có muốn làm nghị-viên Hội-đồng Liên-Hiệp-Pháp không ? » Tôi yêu cầu anh cho biết những điều-kiện, nhiệm vụ và quyền lợi của một ông nghị-viên.

Theo anh thì điều-kiện chẳng có gì là gắt-gao, nhiệm-vụ chẳng có gì là rõ rệt nhưng lương-bổng và trợ-cấp thì phong-hậu vô-cùng.

Anh còn nói thêm : « Anh nên nhớ rằng đây là chánh - phủ Pháp dài - thọ cho anh chứ không phải là của chánh - phủ tự-trị Việt-Nam mà anh không

nhìn-nhận đâu nhé ! »

Cho khỏi làm buồn lòng anh, tôi nói đề tôi còn suy - nghĩ nhưng thật sự tôi đã thấy rõ một phần nào những bề trái của cái mà người ta gọi là Hội Đồng Liên Hiệp Pháp. Hơn nữa, khi người ta muốn dành cho tôi một cái ghế ở đây là người ta có ý đem tôi tới một nơi mà lập-trường của tôi sẽ không bao giờ có người ủng hộ và tôi sẽ có thể bị lôi cuốn theo đa số để bảo vệ lấy những quyền lợi vật-chất của mình.

Tôi đã bắt đầu thấy sự nguy hiểm của chánh - sách có mặt.

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Nhưng chỉ mới là bắt đầu.

Anh Nosmas còn hay nói chuyện với tôi về Thiếu-Tướng Nguyễn-văn-Xuân mà anh cho là một người lương thiện, ngay thật và ái quốc. Anh tin tưởng rằng ông này sẽ đóng một vai tưởng quan-trọng, sẽ đem lại hòa-bình trên đất nước Việt - Nam. Rồi một hôm anh nói trắng ra rằng Thiếu - Tướng sẽ ra làm Thủ-tướng và anh sẽ là tác giả bản tuyên-ngôn. Tôi nói : « Đã có nhiều người làm việc đó trước ông. Nay ông chỉ là một kẻ kế nghiệp. Nhưng ông hơn họ vì ông là một nhà quân sự. Nhà quân sự mà hợp tác với đạo binh viễn chinh thì còn sự hợp tác nào hơn nữa. » Tôi nói vậy mà anh không thêm giận. Anh cười hề hề và bảo tôi không nên có thành kiến thứ nhất là đối với ông Xuân một người rất có cảm tình với đảng Xã-Hội. Cố nhiên rồi vì chính anh Nosmas một đảng-viên Xã - Hội đương làm quân sự cho ông. Anh Nosmas còn muốn vận động cho Liên-Đoàn Xã-Hội ủng hộ chánh-phủ của ông nhưng anh đã gặp trở-lực Caput, Hervochon, một số đông đảng viên Pháp và toàn thể đảng viên Việt-Nam. Nhưng anh Nos-

mas cũng không phải là tay vừa.

Anh liền thay đổi chiến - thuật. Anh nhứt định lôi kéo cho có một chiến sĩ Xã-Hội trong chánh phủ Nguyễn-văn-Xuân. Anh lưu ý tới anh Phan văn Niên, một người thợ máy làm ở Ty dụng-cụ Trường-Tiền Gia-định. Khá khen Nosmas có mắt tinh đời vì dù anh Niên không phải là một người tài ba lỗi-lạc trong đám những đồng-chí Việt-Nam anh đã biểu lộ cho mọi người đều thấy ở nơi anh một người ngay thẳng, nhiệt thành, một công-nhân có tác-phong xã-hội, một đảng-viên có kỷ-luật và biết giữ lập-trường. Nhiều khi anh kiếm không ra chữ đề phát-biêu ý-kiến bằng tiếng Pháp, anh buộc lòng phải la lên và sau những tiếng la chơn-thành anh đã nói ra được tất cả những gì anh muốn nói.

Thái-độ của anh, tác - phong của anh và nhứt là cái nhiệt-tình của anh đã làm cho các bạn mến anh.

Không biết anh Nosmas có mến anh hay không thì tôi không biết nhưng anh Nosmas đã giới-thiệu anh với Thủ-tướng Xuân và ông này đã vui lòng mời anh làm thứ trưởng Bộ Lao - Động trong chánh-phủ của ông.

Cố nhiên là Nosmas phải nói với Hervochon và nói với tôi. Và chính tôi là người phải đưa anh Niên tới tiếp xúc với Thiếu-Tướng Xuân trước ngày ông thành lập chánh-phủ.

Cuộc tiếp-xúc đã xảy ra vào khoảng tháng 10 năm 1947. Thiếu tướng đã tiếp chúng tôi với một phong độ nhã nhặn ân cần. Ông người dầy-dà nhưng hơi lùn, tuy là một nhà quân sự nhưng vẫn có vẻ mặt nhân từ hiền hậu. Ông hỏi bạn tôi trước :

— Tôi muốn mở rộng chánh-phủ của chúng tôi. Tôi muốn có một anh em thợ chơn chánh làm thứ trưởng Lao động. Nếu anh vui lòng tham gia thì tôi hoan nghênh lắm.

Anh Niên đáp :

— Thưa ngài, tôi là một tên thợ dốt-nát. Nếu ngài dạy mở hay ráp một bộ máy, tôi lập tức vâng lời. Còn làm thứ trưởng thì thiệt quá sức, tôi không dám.

Ông ôn tồn nói :

— Anh khỏi phải lo về chuyện đó. Sẽ có những người giúp việc cho anh. Tôi có thể vời một viên đốc-phủ hay một vị kỹ-sư. Nhưng hạng trưởng-giả phần nhiều không rõ đời sống của giới thợ-thuyền.

Phải có một anh em thợ mới biết rõ tình cảnh của dân thợ để cải-thiện đời sống vật-chất và tinh-thần cho họ.

Bạn tôi vẫn khiêm-tốn chối-từ và nhơn đó tôi phải xen vào đề tiếp chuyện với Thiếu-Tướng.

Tôi nói :

— Thưa Thủ-Tướng, lấy tư-cách riêng thì nhận hay từ là quyền riêng của bạn tôi. Nhưng bạn tôi là đảng-viên đảng Xã-Hội. Lẽ tất-nhiên muốn lấy tư-cách đó anh phải hỏi lại các đồng chí có chấp thuận mới được tham chánh. Vậy xin ngài cho anh về lấy mạng lệnh của đảng rồi sẽ trả lời sau.

Ông vui cười nói tiếp :

— Nếu Liên - đoàn Xã - Hội chịu cho anh cộng tác với chúng tôi thì lại càng quý lắm.

Tôi liền xoay qua một đầu đề khác và nói :

— Thưa ngài, ngài có nhã ý vời đến chúng tôi, chắc ngài cũng biết rõ lập trường chánh - trị của chúng tôi.

— Biết lắm chứ ! — Ông nói — Ở Pháp tôi đã gặp nhiều đồng chí Xã - Hội, cả những anh hết sức cấp tiến như Léon Boutbien chẳng hạn. Tôi có cảm tình với đảng Xã-Hội nhiều lắm.

— Chúng tôi cũng rất kính trọng ngài — Tôi đáp — Chỉ tiếc rằng chúng tôi không thể nhìn nhận được cái nguyên tắc của một nước « Cộng Hòa Nam-kỳ », Và đầu là ông Thịnh, ông Hoạch hay ông Xuân, ông nào đối với chúng tôi cũng chỉ là Thủ-Tướng của một nước Cộng-hòa giả tạo, tượng trưng cho một thuyết chia rẽ, nghịch với ý muốn của dân.

Những đồng-bào có tài trí, đức vọng như ngài, chúng tôi ao ước được thấy ở kề bên những người đương chiến-dấu để giải-phóng đất nước.

Nhưng đứng trước một việc làm đã rồi, chúng tôi vẫn có thể căn cứ vào những ý muốn tốt đẹp của ngài mà chờ đợi kết quả của một cuộc « thí nghiệm... »

Trong cuộc tiếp xúc trên đây chúng tôi đã phải dùng tiếng Pháp dù là để nói với một vị « Thủ-tướng » Việt - Nam. Hơn nữa, lối nói ở đây không phải là lối nói quen thuộc với chúng tôi trong những cuộc nhóm họp giữa các bạn đồng-chí. Chúng tôi không thể nghĩ sao nói vậy và phát-biểu ý-kiến với tình-cảm theo lẽ-lối xã-hội của chúng tôi. Chúng tôi phải cố-gắng làm cho người nghe hiểu rõ lập-trường của chúng

bằng những lời văn - hoa, nhã-nhặn, bằng những đường lối quanh co, khúc-khuyển.

Sau khi từ giả ra về, anh Niên đã nói với tôi rằng : « Từ một anh thợ máy công-nhật nhảy lên làm thứ-trưởng Lao-Động, tôi thấy có sự cách-biệt ghê-gớm làm choáng váng mặt mày. Nhưng đây không phải là sự lựa chọn theo cái giá-trị cá nhân của tôi. Đây chỉ là một toan-tính về chánh-trị. Người ta muốn có một đảng-viên xã-hội trong chánh-phủ của người ta để « đốt cháy » lập-trường của Đảng. Tôi chất phác thật thà nhưng cũng thấy rõ cái âm-mưu đó nên nhất - định từ-chối. Anh khỏi phải triệu - tập hội-nghị làm gì cho mất công. Lúc này chưa phải là lúc đảng ta thay đổi lập-trường và cũng chưa phải là lúc ta có quyền tham-chánh... »

Thế rồi anh Niên biên thơ trả lời cho Thủ-Tướng Xuân, cảm ơn ông đã lưu ý tới giới cần lao, đã chiếu cố tới một người thợ. Nhưng bởi người thợ này lại là đảng-viên đảng Xã-Hội đương tranh đấu chấm dứt cuộc huynh-đệ tương tàn ở Việt-Nam nên anh ta không thể tham gia một chánh-phủ chưa có sự công cử của toàn

dân. Tuy nhiên anh vẫn mong rằng Thủ-Tướng sẽ cố gắng góp sức vào cuộc tranh đấu chung cho độc lập, thống nhất, dân chủ và hòa bình. Được thế anh nguyện sẽ xin làm tên binh nhì để phục vụ Thủ-Tướng.

★

Anh Phan-văn-Niên nay còn sống và còn làm thợ máy Trường Tiền. Anh đã từ chối một địa vị cao sang quá sức tưởng tượng của anh nhưng anh vẫn cho rằng câu chuyện kể trên là một kỷ-niệm đáng ghi nhớ của đời anh. Phần tôi thì tôi cho là một bài học vô cùng giá-trị đối với những kẻ ra làm chánh trị.

Có những người thành thật muốn giúp ích cho quê hương và cũng tự tin ở năng lực và tài trí của mình, không chịu gia nhập một đoàn thể chánh trị nào (vì không chịu ghép mình vào một kỷ-luật) nhiều khi đã bị lôi kéo, bị lợi-dụng, bị lừa gạt và bị thất bại ê chề.

Có những người khi chưa đặc thời đặc-vị thì nói ra toàn những lời vì nước, vì dân, chống đối với tất cả những bất-công và tham-nhũng nhưng khi đã được mời

tham chánh thì liền thay đổi cả lập trường lẫn tác-phong và thái-độ.

Còn có những kẻ tự mình không đủ khả năng và uy-tín để cho người ta phải chú ý tới mình nên cũng gia nhập một chánh đảng, một đoàn thể hay một tổ chức quần chúng nào đó. Nhờ những hậu thuẫn ấy nhiều khi họ cũng được ngất ngưỡng trên thang danh vọng và thỏa mãn được những ý muốn thầm kín che giấu từ lâu.

Khi họ đã đạt tới mục đích của họ rồi thì họ có thể ly khai với tất cả và từ bỏ tất cả để tự toại trong danh vọng và tiền tài.

Nhưng họ không đề khi họ đã mất hậu thuẫn rồi thì họ cũng sẽ không còn cân nặng được bao nhiêu và rốt cuộc sẽ bị bỏ rơi như một món đồ vô dụng.

Anh Phan-văn-Niên chỉ là một người công nhân chất phác nhưng anh đã nhìn thấu sự vật bằng con mắt thẳng thắn chất phác của anh nên anh đã hành động một cách thích nghi và xứng đáng.

Việc làm của anh là một bài học cho chúng tôi. Tôi muốn nói thêm nữa : một bài học cho tất cả mọi người.

(Còn nữa)

ĐỒNG

H Ồ I , quê hương ơi !

★ NGUYỄN-QUANG

*Lòng quê đi một bước đường một
đau !..*

(NGUYỄN DU)

MỒI bận thu về, lá vàng rơi nhẹ cành cây, lòng tôi lại nhớ tới Đồng Hới, quê hương tôi, đang chìm đắm sau bức màn tre, ở bên kia sông Bến Hải.

Đây là cả một trời thương nhớ triền miên của người sầu xứ.

Đồng Hới, quê tôi là nơi nước mặn đồng chua, làng tôi nghèo. Nhưng, từ khi xa cách, lòng tôi lại mãi hoài rộn ràng nhớ tới :

*Đêm thu khắc lụng canh tàn,
Gió cây trút lá trắng vành ngâm
sương.*

Lá mơn cò nhạt màu sương.

Đành rằng, ở đâu cũng nước non nua, từ Bắc vô Trung vào Nam, chỗ nào lại không có vẻ đẹp của núi sông, những lăng miếu của người anh hùng nghĩa sĩ và của những tà áo muôn màu...

Nhưng không, người sầu xứ, khi nhìn tới con sông Bến Hải bạc hai màu, như chết đi trong lòng nửa khúc.

*Đồng Hới ngàn năm. Đồng
Hới bất diệt...*

Nhớ quê hương, không biết bao nhiêu nỗi nhớ hoài thương.

ĐỒNG HỜI, QUÊ HUƠNG OI !

khí nghe các báo đăng tin, mới đây, Đồng Hới, tỉnh lỵ Quảng-Bình, đã bị bão lụt từ Vinh (Nghệ-An) chạy vào tàn phá...

Lòng tôi lại rạo rức, băng khuâng l...

*Một chiếc thuyền xanh lờn bến
lặng,*

*Ghé chèo đợi mãi khách sang sông.
Vàng thu đã chuyển màu thương
nhớ,*

Nước một tình quê rẽ mấy giòng.

*Đây cả trời yên, đời rộng mở,
Bước vàng chỉ thiếu ý hoa phong.
Thu ơi, nhân như người say bước,
Bên vãn chờ tin một tấm lòng...*

(Hồ-dình-Phượng)

Từ ngày 21-7-1954 tới nay đã 6 năm qua, bao nhiêu giòng nước trôi dưới gầm cầu, Đồng-Hới, quê tôi, đã mờ trong ký ức của năm tháng lạnh lùng qua, nhưng hình bóng vẫn còn nổi lên rõ rệt, mỗi khi có một ngọn gió xoay chiều, một tiếng hát ru em, một cánh bướm lạc trong đêm tối...

Thì tôi lại nhớ nhà nhớ cửa, nhớ nét mặt nghiêm nghị của

người cha già, khi nhắc nhủ anh em chúng tôi chăm chú sách đèn.

Tôi nhớ tôi bà mẹ già, hiền lành, trọn đời khổ vì con, buôn bán ngược xuôi, để nuôi chúng tôi ăn học, khôn lớn.

Nhưng, than ôi, mẹ tôi nhắm mắt vĩnh biệt, trong một buổi chiều thu âm ảm. Còn cha tôi đã bỏ mình trong khói lửa vừa qua !

Nhưng, không biết 6 năm nay, hai ngôi mộ của song thân tôi, ở bên kia vĩ-tuyến, cỏ đã mọc đầy mồ chưa ?

Người ta nhớ gió táp, mưa sa và nước lũ, nhớ con cá nục tươi, đĩa nước nắm Đồng Hới, nhớ món rau lang chấm mắm nêm, đĩa bánh bèo nhụy tôm, quả ớt xanh và những lối cũ đường mòn đã đi về năm trước.

Tôi nhớ chợ Cầu, chợ Huyện chợ Dinh, ngày trước, mỗi sáng tinh sương, mẹ tôi quảy gánh đi chợ, tới trưa, mới về.

Ru em, em ngủ cho ngoan.

Để mẹ đi chợ, mua với ăn trầu

Mua với chợ Quán chợ Cầu.

*Mua với chợ Huyện mua trầu chợ
Dinh.*

Chợ Dinh bán áo con trai,

ĐỒNG HỜI. QUÊ HUƠNG OI !

*Triều Sơn bán nón, Mận Tài bán
kim...*

Chợ Quán tức chợ Quán Hầu là nơi có nhiều quán xá chuyên bán cháo hầu, cháo hến, cháo sò, cháo ngao cho khách ăn, để đợi phà sang sông, vào Nam.

Từ Đồng-Hới tới phà Quán Hầu được 7 cây số, khách viễn hành nên ghé lại làng Văn-La bên tay mặt, quốc lộ số 1, viếng lăng cụ Hoàng-kế-Viêm, một vị anh hùng, với Lưu-vĩnh-Phúc đã đâm chết tướng F. Garnier ở Ô-cầu-Giấy Hà-nội, khi quân Pháp tới Bắc-hà.

Vĩ-tuyến 17 — nửa phía Nam tỉnh Quảng-Trị nằm ngoài, con sông Bến-Hải nằm trong, nghĩa là quá phía Nam phủ Vinh-Linh, cách Huế chừng 90 cây số.

Phía Bắc phủ Vinh-Linh là huyện Lệ-Thủy, tỉnh Quảng-Bình, quê hương của vị Thủ Lãnh nước V.N.C.H, tục gọi là Hai Huyện gồm có, ngày xưa huyện Phong-Lộc và huyện Phong-Đang.

Nhút Đồng-Nai, nhì Hai Huyện là hai nơi sản xuất lúa gạo nhiều nhứt ở V.N.

Mỗi khi nghĩ tới quê nhà,

lòng tôi lại cứ băng khuâng, như trong người tôi thiếu mất một cái gì...

Tôi nhớ bát bún thịt heo ngon ở Chợ Tréo, làng Cổ-liều, nhớ chén cơm trắng gạo de có hấp thêm vài nhát khoai sắn khô. Tôi nhớ từ cánh đồng lúa chín làng Phù Chánh — quê hương của ông Nguyễn Đăng Giai, Tổng đốc Hà-nội — tới người con gái xinh xinh làng Phú Thọ, Thạch-Bàn, cả làng An-xá và An-Lạc.

Nhớ quá, bất cứ cái gì của quê tôi, từ tiếng hát người mẹ ru con, một buổi trưa hè nắng cháy, nhớ người con gái làng Mai-xá-hạ hớn hỏ trong mùa lúa chín, giả gạo hò khoan, nhớ mùa đông rét tận xương, ngồi sưởi lửa, ăn bắp rang, nhớ người mẹ hiền đang cặm cùi vá áo cho con...

Càng nhớ như vậy, thì lại càng thương quê nhà biết bao nhiêu. Nhớ như lá nhớ cành, thương như người con trai thương nhân ngãi :

*Trên con sông sâu, đôi mái chèo
nhẹ khoan,
Đây, quê tôi đẹp như ánh trăng
ngàn.*

Trăng lên khời, tôi hát lời hò
khoan
Trăng sáng về miền Nam, trăng
sáng cả Đèo Ngang.
Đêm hôm nay, say tiếng hò nhẹ
đưa...
Ta thương nhau mà thương mấy,
cho vừa.
Quê hương tôi đây : sáng tạnh
chiều mưa,
Nơi gió lành nhẹ đưa, trăng nâu
sau liếp dừa...

(Nhạc sĩ TRỊNH-HƯNG)

Đồng Hới, quê hương ơi !
Bây giờ liêu ở chung quanh đồi
cát trắng còn rữ bóng xuống hồ
Bầu Tró nữa hay không ?

Núi Đầu Mâu, phá Hạc hải,
con sông Lệ-thủy còn chảy dài
tới sông Nhựt lệ, có con Đò
Trạm ngược xuôi nữa không ?

Cầu Dài, cầu Ngán, cầu Mụ
Kê, Lũy Thầy một kỳ công của
Đào duy Từ đắp lên, để phò
chúa Nguyễn, lập nên triều đại
Nguyễn Phúc với nhà thờ Tam
Tòa, làng Lệ Mỹ quê hương
của Thi sĩ Hàn Mặc Tử với bãi
biển Nhựt Lệ xinh đẹp, nơi nhà
thơ Bích-Khê Lê quang Lương
đã tới đây, khóc cho cuộc tang
thương biến đổi, còn có nhiều

ghe chài đậu nữa không ?
Trơ trọi ngàn năm vắng Lũy Thầy,
Hỏi rằng ai đắp lại ai xây ?
Non Mâu mấy thửa cây vùi đá,
Biển Lệ bao phen nước lộn mây.
Trịnh Nguyễn phân tranh từng
điển cũ,
Bắc Nam chia giới kẻ từ đây.
Nhìn qua thê hời ai là chủ ?
Mà nước non xưa vẫn thế này ?

(Thi sĩ Bích Khê, Thu xà)

Từ ngày Việt - Cộng và thực
dân Pháp cổ kết chia làm hai
nước V.N, trường học cũ của
tôi, nếp nhà lá ba gian, ngày
hai bữa, đi về có mẹ có cha, có
anh em, nay đã chia rẽ lạc đàn !

Ngôi chùa bà Liễu - Hạnh ở
cổng Quảng-Bình-Quan có con
đường nhựa chạy về xóm cầu,
chợ Đồng-hải, bây giờ ra sao ?

Nhớ Đồng Hới, không biết
chừng nào hết nhớ, nhớ và
thương, sao thương nhớ quá
thế này !

Thì ra, người nhớ quê hương,
khác thế nào, chàng trai nhớ
gái, khi trong lòng đã mang
nặng tình yêu.

Nhìn mỗi chiều chúa nhựt,
trên con đường Tự Do Saigon
người con trai Thủ đô, mãi.

nguyện đuổi theo tà áo trăm màu
lại làm cho tôi nghĩ tới quê nhà.

Có phải chăng, những cảnh
đẹp của kinh kỳ, với những
ngôi nhà 5.7 tầng cao vút, những
chiếc xe hơi đuổi cá, chạy trên
con đường nhựa, và những hồ
nước phun ngược...

Không làm cho tôi dịu bớt
được nỗi nhớ quê hương ?

Chim xa rừng thương cây nhớ cội,
Người xa người tội lắm người ơi.
Nước non là nước non trời,
Ai chiaặng nước, ai đời đặng
non !

Với Lũy Trấn-Ninh, với đền
thờ cụ Thượng Huỳnh - Cồn,
với núi Ông Hời, núi Cháp
Bàng, với khe Động-hời, với cửa
biển Nhựt-lệ, với động Phong-
Nha, trên đường đi về làng Cao
Đào có nhà thơ « con nai vàng
xơ xác »... Đồng Hới, quê tôi,
đã có một quá trình lịch sử đáng
quý và đáng yêu, nào đưa đồ
(dưa hấu) Hồ Cai, khoai lang
Chợ-đón, thuốc lá Bồ-trạch, dau
sím Phúc-lược, bột hoàng-tinh
chợ Kê-Bàng, lá trăm Phương-
xuân nấu dầu Khuynh - Hiệp
Viễn Đệ, đồ gỗ Tam-tòa, rượu
dầu Thuận-ý... Ngày xưa, sử
chép, hằng năm, đưa đồ và bột

hoành-tinh Đồng Hới là hai vật
phẩm dâng biểu nhà vua.

Yến sào Vĩnh-sơn,
Cửu Không cửa Rộn,
Nam sâm Bồ-trạch,
Cua gạch Quảng Khê,
Sò ghẹu quán Hàn,
Rượu dàu Thuận-ly,
Trái bí Hồ Cai,
Tơ vải Võ-xá,
Con cá Xóm-Câu,
Bánh bèo mụ Ếu...

Và sông Gianh, nước chảy
sôi sục như oán hờn Trịnh
Nguyễn phân chia sơn hà, tách
riêng non nước nhà Nam.

Non Mâu vi bút, Hạc - hải vi
nghiên...

Đồng Hới, tỉnh lỵ Quảng-
Bình, quê hương ơi ! ngày xưa,
có nhà thông thái Trung Hoa đi
ngang đây, nhìn xem phong cảnh
hữu tình, đã tặng : « Non Mâu
vi bút, Hạc-hải vi nghiên » để nói
lên tỉnh Quảng-Bình là nơi địa
linh nhân kiệt.

Hòn núi Đầu Mâu cao vọt
vọi tựa hồ như cây bút lông và
phá Hạc-hải, vừa lớn vừa sâu
giống đĩa nghiên, nên mới có
vị Nguyễn Thủ ngày nay lo cứu
dân cứu nước V.N.

Đồng Hới, đầy đủ, gồm có
Đàng Trong, Đàng Ngoài :

*Trên trời mây bay phơi phới,
Ngó về Đồng-Hới, xe điện huyền
thiên,*

*Ngắm chừng cơ sự đã yên...
Hai đứa mình sống lại lời nguyên
năm xưa.*

Nhưng, Đồng Hới quê hương
tôi, qua 6 năm biệt với Việt
Cộng, có còn cảnh đẹp, người
thương, sơn hào hải vị nữa
không?

*Anh xa em chưa đầy một tháng,
Nước mắt em lại láng hai tám
đêm ngày.*

*Bao giờ nước ráo Đồng Nai,
Sông Gianh bớt chảy mới phai
lời thề.*

Ngày xưa, sử chép, năm 1069
để chuộc mình, vua Chế-Củ đã
dâng 2 châu Ô Ly cho vua V.N.
là quê hương của tôi đó.

Cho nên, quê tôi đã có tám làng
sau đây có nhiều văn nhân võ
tướng, thượng quan làm rạng
danh xứ sở là :

Sơn (Lê sơn), Hà (La Hà),
Cảnh (Cảnh dương), Thổ (Thổ
ngọ).

Văn (Văn La), Võ (Võ xá),
Cổ (Cổ hiểu), Kim (Kim Nại).

Cụ Thượng Đình xuân Trạc
làng Thọ-linh là nội tổ của ký giả
Đình xuân Tiểu, nguyên chủ nhà

in Sông Gianh, đã khuyên rằng:

a) Vật thú Thổ ngọ thê —
chớ lấy vợ làng Thổ-ngọ.

b) Vật dã Phan Long đề —
chớ gây lộn với người làng
Phan-Long.

c) Vật giao La-Hà hữu — chớ
làm bạn với người làng La-Hà

d) Vật ẩm Thượng sơn tửu —
chớ uống rượu của làng
Thượng sơn.

Tương truyền rằng, Cụ
Thượng làng Lý - Hòa trong
một ngày kia, mời cụ
Thượng La-Hà ra chơi tại đá
nhảy. Khi trông thấy ông bạn,
hồn hển nhảy từ tảng đá này qua
phiến đá nọ, cụ Thượng Lý
Hòa liền làm một vẻ đối để trêu
bạn : « Hùm hét La Hà. »

Cụ Thượng La Hà liền ứng
khẩu, đối ngay « Bò đi đá nhảy. »

Và, còn nhiều chuyện đáng
nói nữa, nào cụ Đề Trục làng
Thanh Thủy, Tiên sĩ võ, nào
Con Voi Già của vua Hàm-nghi
ở làng Cổ-Cảng huyện Tuyên
hóa, nào ông Trạng Nguyên
Hàm-Ninh ở làng Hòa-Ninh,
phủ Quảng-trạch... là những
chuyện đáng nhớ.

Đồng-Hới, quê hương oi, dù
vật đổi sao dời, sông cạn và đá
mòn, nhưng lòng thương nhớ
quê hương của tôi không bao
giờ mòn mỏi !!!

8. MATA HARI

**NỮ
GIÁN-ĐIỆP
LỪNG-DANH
NHẤT THẾ-GIỚI
TRONG TRẬN ĐẠI
CHIẾN 1914 — 1918.**

*Làm trinh thám một lượt cho
cả Nga, Đức, Hòa-Lan, Ý,*

«NÀNG
VŨ - NỮ
ĐỎ»

*Pháp,
Anh...
Tình-nhân
của hầu hết các
Quốc-Trưởng, Đại
Sứ và Tướng-linh Âu-
châu trong hồi Đại chiến.
Sắc đẹp huyền-bí lạ lùng của
MATA-HARI đã làm đảo lộn
cả cuộc điện Âu - châu hồi đầu
Thế kỷ XX.*

★ TÂN-PHONG

(Tiếp theo P. T. số 46)

N GÀY 23 tháng 4
năm 1896 Margaretha
đã lừng danh là người
đàn bà đẹp nhất ở Amsterdam,
được yết-kiến Nữ-Hoàng Wilh-
elmine của xứ Holland. Nữ-
Hoàng cũng phải khâm phục
nhân sắc diễm-lệ tuyệt-trần của
bà Đại-Úy Mac Leod. Cả triều-
đình Holland đều tấm tắc khen-

ngợi Đại-Úy đã có diễm phúc
cưới được người vợ tuyệt thế
giai nhân kia.

Thế rồi ngày 1-5-1897, Đại-
Úy đem cô vợ trẻ đẹp và đưa con



trai đầu lòng mới sinh, tên là Norman, lên tàu *Prinses Amalta* đi qua Indonesia Quần - đảo. ở Đông-Nam-Á. Đầu tháng 6 hai vợ chồng ở tại thủ đô Batavia rồi vài ngày sau Đại-Ủy phải dời đi đóng ở Wilhem I, một đồn binh hẻo lánh ở trung bộ Java.

Đến đây Margaretha không có gì giải trí, đâm ra buồn chán. Phong cảnh rất nên thơ, nhưng Margaretha đâu có biết thưởng-thức thiên nhiên, sơn thủy hữu-tình đối với nàng chẳng có ý nghĩa gì cả. Cả ngày nàng chỉ ngồi trước tủ kiến, bôi sơn trét phấn và lo trau dồi sắc đẹp, không ngó ngàng gì đến việc gia-đình và con cái.

Rudolf Mac Leod được lên chức Thiếu-Tá và dời đến hải-cảng Malang. Margaretha được đến nơi đây, lấy làm thích thú lắm. Malang cũng như Nha - Trang, một hải - cảng lớn, có đủ tiện nghi của một thành phố tân tiến, đủ các trò giải trí, các nhân vật cao cấp, các tiệm khiêu - vũ, các nhà hát. Tháng năm 1898, Margaretha lại sinh đứa con gái đặt tên là Louise Jeanne. Hạnh phúc gia đình của viên Thiếu-tá Rudolf hình như được xây đắp vững bền hơn.

Nhưng đó chỉ là bề ngoài mà thôi. Nhan - sắc diễm - tuyệt của bà Thiếu-tá trẻ tuổi, ham diện, ham chơi, là nguyên nhân của sự gầy đồ sau này.

Tháng Chín, nhân ngày lễ mừng Nữ Hoàng Wilhelmine lên ngôi, hai viên Trung-úy đẹp trai có soạn một vở kịch mà họ mời bà Thiếu-tá đóng vai chính là vai Hoàng - Hậu. Đêm ca-vũ-nhạc kịch do quân-đội tổ-chức được thành công rực-rỡ là nhờ bà Thiếu-tá kiều-diễm chủ-tọa. Các tướng lĩnh, các sĩ-quan, các nhân vật cao-cấp của chính - phủ bao vây chung quanh bà Thiếu-tá, và không ngớt khen ngợi bà, hoan-hô bà, một cách nồng nhiệt. Ai nấy đều đua nhau nịnh bợ bà để được bà trao tặng một nụ cười...

Thiếu-tá Rudolf hãnh-diện có người vợ được thiên hạ tặng-bốc lên mây xanh như thế, nhưng dần dần ông nhận thấy nàng trao đổi nhiều liếc mắt tình-tự với các viên sĩ-quan khác, nhiều nụ cười đầy hứa hẹn với các chàng trai-trẻ... Ông đâm ra ghen tức, mỗi ngày mỗi ghen... ghen dữ-tợn, ghen ghê-gớm, ghen ồn-ào náo-dộng cả thành phố Malang...

Ông liền xin chuyển đến Medan (đảo Sumatra) một nơi đìu hiu vắng-vẻ... cũng như Pleiku,

Komtum vậy ! Margaretha nhất định không chịu đi theo chồng.

Thiếu-tá Rudolf đành đi một mình để cô vợ trẻ đẹp, « Hoàng hậu Java », ở lại Malang.

Lúc đầu, nàng còn trả lời những bức thư yêu nhớ của người chồng si tình, dần dần nàng lạnh nhạt, không thèm viết thư, không thèm hỏi han thăm viếng nữa. Hai đứa con của nàng, nàng cũng bỏ bê, ốm yếu xanh xao, không ngó - ngán đến. Thiếu-tá hoàn toàn thất vọng, sinh ra oán ghét và sau cùng quyết định ly dị. Nhưng nàng không chịu ly dị.

Ngày 27-6-1899, đứa con trai lớn, Norman, bị con đày tớ Mọi thuốc chết.

Thiếu-tá đau khổ đến cực điểm, khóc lóc thê thảm, và van xin Margaretha bằng lòng ly dị để cho chàng thoát khỏi tình thế tuyệt

vọng. Nhưng bà thiếu tá trẻ-đẹp duyên dáng, lắc đầu : « Tôi không muốn ly dị, vì tôi đợi anh chết để tôi còn được lĩnh tiền trợ cấp quả-phụ » !

Tức mình, Thiếu-tá nắm đầu tóc của vợ lôi kéo nàng ra đường và lấy roi cá đuối đánh nàng bầm tím cả thân thể. Chàng còn rút súng lục ra chia vào mặt nàng : « Mày không chịu ly dị thì tao bắn mày chết ngay bây giờ ! »

Cả thành phố đều xôn-xao về vụ gia-đình của Margaretha Zelle và Thiếu-Tá Rudolf.

Ngày 30-8-1902, tòa-án Amsterdam xử cho vợ chồng ly-dị. Thiếu tá Rudolf lấy ngay người vợ khác, còn Margaretha Zelle, « Hoàng hậu Java » về ở với cha, tại thủ đô La Haye.

Năm 1903, nàng đổi tên là MATA HARI, sang Paris làm nghề vũ-nữ.

MATA HARI, NÀNG VŨ-NỮ ĐỎ, bắt đầu làm mê - hoặc các giới ngoại-giao quốc-tế ở Paris



Paris, Mata-Hari tự xưng là một vũ-nữ của Đảo Java, chuyên môn múa các vũ-khúc Ấn-

Độ theo các sự tích huyền-bí của Thần Vichnou. Ai cũng lầm tưởng rằng Mata Hari không phải là người phụ-nữ Âu-châu, vì sắc đẹp của nàng và lối khiêu-vũ của

nàng y hệt như người Ấn-Độ, và ai cũng tin rằng tuy Mata Hari quê ở đảo Java của quần đảo Indonesia như nàng tuyên bố, nhưng nàng vẫn theo tục lệ ca-vũ huyền bí của Ấn-Độ-giao từ đời thượng cổ, trước thời kỳ Phật-giao nữa.

Lần đầu tiên trong một buổi dạ hội ở tòa Đại-sứ Chili tại thủ đô Pháp, Mata Hari ra mắt các giới ngoại giao quốc-tế, khiến cho toàn thể khán-giả đều vô cùng xúc-động. Trước khi giới thiệu Mata Hari, một ông già người Ấn-độ râu tóc bạc phơ, tuyên bố mấy lời sau đây (theo lời thuật lại của một nhà Văn-sĩ Mỹ có dự buổi trình-diễn ấy) :

— Thưa các ngài, tôi xin phép giảng giải sơ qua ý nghĩa của vũ-khúc mà nàng Mata Hari, người đẹp của Java, sắp trình diễn nơi đây. Đây là sự tích nàng công chúa Anuba biết ở dưới đáy biển Ấn-độ có một cái vỏ hến đựng một viên ngọc đen giống như viên ngọc huyền nạm trên chiếc gương thần của Mescheb. Công chúa Anuba muốn có viên ngọc đen ấy, bèn tìm cách quyến rũ anh lưới chài Amry để xúi anh xuống dưới đáy bể mò lấy viên

ngọc quý cho nàng. Người thuyền chài hoảng hốt, nói với Công-Chúa rằng việc nàng muốn đó rất là điên rồ, vì cái vỏ hến có viên ngọc kia do một con ác quỷ dữ tợn đang gìn giữ, ai đến gần sẽ bị nó vô nuốt vô bụng. Nhưng Công chúa nhất định muốn có viên ngọc quý. Nàng núng nịu, làm tất cả các điệu bộ khiêu gợi, với cặp mắt sáng rực như lửa, cám dỗ anh thuyền chài cho anh say mê nàng. Rồi anh lặn xuống đáy biển, để rồi một lúc sau trở lên, đem được viên ngọc cho Công - chúa Anuba, nhưng thân thể anh đã bị con ác-quỷ cào cấu bấu xé đã nát thịt tan xương, đầy cả máu me... Công chúa không cần nhìn cái xác gần chết của anh thuyền chài. Nàng chỉ nâng niu viên ngọc đen dính máu, ôm nó lên ngực, lên môi, và múa hát mê - ly... ảo-huyền... trước ngọn đèn thần của tượng Thần Vichnou... Nàng Mata Hari sẽ đóng vai Công chúa Anuba, nàng đẹp một sắc đẹp huyền-ảo mê-mê như nàng Urwaci, trong sạch như nàng Damayanti, từ trong đền Thần Sakuntala hiện ra trước người thuyền chài.. »

Ông già Ấn-độ vừa nói đến đây, thì tất cả đèn trong phòng

đều tắt hết, chỉ còn sáng rực-rỡ một ngọn đuốc cháy hoe-hoe trên vũ-dài mờ-ảo... Một nữ-thần xuất hiện, với một sắc-đẹp huyền-bí lạ-thường, gần như khoả-thân :đây là Mata Hari hiện thân Công chúa Anuba... Nàng múa qua múa lại, uốn éo thân thể nồn-nà, uyển chuyển những đường cong tuyệt-mỹ... làm cho gần hai trăm khán giả, đại diện của toàn thể các nước trên Thế-giới,... hồi-hộp... im-lặng, nín thở... như bị thôi-miên, bị mê-man trong giấc mộng huyền mơ...

Suốt hai tiếng đồng hồ, cả Vũ trụ như bị mê hoặc bởi những điệu vũ lạ lùng huyền linh, say sưa của nàng Vũ-nữ Ấn-độ, của Mata

Hari...

Mata Hari ! Mata Hari ! Sáng hôm sau các báo ở Paris đều đăng hình ảnh nàng và viết bài tường thuật đêm ảo tượng ở tòa Đại-sứ Chili, với những lời khen tặng, ca ngợi đặc biệt nàng "Vũ-nữ đỏ", "vũ-nữ máu", "vũ nữ thần-tiên" có một không hai trên thế giới, vô tiền khoáng hậu tự cổ chí kim !..

Chỉ có hai tiếng đồng hồ, và một vũ khúc, mà tiếng tăm của Mata Hari bỗng dưng nổi dậy cả kinh thành Paris, vang lừng khắp các Thủ-Đô Âu-Mỹ.

(Kỳ sau tiếp)



★ BÀN CHẮC GIÁ

- Bao nhiêu cái máy Radio này, hả cô ?
- Thừa 5.000\$
- Mắc quá vậy ? Cô nói chắc giá đi.
- Dạ, chắc giá 5000\$, không bớt 1 xu.

★ ĐIÊN

Tại nhà thương điên, bệnh nhân nói với Bác sĩ :

- Bác sĩ ơi, tôi yêu say mê một con bò.
- Bò đực hay bò cái ?
- Bác sĩ hỏi lạ hôn ! Tôi có điên đâu mà tôi yêu con bò đực !

Xa cách

Tình-yêu đến thì trăng vừa lịm chết
Gió ngừng bay, hoa đẹp cũng phai màu.
Tôi một mình nghe tất cả thương đau
Chăm-chạm đến khi tim vừa chớm mộng
Vẫn mơ-tưởng một không gian cao rộng
Chia chúng mình xa cách ở hai nơi
Tôi mong em từ phía nửa chân trời
Càng mong đợi đề càng buồn suốt kiếp
Ai hờ-hững cho lòng ai tha thiết ?
Giấc chiêm bao cứ mơ dáng trang đài
Lịm linh hồn nghe chuyện cũ đời thay
Khi chợt tỉnh mới hay mình hoài-niệm
Tình quá mong-manh, tuy nhiều kỷ-niệm
Đành câm lời nào đâu dám van lơn
Tại vì sao tôi cứ nhớ cứ hơn
Tuy mình vẫn đi, vẫn về đơn lạnh
Đề bao phen vụt khóc vì dư ảnh
Nhớ-nhung thăm cho quá-khứ lên hương
Mộng bao nhiêu thì mộng vẫn tầm thương
Vì nhân-thế có khi nào chung-thủy ?
Ôi ! đã biết thiết-tha là vô-lý
Bởi ngày xưa em quá sớm thông-minh
Không cho tôi nguyện ước chuyện chung-tình
Mà tôi vẫn cứ là tôi muôn thuở
Em mang đến cho đời tôi dang-dở
Nghĩa gì em, tình vạn-kỷ u sầu
Tôi không buồn vì thao-thức đêm thâu
Trăn-trở mộng đề mơ-màng xây-mộng.

KIM-ĐIỆP — (Saigon)

D'ANNUNZIO

NHÀ THI-HÀO Ý (1863 — 1938)



GABRIELE D'ANNUNZIO

Đại Thi-hào, Văn-hào, Kịch-gia, Phi-công, Tác-giả trên 50 tác-phẩm lừng-danh quốc-tế.
NOTTURNO — LEDA SENZA CIGNO —
LICENZA — LAUDI — IN MEMORIAM, v.v...

Ngồi viết liên-tiếp
năm chục giờ, không
ăn, không ngủ, rồi đau

một trận chí tử, nằm
liệt giường liệt chiếu,
khỏe dậy, lại viết, viết,
viết, liên tiếp đêm ngày...

★ TÂN-PHONG

DANNUNZIO còn trẻ mà đã nổi tiếng là rất đa tình, ưa đời sống phiêu bạt giang hồ, thích những thủ-đoạn anh hùng mã-thượng, nhưng luôn luôn vẫn giữ phong-độ của người quân-tử. Trước đó nửa thế kỷ, ở bên Pháp đã có Thi sĩ ALFRED DE MUSSET (1810 - 1857) và ở bên Anh có nhà thơ BYRON (1788-1824), cả hai chàng Thi-nhân này cũng đã lừng danh khắp Âu-châu, một phần vì thi tài đặc biệt, một phần lớn vì tính cách lãng mạn hào hoa của họ. Gabriele d'Annunzio, sinh vào thế hệ sau ở Quê-hương của Dante và Virgile, cũng tiếp tục truyền thống của lãng mạn Anh và Pháp, và đã

chứng tỏ một đại diện rất xứng đáng của văn học Italia ở giữa một Âu châu đang phồn thịnh cuối thế kỷ XIX, đầu XX. Tuy thích hào hoa phóng túng, được bao nhiêu tiền bản quyền các sách là xài hết bấy nhiêu, nhưng chàng Thi-sĩ trẻ tuổi vẫn ham mê đọc sách, và chàng vẫn tự phụ cả đời chàng chỉ có 3 cái mê: mê gái đẹp, mê đọc sách, mê làm thơ. 24 tuổi, chàng đã tỏ ra một học giả uyên-thâm, một văn-hào đã thấm nhuần bao nhiêu tư tưởng đẹp của tinh hoa học thuật cổ Hy-lạp và cổ La-Mã. Gabriele d'Annunzio thường bảo: «Có tài mà không có học, vứt đi! Có học mà không có tài, cũng bỏ!».

Vì thế ông đã có tiếng là một thi-hào rất kiêu căng và rất tự phụ. Ông tự-phụ ông là nhà Thi-hào bậc nhất của nước Italia, và bậc nhất cả thế giới! Nhưng người ta vẫn tha thứ cho tính tự cao tự-đắc của ông, vì quả thực ông là thi hào bậc nhất của Italia, đầu thế-kỷ XX! Mặt mũi xấu xí, lại trọc đầu quá sớm, nhưng ông nói chuyện rất có duyên và luôn luôn tỏ ra là một nhà trí thức có học rộng tài cao, nên phụ nữ rất cảm phục ông. Năm 1889, ông 27 tuổi, xuất bản quyển tiểu thuyết *Il Piacere* (khóai lạc), trong đó ông diễn tả nhân vật chính là chàng Andrea Sperelli cũng giống như ông vậy, và rất được đa số nữ độc giả yêu chuộng.

Ngày 30-10-1889, Thi sĩ Gabriele d'Annunzio phải nhập ngũ. Ông vào Trung đoàn kỵ-binh 14, làm binh nhì, phải quét dọn các phòng trại, phải gánh nước, lật rau, làm bếp. Ông rần chịu cực khổ trong một năm quân dịch, rồi được giải ngũ, ông càng viết hăng hơn trước. Ông ngồi viết liên tiếp hai ngày hai đêm, không ăn không ngủ. Viết xong tập thơ *Laudi*, ông bị một trận đau như tử,

nằm liệt giường liệt chiếu, mê man bất tỉnh... và chính trong những cơn mê sáng ông lại đọc cho thư ký của ông chép những câu thơ hay nhất, huyền-bí cao-siêu nhất của ông. Ông viết những tác phẩm bằng Pháp-văn và Ý-văn: *Triomphe de la Mort*, *Vierges aux Rochers*, *Feu*, *Forse che si, forse che no...* hầu hết là thơ, và 16 bản kịch được công chúng Âu châu hoan nghênh nhiệt liệt. Năm 1897, Thi sĩ Gabriele d'Annunzio được cử làm dân biểu Quốc-hội Roma: ông được đắc cử một cách rực rỡ về vang, chính vì trong các bài diễn thuyết của ông đọc trước thợ thuyền và dân chài lưới ở Ortona, ông khiêu khích lòng ái quốc của dân tộc Italia bằng những ý tưởng đầy thi-vị, hùng hồn và lãng mạn. Ông ghét những chương trình láo toét lừa gạt nhân dân của những ứng-cử-viên ham danh vọng, ham địa vị, lợi dụng đầu cơ dân chúng.

Nhưng người ta không hiểu được Thi-sĩ Gabriele d'Annunzio. Ông ở một biệt thự lộng lẫy như dinh thự một ông Hoàng, nuôi một bầy chó săn, một bầy ngựa, bồi bếp rất đông, bàn ghế quý giá, và đồ đạc trang-

hoàng rất xa-hoa mỹ-lệ, mà ngoài cổng thì ghi ba giòong chữ đỏ: Quạnh-hiu, Yên-tĩnh, Ân-dật (*Solitude, Silentium, Clausura*).

Trận Thế-chiến Đệ nhất bùng nổ. Tháng 5 năm 1915, xứ sở Italia của ông sắp bị lâm vào cuộc binh hỏa. Ngày 4-5-1915, Thi-sĩ Gabriele d'Annunzio diễn thuyết ở Gênes, ở Roma, lôi kéo toàn thể dân chúng theo ông, đập đổ chính phủ Salandra yếu hèn, bất lực bốc lột và lừa gạt dân chúng mà cứ hô hào là tự-do, dân chủ. Một chính phủ trong sạch hơn, và dân chủ hơn được dân chúng hoan hô, và tuyên chiến với Autriche-Hongrie ngày 23-5-1915.

Thi-sĩ d'Annunzio đã 52 tuổi. Người ta mời ông vào chính phủ, ông từ chối, quyết ra tiền-tuyến để đánh quân thù. Ông tình nguyện làm phi-công. Một mình, ông lái một chiếc phi-cơ phóng-pháo, và một mình ông bay đi thả bom ở Trieste, Trente, Zara, cả xứ Istrie...

Ngày 16-1-1916, ông bị thương. Ông đang lái một chiếc thủy-phi-cơ bị trúng đạn, một mô-tơ bị tắt máy đành phải hạ xuống một bãi biển. Trong tai

nạn kinh khủng này, ông bị đui một con mắt.

Được đưa vào bệnh viện, bác-sĩ bắt buộc ông phải nằm trong phòng tối luôn trong 8 tháng để giữ gìn con mắt còn lại khỏi bị mù nốt.

Chính trong thời gian 8 tháng ở trong phòng tối này, hoàn toàn không thấy một tia sáng nào, Thi sĩ Gabriele d'Annunzio viết tập thơ *Notturmo* (Đạ Khúc), thật hay, vô cùng cảm-động, ý tưởng rất dồi dào thâm-thúy. Ông nằm viết trên chiếc giường bệnh, trong phòng tối om, không trông thấy bàn tay của ông, không trông thấy cây bút của ông, một con mắt bị đui, một con nữa bị bít kín để làm thuốc.

Người thư ký của ông ngồi bên cạnh cứ đút liên tiếp những tờ giấy trắng vào dưới tay ông để ông viết, như một cái máy vậy.

Quyển thơ *Notturmo* là một kiệt tác của Gabriele d'Annunzio. Người ta đã cố gắng dịch ra Pháp văn và Anh văn, mà không sao dịch đúng theo nguyên văn được, vì không làm sao phiên tả được hết những ý tưởng rất huyền bí cao siêu của Thi sĩ.

Tháng 9-1915, d'Annunzio ra khỏi bệnh viện, bị đui một

con mắt, còn sáng một con, ông lại tình nguyện lái phi cơ đi ném bom nữa. Có lần một mình ông chỉ huy một phi đội 36 chiếc *caproni* đi thả bom trên thành phố Pola. Có lần khác, ông bị một trái bom của Autriche thả xuống gần chỗ ông mà không nổ, ông bèn lượm trái bom ấy, gói trong một lá cờ Ý, rồi đi phi cơ sang thả lại trên đất Autriche.

Ngày 9-8-1918, ông chỉ huy một phi đội *Caproni* bay sang kinh đô Vienne để... không phải dội bom nữa, mà chính là rải mìn vụn truyền đơn, kêu gọi chính phủ Autriche đầu hàng.

Đình chiến, Thi-sĩ d'Annunzio, Trung-tá phi-công, được thưởng mề đay Vàng chiến thắng. Ông lại có công thu hồi thành phố Fiume về cho Tổ quốc của ông, và được Vua Ý ban thưởng chức Hoàng-thân Moutenevoso.

Từ đó, Thi-sĩ Gabriele

d'Annunzio lui về ẩn tại biệt thự Vittoriale của ông trên bờ hồ Garde để viết sách và làm thơ. Thơ, tiểu thuyết và kịch của ông tổng cộng có trên 50 quyển.

Người vợ trẻ đẹp của ông đã cưới sau một trận đánh kiếm với tình địch hồi 20 tuổi, một thời gian sau ông cũng ly dị, và thích đời sống tự do phóng đãng. Những tình nhân khác của ông, không có người nào được ông giữ lâu bền. Ông thay đổi tình yêu luôn, có khi ông yêu ba bốn người một lúc, rồi bỏ cả một lúc, để ở một mình với một bầy chó, một bầy ngựa, và một đám bồi bếp với thư ký trên vài chục người.

Ông là một nhân vật kỳ-dị nhất, mà vẫn được nhiều người mến phục nhất.

Ngày 1-3-1938, Thi-sĩ Gabriele d'Annunzio từ trần tại biệt thự Vittoriale (Chiến thắng). Toàn thể Thế giới đều thương tiếc bậc thi-hào và vĩ-nhân của Thế-kỷ.



* DANH-NGÔN

Tương-lai mờ-mịt, nhưng bôn-phận sáng tỏ.
(*L'avenir est sombre, mais le devoir est clair*)

VICTOR HUGO

Khi người ta mang kiếng này, thì nó ẩn-hình sau hai mí, che đậy bởi hàng lông nheo, nó dính sát tròng đen làm cho kẻ bàn quan không nhận thấy nó được.

Kiếng

DÍNH MẮT

T IẾNG Pháp gọi kiếng này là « Verres de Contact ».

Hình tròn như hình tròng đen, mỏng như tờ giấy nhựt, trong như thủy tinh, cứng như đá cườm thạch. Khác hẳn với loại kiếng thường vì nó không cộng, không vành, không vòng cầu trên sống mũi.

Bởi hình thù tế nhị của nó, người ta mới có thể úp nó lên tròng đen, nó bị hút vào tròng mắt bởi lớp nước mắt (*pression par capillarité*). Khi người ta mang nó, thì nó ẩn hình ở sau hai mí, sau hai hàng lông nheo và nó dính sát với tròng đen, nó gần bó tại chỗ, không lia rơi, trừ khi người ta lấy tay gỡ nó ra. Phụ-nữ mang nó không kém vẻ đẹp thiên nhiên của « làng thu thủy, nét xuân

B.S. Hoàng-mộng-Lương

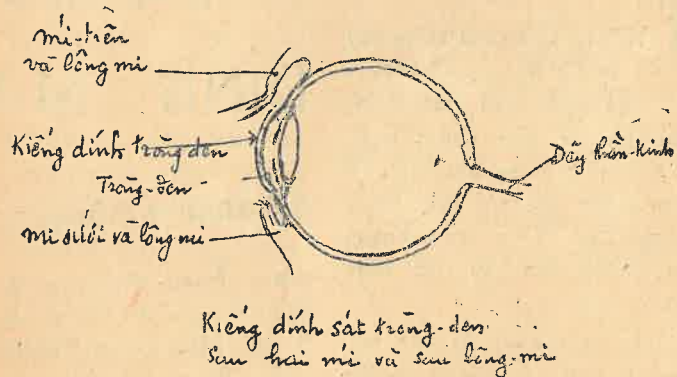
son ». Nam - nhi mang nó khỏi bận-phiền khi thượng võ đài hay là khi biểu diễn nơi thể-vận-hội.

Tại Saigon, hình như chưa ai dùng kiếng này. Nếu có người dùng, ta cũng không thể nhận định được, vì kiếng mang sau mí chớ có mang trước mí đâu mà người ngoài thấy được.

Công trình kể đã nhiều năm

Ở Âu - Châu, từ đời họa-sĩ Léonard de Vinci, đến đời triết-

gia Descartes, các nhà thông-thái đã có ý niệm đến loại kiếng này. Lúc bấy giờ cũng như bao giờ, có những trường hợp lòa mắt (loạn-thị), kiếng thường không chữa được. Người ta bực mình rồi mới nghĩ đến thứ kiếng công-tất. Phải đợi mãi đến thế-kỷ 19, ý niệm ấy mới thực hành với sự phát minh của Kalt, của Fick, của Muller de Gladbach. Làm thế nào chế tạo được kiếng dính



mắt? Về kỹ-thuật người ta đã thí-nghiệm nhiều phương pháp. Đầu tiên, người ta dùng sáp-ong, kể đến dùng cao-su mềm, và sau cùng dùng thạch cao mà rập-khuôn, làm y theo lối thợ trồng răng vậy. Sau cùng người ta bỏ phương pháp ấy, khi đã tìm ra phép đo tròng đen với một máy

tế-nhị. Máy này đã chế tạo theo nguyên tắc máy đo núi của các chuyên viên họa-dồ địa-lý. Máy chuyển động với điện lực életronique rồi nó vẽ trên mặt giấy một bản đồ của tròng đen. Một bản đồ y-hệt bản đồ của trái núi với tất cả chi tiết cao thấp, phù-trầm, rộng hẹp. Bản đồ họa xong, người ta cứ tuân theo mà nắn kiề lên khuôn. Công việc này là công việc của lãnh-hành làm theo bản đồ kiểm-

trúc để xây dựng một công-tác. Về xử-dụng vật liệu, người ta cũng trải qua nhiều thí-nghiệm: mới đầu dùng chất thủy-tinh, chất này tỏ ra không chịu đựng được lâu, nó chóng bị lu mờ bởi nước mắt; nó đã bị đào thải, để nhường chỗ cho một chất hợp hóa khác là chất hiện nay được

đặc-dụng. Cứng mình, gọt mỏng không nứt, tắm trong nước mắt mà vẫn được tinh anh, bị chải cọ bởi lông nheo mà không trầy trụa. Về hình thù, kiếng dính mắt đã trải qua nhiều biến đổi: trước hết người ta đúc kiề lớn bao trùm tròng đen và một phần tròng trắng; kể đến người ta đúc nhỏ lại để úp vừa lên tròng đen, sau cùng đến hình thù hiện tại, là hình thù nhỏ hơn tròng đen một xíu.

Không phải hoàn toàn xa xỉ phẩm

Giá tiền một cặp kiếng dính mắt là bốn đến năm ngàn đồng Việt-Nam. Năm 1959, ở Mỹ-quốc có đến 6 triệu người dùng. Trong năm 1950 ở Ba-lê, một viện Quang-học đã cung cấp 20 ngàn đôi kiếng dính mắt.

Giá ấy cao quá, không bình-dân chút nào cả. Thế mà vẫn có người mua, người ta phải tính giá mắc, giá cao, vì không thể chế tạo kiếng dính mắt một loạt nhiều số được, như người ta thường chế tạo kiếng có cộng. Hoàn thành một đôi kiếng dính mắt phải mất rất nhiều công-trình. Công-trình kẻ ra rất nhiều: khám mắt, đo thị lực, đo tròng đen,

rập khuôn, sửa khuôn, thử khuôn, đúc thành mặt kiếng, đưa mài, thử đi thử lại. Mỗi lần thử, mỗi lần mài nữa. Phải cần đến nhiều chuyên viên mới làm xong một đôi kiếng. Hàng hóa đắt đỏ mà vẫn có bạn hàng mua. Bạn hàng ấy có đủ điều kiện này: nhiều tiền, nghề nghiệp bắt buộc phải dùng kiếng dính mắt, và có tánh kiên tâm nhẫn nại.

Loạn thị có hai thứ: loạn thị có "hệ thống" và "loạn thị không hệ thống".

Kiếng có cộng không sửa chữa được tật "loạn thị vô-hệ-thống". Nạn nhân của tật này là những người có cái tròng đen hình nón chũm (Kératocôn). Nếu không mang kiếng dính mắt, thì không có phương pháp gì khác để chữa trị được.

Về tật cận thị, đại đa-số người ta vẫn dùng kiếng có cộng. Tuy vậy cũng có người xài kiếng dính mắt; vì lý-do họ bắt-mẩn với kiếng có cộng. Thật vậy, mang kiếng có cộng kém về đẹp khi đến dạ-hội, nó không gọn chút nào trong những cuộc tập dượt thể-thao: cỡi ngựa, bơi lội, trượt tuyết, đánh ban, lái auto.

Lái auto gặp mưa to, gió lớn

mà phải mang kiếng cộng thì khổ vô cùng, chỉ có nước đứng lại bên đường chờ hết phong-vũ mới dám tiếp tục hành trình.

Tôi còn nhớ một tai nạn lưu-thông kỳ-dị: một kỹ-sư ngoại kiều lái một chiếc xe hơi qua một chiếc cầu nhỏ ở vùng Quảng-Ngãi: xe vào nửa cầu, một cơn mưa gió nặng-nề thành linh xảy đến. Người lái xe thắng mạnh, xe bay xuống cầu. Lúc bấy giờ, trên cầu, ở lộ vắng tanh, không người đi, không xe chạy.

Nạn nhân được cấp cứu xong, tỉnh hồn. Hỏi có sự tại sao, y nói: « Khi xe tôi mới vào cầu, mưa tạt vào kiếng cộng của tôi, tôi lòa mắt. Tôi thấy trước mặt cách 5m một lùm xanh động dấy, hình như xông tới xe tôi, tôi thắng mạnh ».

Lùm xanh động dấy đó tức là mấy bụi tre hai bên đường bị gió lay. Nếu người lái xe mang kiếng đính mắt thì sự rủi ro đã không xảy đến. Đối với kiếng đính-mắt mưa gió không thành vấn-đề.

Vài điều thường thức về sự lựa kiếng

Đã nói về kiếng phi - thường, nay ta nên nói qua vài điều thiết yếu về cách thức lựa kiếng thông-

thường, kiếng có cộng. Trượt hết phải thử thị-lực, sau cùng mới lựa kiếng vừa tầm người cần mang.

Có 2 phép đo thị-lực (mesure de l'acuité visuelle).

1º) *Phép đo chủ quan*: (Examen Subjectif) theo sự nhận xét của dương sự. Nếu cần thử kiếng cận-thị, thì phải đứng xa « tầm biên kiếng » 5m. Đọc từ hàng chữ lớn đến hàng chữ nhỏ. Biên ấy có 10 hàng. Chữ lớn ở hàng dưới cùng chữ nhỏ ở hàng trên cùng. Mắt tốt đọc được cả 10 hàng. Nếu có cận thị, thì không đọc tất cả 10 hàng được. Khi đọc được một hàng chữ to (hàng dưới cùng) thì thị lực độ $\frac{1}{10}$. Nếu đọc được 5 hàng kể dưới lên, thì lực được $\frac{5}{10}$.

Thí dụ mắt không kiếng thấy $\frac{5}{10}$; nếu đeo kiếng vào thấy cả mười hàng, tức là $\frac{10}{10}$ như vậy là được rồi; chớ nên kéo dài đòi thấy thêm nữa.

Xin nhớ cho rằng tầm biên kiếng mà bạn đọc cách 5 thước đó là một cái thước quốc tế để đo thị lực chớ không phải làm chừng đôi dẫu. Nước nào cũng dùng nó và treo trước mắt cách 5 m để đo mắt (échelle optométrique internationale).

Nếu cần kiếng viễn-thị để ngó

gần, để đọc sách, thì thử theo lối này: ngồi gần cửa sổ, ánh sáng đầy đủ, bên trái chiếu qua bên mặt. Đọc một bản chữ kiếng, để xa mắt 0m,30. Bản kiếng ấy có 40 hàng, hàng chữ lớn ở trên hàng chữ nhỏ ở dưới.

Kiếng nào cho phép thân chủ đọc hết hàng dưới, kiếng ấy đúng tầm mắt. Không nên ham lựa số kiếng nặng hơn. Không nên kéo bản kiếng xa mắt quá 0m30.

2º) *Phép đo khách quan*: (examen objectif) theo sự nhận xét của y sĩ chuyên khoa. Với dụng cụ chuyên môn, người ta rọi trông đèn để nhận định các tật của mắt. Nhờ phương pháp ấy người ta nhận ra các trường hợp cận thị, viễn thị và nhất là loạn thị.

Cũng nhờ phương pháp ấy người ta tìm ra các nguyên do làm cho mù mắt, không thấy. Có nhiều trường hợp đau mắt sanh mù lòa không thấy, đầu là bệnh nhưn không cận thị, viễn thị, loạn thị.

3º) *Hòa-hợp hai phương pháp*: Cần kiếng đeo mắt, đến hiệu kiếng cụ ý lựa chọn, trả tiền lấy kiếng

về dùng. Trường hợp đó rất thông thường nhưng không được bảo đảm. Không bảo đảm cho nên tốn tiền mua kiếng nhiều lần, đôi khi có hại. Lựa một cặp kiếng vừa mắt cần hòa hợp hai phương pháp trên: trước hết nhận-định nhãn-lực và đo nhãn độ; sau cùng mới tìm giải pháp thích nghi, giải pháp ấy là « đôi kiếng vừa mắt » vậy. Công việc ấy thuộc địa hạt chuyên môn của các nhà quang học hay là của y-sĩ nhãn khoa.

Lựa kiếng là một nghệ thuật: đã đành phải lựa một đôi kiếng cho tốt, cho rõ; nhưng màu kiếng, màu cộng phải thích hợp với khuôn mặt người đeo, phải dung-hòa với màu da, với sắc tóc nữa. Thực tế mà không bỏ thẩm mỹ; ích lợi mà không bỏ mất vẻ đẹp.

Bạn đọc muốn rõ vấn đề sanh lý của nhãn hệ về mục « viễn cận, loạn thị » nên đọc lại các sách giáo khoa thuộc ban văn-vật. Sau này tôi xin cảm ơn ông Trần-văn-Phi, kỹ-sư Quang-học đã cho tôi xem tài liệu để tham khảo đề tài « kiếng đính mắt ».

TRUYỆN DÀI NGOẠI
QUỐC RÚT NGẮN,
HAI KỲ ĐĂNG HẾT

NHẬT KÝ của ANNE FRANK

★ DIỆU-HUYỀN

Nhật-ký viết bằng tiếng Holland, khởi chép từ ngày 12-6-1942, lúc Anne Frank mới 13 tuổi, và tới ngày 4-8-1944 thì đành phải bỏ dở. Cô bé và cả gia đình cô bị quân Đức bắt đem đến trại giam Bergen-Belsen, và cô chết nơi đây đầu năm 1945, chưa được 16 tuổi. Được dịch ra Pháp văn, do nhà Văn Pháp Daniel Rops đề tựa, và nhà Calmann-Lévy xuất bản năm 1957, quyển nhật ký của Anne Frank được hai nhà Văn Mỹ, Frances Goodrich và Albert Hackett soạn thành kịch và nhà dàn cảnh Garson Kanin quay thành phim chớp bóng. Quyển nhật ký của Anne Frank đã làm xúc động hàng triệu khán giả và độc giả trên thế giới...



DỄ hiểu tại sao có quyền nhật ký này, và tác-giả của nó, Anne Frank, là ai (xem ảnh trang kế, chụp năm 1942 trong lúc Anne Frank 12 tuổi, đang chép quyền nhật-ký trong một phòng trú ẩn bí-mật ở Amsterdam), thì chúng ta nên hiểu qua hoàn cảnh của Anne Frank, trước khi trích vài đoạn văn của cô Nữ-sĩ tí-hon. Nên nhớ rằng Anne Frank là một nữ-sinh 13 tuổi, còn học lớp tiểu-học, không phải cố ý làm nữ-sĩ thần-dũng như Minou Drouet, hoặc tiểu-thuyết-gia trẻ tuổi như Françoise Sagan. Anne Frank vì buồn bực, chán-nản cảnh trốn tránh giặc Đức trong một căn nhà bí mật, không biết làm bạn với ai, nên cô viết nhật-ký để khuây-khỏa cho qua ngày qua tháng, để giết thì giờ, và nhân tiện diễn tả những tâm sự riêng của mình, những nhận xét và ý nghĩ ngẫu thơ, hồn nhiên của cô về cuộc đời, về tình yêu, trong lúc cô em vừa tới tuổi dậy

thì. Chứ thực ra, cô không cố ý viết sách đề xuất - bản. Cho nên sau 2 năm trốn tránh, bị Mật-thám Đức biết được căn phòng ẩn nấp bí mật, kéo tới đập phá, và bắt cả gia đình cô đem đi trại giam, thì Anne Frank không tiếc quyền nhật ký ghi chép tỉ mỉ trên 2 năm trời, và vứt bỏ nó trong xô tủ. Mãi sau khi chiến tranh chấm dứt, cả gia đình và cô em đều bị chết hết, chỉ trừ có ông già thân sinh của cô còn sống sót trở về, ông mới sức nhớ đến quyền nhật ký của đứa con gái 15 tuổi, và lượm cất đề làm vật kỷ niệm thương xót của con gái. Không ngờ quyền nhật ký của Anne Frank được các báo nói đến, rồi được nhà xuất bản in thành sách, dịch ra các thứ tiếng và quay thành phim... Cô nữ sinh Anne Frank đã chết oan uổng trong lao tù Đức đầu năm 1945, có biết đâu rằng 10 năm sau, 1955 và 1956, quyền nhật ký của cô bỗng dựng làm xôn xao dư luận khắp Âu châu, và tên cô lấy lừng khắp thế giới!

Lai lịch của Anne Frank

Gia đình cô bé Anne Frank là gốc Do-Thái, một giống dân bị nhà độc tài Đức, Adolf Hitler,

nguyên rủa hơ là kẻ thù số 1 của nhân loại nói chung, của dân tộc Đức nói riêng. Gia đình Anne Frank

NHẬT KÝ CỦA ANNE FRANK

sinh trưởng ở Đức và trong thời thái bình làm nghề buôn bán đã trở thành một gia đình khá giả, được bạn bè kính nể và thương mến. Đến khi Hitler lên nắm chánh quyền ở Đức và bắt đầu thi hành chính sách « Đại - Đức », chủ trương tiêu diệt tất cả những người gốc Do - Thái, thì gia đình Frank trốn qua xứ Holland, năm 1933, và ở thành phố Amsterdam. 1939 chiến tranh bùng nổ. 1940, quân Đức xâm chiếm Holland và áp dụng chính sách kỳ-thị chủng-tộc đối với những người gốc Do-Thái: Tất cả những người Do-Thái đều phải đeo trước ngực một ngôi sao vàng bằng vải, bị cấm đi xe điện, đi ô-tô-buýt, cấm lái các loại xe, cấm ra ngoài đường sau 20 giờ, cấm đến các rạp chớp bóng, các rạp hát, các sân thể thao, cấm giao du với người Gia-tô-giáo. Người Do-Thái, dù là trí thức vĩ-nhân như là Bác học Einstein, nghệ sĩ lừng danh như Marlene Dietrich, cũng bị truất quyền công dân, bị chịu tất cả các biện pháp nhục nhã, bị bắt bớ, giam cầm, đánh đập, khinh khi, đè nén, còn hơn loài thú vật nữa. Cho nên Marlene Dietrich bỏ đi sang Pháp, Einstein trốn qua Mỹ và

hầu hết các nhân vật thượng lưu tuy là dân Đức, nhưng gốc người Do-Thái, giáo-sư, bác-học, kỹ-sư v.v... đều xuất ngoại hết. Gia đình Anne Frank thuộc hạng trung lưu, không đủ điều kiện trốn sang ngoại-quốc, đành ẩn náu tạm bợ ở lại Holland. Nhiều người Do-Thái đã bị bắt đi trại giam và bị đánh chết, hoặc bắn chết, hoặc bị chôn sống, giết bằng hơi độc, bằng bỏ trọng hãm lửa. Tất cả những thủ đoạn tàn sát dã man của chế-độ Hitler đã đem ra áp dụng để tiêu-diệt dần dần cho hết giống người Do-Thái.

Năm 1942, gia đình Anne Frank nhận được giấy gọi của Mật-Thám Đức. Biết là đến lượt mình bị tai nạn, ông Otto Frank, thân sinh của Anne, liền tìm cách lẩn trốn. Gia đình ông bốn người, gồm có ông, vợ ông, cô con gái lớn tên là Margot, 16 tuổi, và cô gái út Anne Frank 13 tuổi, trốn đến ở nhà một người bạn thân có đạo Gia-tô-giáo, tên là Koophuis. Đây là một căn phố lâu cũ kỹ số nhà 263, trên bờ con sông đào Prinsengracht, thuộc khu nhà cổ trong một đường hẻm. Căn phố buôn bán có hai tầng, tầng dưới là nơi thợ làm bánh, có

vài cái máy chạy ầm ầm mỗi ngày hai buổi trong những giờ làm việc. Tầng lầu là văn phòng của chủ nhà, ông Koophuis và cô thư ký Elli Vossen. Phía sau bàn giấy của ông Koophuis, có đựng một tủ sách to lớn. Người ngoài không thông thuộc nhà này cứ tưởng nhà chỉ có một tầng lầu, tức là văn phòng của ông Koophuis. Chỉ có ông Chủ nhà và cô thư ký mới biết một điều bí mật : là cái tủ sách cao lớn kia chính là một cánh cửa che lấp một cầu thang lên một tầng lầu thứ hai bí mật.

Muốn cứu giúp một vài gia đình Do-Thái trốn khỏi sự bắt bớ của Mật-thám Đức, ông Koophuis là bạn thân của ông Frank, và cô thư ký Elli Vossen, cả hai đều là người Holland có đạo Gia-tô, đầu kín gia đình ông Frank ở tầng lầu bí mật thứ hai. Hôm đầu, ông Frank dọn lên đến ở cả gia đình chỉ có 4 người mà căn lầu thì khá rộng rãi. Hôm sau lại thêm một gia đình Do-Thái nữa, cũng là bạn thân của ông chủ nhà và của ông Frank : vợ chồng ông Van Daan, và cậu con trai của ông bà này là Peter, 15 tuổi. Hôm sau lại thêm một người Do-Thái lánh nạn nữa, cũng là bạn thân : ông Dussel, nha-Y-sĩ, 54 tuổi, không có vợ. Thế là căn lầu bí mật

như một cái gác-xếp do một cầu thang chật hẹp nối liền với văn phòng của chủ nhà, ở tầng lầu một, nhờ một tủ sách làm cửa chắn ngang, che lấp không ai trông thấy lối đi, — gác xếp ấy chứa đựng 8 người thành 3 gia-đình ở chung chạ với nhau :

— Ông bà Otto Frank và 2 cô con gái. Margot (16 tuổi) và Anne Frank (13 tuổi).

— Ông bà Van Daan và cậu con trai Peter (15 tuổi)

— Ông Y-sĩ chữa răng : Dussel.

Khổ nhất, là phải yên lặng, không được đi giày, phải đi rón rén và đi chun không, không được nói lớn, chỉ nói thầm, không được làm ồn, không được ho, không được ngó ra ngoài đường (có một cửa sổ che màn). Phải hoàn toàn im lặng, cả ngày lẫn đêm.

Ông chủ nhà và cô thư-ký của ông là những người rất tốt, tận tâm lo lắng cho 8 người bạn Do-Thái ẩn nấp kia, và lo tiếp tế đầy đủ các vật dụng cho họ.

Các bạn có thể tưởng tượng đời sống hết sức khó chịu, vừa lo sợ, đề phòng căn mật từng cử chỉ, từng tiếng nói, vừa bực-bội, buồn rầu chán nản, của 8 người Do-Thái tự giam-hãm trong gian gác-xếp

này, đề khỏi bị Mật thám Đức bắt đi thủ tiêu.

Buồn-bực và khó chịu nhất là cô bé ANNE FRANK. Tuy cô em mới có 13 tuổi, nhưng bình nhật cô vẫn là một nữ-sinh rất thông-minh, rất lanh-lợi, lại có nhiều cử-chỉ và ý-nghĩ phóng-dạt, thanh-thoát, và độc-đáo. Tuy ở chung chạ với 7 người, nhưng cô tự thấy mình tự-trị. Không biết làm bạn với ai : chỉ có cô chị, Margot, nhưng hai chị em không tâm đầu ý hợp. Anne Frank quạu quọ suốt ngày.

Bổng ngày 12.6.1942, là ngày lễ sinh-nhật của cô, ông thân-sinh của cô tặng cô một quyển tập dày trên 400 trang, đề cô làm bài vì cô vẫn tiếp tục tự học, nhờ cha dạy bảo. Anne Frank mừng quýnh, nhưng cô xin phép cha cho cô dùng quyển tập làm quyển Nhật-ký. Ông Otto Frank bằng lòng. Thế là Anne Frank, cô bé 13 tuổi, bịa ra một cô bạn gái thân yêu mà cô đặt tên là Kitty, đề mỗi khi có chuyện gì muốn nói thì cô viết trong quyển nhật-ký kể tâm sự với người bạn tri kỷ trong tưởng tượng. Đó chỉ là một cách giết thì giờ của cô nữ-sinh ngây thơ,

không có tham vọng làm Nữ-sĩ, không nghĩ đến chuyện viết văn đề sau này xuất bản. Không dè, cô là một thiên-tài mà cô không biết ! Cô là một Nữ-sĩ mà cô không ngờ !

Quyển « Nhật-ký » của Anne Frank viết từ ngày lễ sinh nhật của cô, 12-6-1942, tiếp tục đều đều hơn 2 năm ẩn nấp trong cái gác xếp chật hẹp ấy, trong hoàn cảnh chung chạ và âm thầm lén lút ấy, cho đến ngày 4-8-1944.

Buổi sáng hôm đó, cô bé đang ngồi bàn viết, buồn bã lắng tai nghe tiếng chuông nhà thờ Westertoren ở bên kia bờ sông đào Prinsengracht vang rền mấy tiếng ngân nga sâu não, bỗng đứng nổi dậy tiếng còi xe của nhà binh Đức và một đoàn xe ầm ầm chạy tới con đường hẻm, đổ ngay trước căn nhà cô đang trốn. Một toán lính xuống xe, rần rộ vô nhà, nài nịt súng ống, chung quanh khu phố đã có lính ôm súng liên thanh bao vây. Tiếng súng nổ ầm ầm, tiếng dầy di dọp dọp, ào ạt kéo lên tầng lầu, đập phá văn phòng ông chủ, rồi lấy bằng súng động vào tủ sách, cánh cửa bí mật vỡ tan ra từng mảnh. Bọn người đã man ụa lên gác xếp, bắt trói cả 8 người Do-Thái, đem xuống xe

chở đi trại giam Bergen-Belsen. Anne Frank vút tập nhật ký vào trong xó tủ.

Đồng - Minh đã chiến thắng khắp nơi, sắp sửa tràn qua Holland và kéo vào chiếm nước Đức... Tháng 5-1945, Đức bại trận, xin đầu hàng vô điều kiện. Các tù binh được Đồng-Minh giải phóng.

Nhưng trong trại giam Bergen Belsen có trên mấy ngàn người Do - Thái, đàn ông, đàn bà, ông già, con trẻ, thanh-niên, thiếu nữ, đều đã bị quân Đức bạo tàn giết chết gần hết, 8 người ở căn nhà 263, cả ông chủ nhà và cô thư-ký cũng đã bị tàn sát, chỉ may

sao còn sống sót một người : ông Otto, thân sinh của cô bé Anne Frank. Trở về căn lầu cũ, ông Otto ngồi khóc ròng-rã một mình, thương vợ, thương con.

Một cô hàng xóm nghe tiếng ông khóc, chạy tới hỏi han, an ủi. Cô buồn rầu bảo :

— Thưa ông, quân Đức đốt phá hết cả, chỉ còn một quyển Nhật ký của Anne Frank đây, cháu đã lượm được còn y nguyên trong kẹt tủ..

Ông già Otto ôm lấy quyển tập 400 trang vào lòng, khóc oà lên thê thảm !..

« Nhìn trời, mây, trăng, sao,
lòng ta êm-dịu và đầy hy vọng... »
(Nhật-ký của Anne Frank)

(Kỳ sau : Trích dịch những đoạn văn hay nhất trong quyển Nhật ký của Anne Frank)



★ DANH NGÔN : NHẪN-NẠI

Nhẫn-nại, là nghệ thuật hy vọng.
(La patience est l'art d'espérer)

VAUVENARGUES (Văn-sĩ Pháp)

TAO - ĐÀN PHỔ - THÔNG

(Xem P. T. từ số 45)

M ỪNG Xuân nỏ nước bướm hương hoa,
Khôi cuộn « NHÀ MÂY » tỏa khắp xa (1)
Cày bút nghêu-ngao quen với... ngọc,
Ruộng thơ khoát-trá bạn cùng... ngà.
Chưa tu, tại muốn có hàng rượu !
Còn ở, vì say cái cũ trà !
Quen tắm giếng ao thêm mát nhẹ,
Hững thời tay nhíp sẵn thanh ca...

VƯƠNG HỒNG SẼN
Giám đốc Bảo-tàng-viện — Sài-gòn.



C ô-phòng khóa kín nửa đời hoa,
Lạnh-lẽo đêm xuân, máu lệ hòa !
Pháo nổ, nhớ hồi trao ngọc nhẫn,
Trầm xông, gọi lúc gãy kim thoa.
Gối chân, hận vương, ôi ! bừa-bãi !
Son phấn, sầu đeo, ôi ! xóa-nhòa !
Sương triu cảnh mai, lòng ủ-rũ,
Gượng cười nâng bút viết qua-loa !

Bà ANDRÉ LA SOMME
(XUÂN MAI — Đường Ngô-tùng-Châu — Sài-gòn)

(1) Nhà treo hai chữ « Văn đường »

M ỪNG xuân nở nức bướm, hương, hoa...

Riêng chỉ mình ta thẹn với ta!
Ba lớp tôi-đời bao khổ hạnh,
Năm lần tuổi-tác chẳng tài ba.
Mua vui muốn gọi nguồn thơ, nghen...
Bán hận đưa trời chén rượu, nga...
Dầu cạn, đèn lờ, ngồi nghĩ tủi,
Xuân về, ai hưởng Khúc Xuân-Ca?

LÊ-VĂN-SA

88, Đường Tự-Do, SAIGON

★

M ỪNG Xuân, nở-nức bướm, hương, hoa,

Tưởng niệm người xưa, nghĩ đến ta.
Văn viết theo thời, lời nhả-nhặt,
Thơ thua trẻ tuổi, bực tài ba!
Tre già, măng mọc nhiều duyên dáng
Bạc cũ, vàng phai kém ngọc ngà!
Xét kỹ chừng nào thêm tủi phận,
Thơ còn biếng đọc, hưởng hồ ca!

TẠ - GIA — (Kiến-Hòa)

★

X UÂN về rộn-rịp về trăm hoa.

Khêu gọi niềm tây xốt dạ ta.
Đặng-đặng đường đời, chen vất-vả!
Mặt-mù cát bụi, lướt bốn-ba!
Vui gì, thế-sự, khoe màu-sắc?
Ngán nỗi, nhơn-tâm, lọng ngọc-ngà.
Mười sáu Xuân qua lòng đã chán,
Mây sâu, gió thảm, để ngâm ca!

LIÊN - ĐƯỜNG

(Nhóm Liên-Hương Thi-Xã)

285/10 Trần-bình-Trọng — Chợ-lớn

TRUYỆN DÀI TÌNH - CẢM THỜI - ĐẠI

MỒ HÒI NƯỚC MẮT



★ NGUYEN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 46)

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC.—

Sau cơn mưa, Hoàng vui-vẻ
đưa Ánh về nhà. Hôm sau
Ánh bị cảm, Hoàng đến thăm,
biếu Ánh một số tiền và thuốc
kị-nhinh...

A

NH cầm xem nhãn
hiệu:

— Phải rồi, Má.

— Con lấy uống đi cho mau
lành bệnh.

— Thuốc ở đâu đó, Má?

— Cửa cậu học trò gì quen
với mầy đó.

— Ai hà má?

— Cậu gì, tao quên tên măt

rồi. Nó còn gởi tao đưa trả lại mấy một trăm năm chục đồng bạc đây. Tiền gì, mà mấy cho nó mượn hồi nào ?

Ảnh ngạc nhiên trở mắt nhìn mẹ. Vừa mới tỉnh cơn mê sáng. Ảnh ngờ ngác chẳng hiểu mẹ nói gì, nhưng bỗng dựng hình ảnh của Hoàng thoáng hiện ra trong trí nhớ. Ảnh hỏi mẹ :

— Anh học trò nào, Má ? Có phải cái anh có nốt ruồi son ở nơi mông-tang đó không ?

— Tao không biết nó có nốt ruồi hay không. Tao chỉ nhớ nó nói nó tên là thằng... Thằng gì bạn học cũ của mày ở trường Chợ quán...

— Phải anh Hoàng không, Má ?

— Ờ, thằng Hoàng.

Ảnh yên lặng một lúc, rồi hỏi :

— Anh Hoàng đưa Má một trăm năm chục đồng mà ảnh nói sao ?

— Tiền mấy cho nó mượn hồi nào, ai biết ! Nó gởi tao trả lại mày.

— Con đâu có tiền cho ảnh mượn bao giờ !

— Tao biết đâu.

— Ảnh gởi ống thuốc này cho con nữa, hả Má ?

— Ừ.

— Ảnh đến đây hồi nào hả Má ?

Bà Tư nói lại đầu đuôi cho con gái nghe, xong Ảnh bảo :

— Chắc là ảnh đến thăm con, thấy con đau ảnh đi mua thuốc và gởi tiền cho con mượn để uống thuốc. Chớ con làm gì có tiền cho ảnh mượn hồi nào !

— Nó làm gì ?

— Hoàng học giỏi lắm, nhưng cũng nhà nghèo. Thi đỗ Trung-học Đệ nhứt-cấp rồi bây giờ thất nghiệp.

— Sao nó có tiền cho mày ?

— Chắc là ảnh vay mượn của ai, chớ ảnh làm gì có tiền.

Cảm-dộng vì cử chỉ cao quý của người bạn trai quá thương yêu mình, Ảnh nằm lại xuống giường, trùm mền kín hết cả đầu, khóc nức nở. Bà Tư xuống bếp, múc một tô cháo nóng đem lên, gọi Ảnh dậy ăn.

Nhưng Ảnh không dậy.

Ảnh cảm phục Hoàng lắm. Ảnh không dè một người bạn trai cũng nghèo khổ như Ảnh, đang thất nghiệp, bơ vơ trên đường đời, mà có lòng thiết-tha lo lắng cho Ảnh trong lúc Ảnh đau, thật là một ân ưi lớn lao, êm đềm.

Lần đầu tiên trong đời thiếu nữ trái tim Ảnh hồi hộp rung động

vì cử-chỉ cao quý của một người bạn trai cùng chung cảnh ngộ.

Nếu Ảnh biết rõ sự thật của số tiền một trăm năm chục đồng kia, Ảnh sẽ càng thương Hoàng biết bao nhiêu nữa ! Ảnh không biết rằng Hoàng có một chiếc đồng hồ đeo tay do một người chú họ thương cho Hoàng hồi Hoàng thi đỗ, tuy là đồng hồ đã cũ nhưng Hoàng xem nó là kỷ niệm quý báu nhứt của Hoàng mà sáng nay Hoàng đã phải đem bán để lấy một trăm năm chục đồng bạc, đưa cho Ảnh và mua thuốc cho Ảnh. Ảnh đâu có dè ! Chỉ tưởng rằng Hoàng vay mượn tiền của ai để giúp Ảnh trong lúc Ảnh bệnh hoạn, cũng đã đủ khiến Ảnh cảm phục hảo-tâm của người bạn trai kia rồi. Đối với những kẻ nghèo như Hoàng và Ảnh, 150 đồng bạc không phải là một món tiền nhỏ, và Hoàng giúp Ảnh trong lúc này chứng tỏ rằng tình yêu của Hoàng đối với Ảnh rất thành thật và cảm động. Ảnh nhận thấy người bạn học cũ nghèo khổ thất nghiệp kia có một tấm lòng vàng quý báu vô cùng, rồi đây Ảnh biết lấy gì đền đáp lại ơn chàng ?

Nghĩ quanh quẩn bấy nhiêu đó, Ảnh không sao cảm được ngăn lệ. Ảnh vừa vui sướng vừa buồn bã

liên miên... Vui, bởi Ảnh được một người bạn trai ân-cần chiếu cố đến, âm thầm săn sóc cho mình và tha thiết thương yêu mình. Buồn, bởi số phận hẩm hiu, cuộc đời vất vưởng, Ảnh cũng như Hoàng, sống một hiện tại tối tăm, một tương lai mù mịt, bao nhiêu nghị lực và hy vọng của tuổi trẻ đều như bị chôn vùi trong đau khổ, nghèo nàn, than ôi !

Nếu Hoàng biết rõ câu chuyện xảy ra đêm hôm qua thì Hoàng sẽ còn xót xa cho Ảnh biết bao ! Sáng nay má Ảnh chỉ cho Hoàng hay rằng tại khi hôm Ảnh đi bán bị mắc mưa, về nhà nằng lạnh nên bị cảm thương hàn đó thôi. Nhưng thực ra Ảnh nằm vùi cả ngày hôm nay, mê man bất tỉnh, đâu có phải vì mắc mưa đêm qua lúc bán hàng ở rạp hát Cầu-muối !

Sự thực, là sau khi Hoàng đưa Ảnh về đến gần nhà, và Hoàng đã đi rồi, Ảnh gánh hàng vào nhà thì ngạc nhiên thấy chú Cai Mão, « cha ghẻ » của Ảnh, làm Cai thầu khuân vác ở Bến tàu, đang ngồi uống rượu với một thầy nào lạ. Má Ảnh đang dọn đồ nhậu trên bàn. Ảnh đã thấy khó chịu rồi. Nhưng nằng vẫn lấy bộ mặt nghiêm nghị và thần nhiên quây gánh bước vô nhà. Chú Cai Mão

cất tiếng hỏi Ánh với giọng dịu ngọt bất thường :

— Cô gái cưng đi bán hàng bây giờ mới về đó hả con ? Tối nay bán được khá không Hai ?

Ánh không thích nghe tiếng « cưng » kịch cợt trong câu nói của người cha ghê. Nàng làm thinh không trả lời.

Người khách lạ cũng cười hóm hỉnh, khen ngợi Ánh :

— Chà, cô Hai giỏi quá xá ! Cô Hai duyên-dáng như vậy chắc là bán hàng đông khách lắm, phải không cô Hai ?

Ánh đã quây gánh biển vào sau bếp, không trả lời người khách lạ. Ánh rất ghét cái giọng đùa bỡn lố lăng như thế. Ánh đang dọn dẹp gánh hàng, thì cai Mảo lại gọi :

— Hai ơi, còn khô mực đem ra đây, con !

Ánh hết sức bực mình, tuy trong thúng vẫn còn mấy con khô mực nhưng nàng không thích đem ra nhà ngoài để đãi người khách lạ. Nàng đã ghét ngay người ấy vì câu nói vừa rồi, và nàng vẫn không ưa người cha ghê tục tĩu mọi lần hay ngấm ghé nàng và xúi má nàng ép nàng làm nghề

mãi dâm lậu thuế, đề y rước khách kiếm tiền. Vì ác cảm, nên nàng trả lời vắn tắt :

— Hết khô mực rồi.

Cai Mảo làm thinh. Y rót thêm rượu mời người khách lạ, rồi nói thì-thăm với người này :

— Sao ? Thầy Hai thấy con nhỏ được không ?

Người khách nhoẻn một nụ cười khoái-lạc, gật đầu lia-lịa :

— Ngộ lắm.

— Thầy ngồi đây chơi, cứ việc nhậu đi. Để tôi ra sau kêu nó ra.

Khách lạ tùm tùm, gật đầu. Cai Mảo đứng dậy ra sau bếp. Ánh đang dọn dẹp đi ngủ. Nàng có một chiếc ghế bố riêng, kê cạnh chái bếp. Nàng đang cột dây treo mùng, chiếc mùng cũ kỹ đã rách vá nhiều nơi mà vẫn còn nhiều lỗ hổng. Má Ánh đun nước sôi để pha trà. Cai Mảo đến gần Ánh :

— Hai ơi, có ông Chủ - sự Thương-chánh quen lớn với tao, ông muốn nói chuyện với mày. Coi bộ ông thương mày lắm đó. Mày đem bình trà ra pha một chén mời ông đi.

Hiếu ý người cha ghê, Ánh lắc đầu từ chối :

— Tôi không ra đâu.

Cai Mảo nài quạo liền :

— Sao ? Mày không ra hả ?

Ánh làm thinh, lui cui cột giây mùng. Ánh sợ người cha ghê du côn lắm, Ánh đã biết y là một tay vũ phu lợi hại, đến Má Ánh mà cũng còn sợ y nữa là Ánh ! Nhưng Ánh tức lắm.

Cai Mảo lại khê đổ Ánh, nói rầm rì bên tai :

— Hai à, tao quen với Thầy hai Côm-Mi, thầy là người tử tế. Thầy thương mày, thầy cho mày nhiều tiền, thầy may áo may quần cho, thầy sắm vòng vàng, cà rá hột xoàn cho. Thầy muốn đem mày đi Chợ lớn chơi với thầy, tao với má mày cho phép mày đi với thầy đó.

Ánh ngồi xuống ghế bố, khóc. Ánh không dám khóc lớn, sợ cha ghê đánh.

Cai Mảo liền bảo vợ. Sự thật, bà Tư Rồ không phải là vợ mà chỉ là tình nhân của y, vì sợ y mà phải lấy y luôn. Cai Mảo bảo Bà Tư :

— Bà phải rầy con Ánh chứ ! Coi bộ con nhỏ cứng đầu da !

Bà Tư trả lời :

— Ông rầy nó cũng được chứ. Nó còn nhỏ nó biết gì !

— Mười-tám đôi-mười rồi còn

nhỏ nữa sao ? Con gái đã lớn mà không nghe lời cha mẹ ? Mày có đi học, mày thi đỗ mà mày không biết câu tục ngữ nói : « Cá không ăn muối cá ươn, con không nghe lời cha mẹ trăm đường con hư » sao ?

Ánh càng khóc sướt - mướt. Cai Mảo nói tiếp, giọng nói lẽ nhè say rượu :

— Ánh ! Mày...mày...lớn rồi, mày không biết làm ăn giúp đỡ cho...má mày sao ? Má mày nghèo...nghèo...nghèo...cho đến nỗi có bữa không... không có gạo nấu, tao phải đưa tiền cho má mày đi chợ. Vậy mà mày...mày không kiếm nghề gì làm cho có tiền để nuôi má mày sao ?... Không lẽ mày cứ đi bán...mấy...mấy cái hột vịt lộn...với...mấy con khô mực đó mà đủ...đủ nuôi hai má còn mày sao ? Mày ngó lại cái thân mày coi ! Một cái áo...áo mặc cho lạnh lặn với người ta, mày cũng không có. Vậy mà tao biểu mày mấy lần mày...mày cũng không nghe tao, là...là nghĩa lý làm sao...hả ? Mày không nghe lời tao, phải không ? Ba...ba mày chết rồi thì tao...tao không phải Ba mày đây sao...hả Ánh ?

Ánh lặng lẽ ngồi khóc, nước mắt chảy ràn rụa.

Cai Máo đã say quá rồi. Y đứng không vững nữa, thõ ra toàn hơi rượu. Y chụp tay Ánh. Bàn tay vũ phu của y nắm đau điếng, Ánh đẩy ra không được, bị y dặt mạnh, miệng khề khà bập bẹ :

— Ánh, tao cấm mày...tao cấm mày... không được khóc nữa, nghe ? Mày lau nước mắt, đi ra đây với tao... đề... đề tao giới thiệu mày cho Thầy Hai Côm-Mi... đi !... đi !... Ánh !..

Ánh vùng vằng la lên, vừa la vừa khóc nức nở :

— Ba... ời ! Ba ời !.. Ba chết làm chi đề cho thân con côi cút đau khổ thế này, hờ Ba !.. Ba ời ! Ba ời !.. Con khổ lắm, Ba ời !

Cai Máo đánh Ánh một tát tay thật mạnh :

— À, con nhỏ này... mày la hả ? Mày réo cái thằng Cha mày.. sống đây...đề...ăn...ẹ... tao hả ?

Y lại thoi vào Ánh một thoi :

— Mày giỏi réo nữa đi, tao coil

Ánh té sụm xuống đất, một tay vẫn bị cha ghề nắm chặt. Má Ánh thì ngồi yên cạnh bếp lửa, làm thinh không dám nói gì. Người khách lạ từ ngoài đứng định bước vào, vỗ vai Cai Máo :

— Thôi, chú Cai ! Chú đừng

đánh cô Hai, tội nghiệp cô... Tôi can...

Thầy Hai Côm-Mi gỡ tay Cai Máo ra, và ngồi chồm hòm xuống cạnh Ánh, đề tay trên vai Ánh :

— Cô Hai đừng khóc nữa.

Ánh hất tay người khách lạ, vụt đứng dậy chạy ra sau, khóc ầm ức.

Cai Máo đứng trong nhà bếp, chửi ra :

— Con dĩ mẹ mày ! Mày giỏi mày làm bộ cái mặt chó mày ! Rồi mày coi tao !

Chị Tư Rỗ, nghe tình nơn nói động đến chị, liền lên tiếng hỏi :

— Ông chửi con dĩ mẹ ai đó?... Ông ghét nó thì ông làm gì nó ông làm đi, ông giết nó đi, chớ sao ông chửi tôi ?

Cai Máo sặc mùi rượu, lè nhè:

— Bà không dạy được con bà, bà còn binh nó hả ? Bà muốn binh nó thiệt không ? Bà nói đi ! Hứ ! Con gái bà hay lắm đó ! Đồ chó đẻ không biết thân lại còn.., còn... Nè, tui nói cho biết, nghe hôn ! Liệu hồn con Ánh đại

Thầy Hai Côm-Mi thấy chuyện lộn xộn trong nhà Cai Máo và nghe tiếng bà con hàng xóm thăm-thì to nhỏ ở ngoài đường, và ở hàng rào sau, y bỏ nhỏ

Cai Máo :

Thôi, chú Cai, đừng chửi bới om sòm, hàng xóm họ cười. Cô ấy không chịu thì thôi, đề khi khác. Chú nên dịu ngọt đồ dành cô chớ đừng ép buộc quá làm cô bực trí, không xong chuyện gì đâu. Tôi về đây.

— Mời Thầy Hai ở lại chơi đã, về chi lật dật ? Mai chúa nhựt mà !

— Khuya rồi.

— Mấy giờ mà khuya ?

— Gần hai giờ sáng, chú tưởng còn sớm lắm sao ? Tôi về, thím Tư.

— Dạ.

Thầy Hai Côm - Mi vội vàng bước ra. Thấy ba bốn chị đàn bà và vài cô gái kẹp tóc đứng xúm xít ngoài cửa dóm vô nhà đề rình nghe, " thầy Hai " mắc cỡ cúi đầu bước thật lẹ ra đường, đi thẳng. Mấy người đàn bà con gái chỉ chỏ ngó theo, xầm xì bàn tán.

Trong nhà, Cai Máo vẫn chửi bới oang - oang, không sợ ai nghe. Chị Tư Rỗ ngồi trong bếp làm thinh. Ánh còn khóc thút - thít ngoài sân sau, đứng dựa chum nước cạnh hàng rào phen.

Trời lại đổ mưa. Sau một trận gió lớn lá cây rụng xào-xạc, mưa

trút xuống ào ào đen đặc cả vòm trời. Bà con hàng xóm ai chạy về nhà nấy, nhưng về nhà họ vẫn lắng tai nghe. Cai Máo bước lại đóng cửa bếp, bỏ mặc Ánh đứng dầm mưa ngoài sân sau. Quay vào, y còn ngó hăm - hăm vào mặt chị Tư :

— Tôi cấm bà không được mở cửa, nghe ? Đề trời hành nó cho đáng đời !

Xong, y đi lảo đảo ra nhà trước, ngồi ghế rót rượu uống nữa. Cai Máo uống chưa cạn ly, gục đầu xuống bàn nói lảm nhảm như đờn diên. Rồi y đứng dậy, qua giưỡng tre của chị Tư kê gần vách, nằm phịch xuống giưỡng, miệng lảm mồm kêu chị :

— Minh... minh... đi lên ngủ...

Chị Tư coi bộ sợ sệt lắm. Tuy chị công khai " lấy " Cai-Máo, đã bảy tám tháng trời, nhưng chị biết Cai-Máo là một tay " anh chị " ở Bến tàu, một tay du côn có tiếng, đã từng đánh đập chị nhiều lần. Chị đã trót lỡ lấy y rồi nên bây giờ chị ít dám cãi lời y. Chị còn chịu chuộng y nữa là khác, bởi lẽ thỉnh thoảng y cho tiền bạc và đưa cho chị bán chợ đen vài thứ hàng-hóa ngoại-quốc do bọn em út của y ăn cắp

được dưới các chiếc tàu cập bến. Dối nát và thật thà, chị Tư cũng phục người « chồng » mới của chị là một tay « yên hùng mã-thượng », — chính lời của Cai-Mão thường khoe khoang với chị như thế. Chị không cho nghề « ma cô » là bần tiện đâu, vì đã nhiều lần chị biết chồng chị dắt gái cho khách đề « ăn huê-hồng ». Lâu lâu, được « mối », nào bỏ, y khoe với chị và nếu chị xin tiền thì y cũng móc ví lấy cho.

Chị nghèo lắm, nghèo quá cho nên thỉnh-thoảng được Cai Mão cho một vài trăm, chị mừng quýnh. Quen cách làm tiền dễ dãi như thế, chị cho rằng nghề « ma cô » của chồng chị là một nghề nuôi sống được, chứ cũng không có gì hèn hạ.

Đối với Ánh, con gái riêng độc nhất của chị, hồi còn đời chồng trước và Ánh còn được đi học, thì chị cưng lắm. Hồi Ánh thi đỗ bằng tiểu học, hai vợ chồng mừng rồi rít, mua một con gà về làm gỏi cúng ông bà cha mẹ, và mời cô ruột của Ánh với vài người bà con hàng xóm đến ăn uống rượu chè đề mừng con gái thi đỗ. Anh Tư cố gắng cho

Ánh đi học trường Gia-Long, nhờ Ánh học giỏi và vào trường nhà nước không tốn kém bao nhiêu, nên Ánh đã cố công đèn sách được mấy năm trời thi đỗ Trung-học Đệ-nhất-cấp. Nhưng kể đó, Ba của Ánh bị chết oan-uổng vì tai nạn lao động. Ánh đành ở nhà giúp mẹ. Dần dần cửa nhà suy sụp, đã nghèo lại nghèo thêm, chị Tư đi làm công ở hãng thuốc Bastos nhưng bị đau ốm, cứ nghỉ hoài nên không đủ tiền nuôi sống hai mẹ con. Ánh tìm không được việc làm, đành phải đi bán hàng rong kiếm tiền độ nhật. Rồi chị Tư gặp Cai-Mão, lúc đầu được y giúp ít tiền, tưởng đâu là người tử-tế.

Không dè sau khi mèo chuột lên lút đã đời, chị Tư công khai « ăn ở » với Cai-Mão, giới thiệu họ hàng làng xóm là « chồng » của chị, rồi về ở luôn trong nhà chị, là Ánh bắt đầu đau khổ vì người cha ghê.

Ánh đã lớn. Nhờ có học-tiêm nhiễm được phong-độ lạnh mạnh của học đường, Ánh bắt đầu ghê tởm người « cha » vũ phu thỉnh thoảng đánh đập chửi bới mẹ Ánh. Ánh rùng mình lo sợ. Đã hai lần, Cai-Mão lấy lời đường-mật dụ-đỗ Ánh làm nghề mãi dâm. Ánh đã cự tuyệt. Ánh khóc lóc với

mẹ, nhưng chị Tư Rõ quá sợ « chồng », chỉ trả lời một câu bơ-thờ với con gái :

— Kệ mầy, mầy muốn sao thì mầy cứ nói với ông, tao không biết.

Đã hai lần như vậy rồi, tuy Cai Mão chưa ép buộc gì Ánh, nhưng Ánh đã lo sợ, buồn rầu, cố giữ gìn lễ phép nhu mì với người cha ghê đề mong y « thương hại », khỏi làm hư hỏng cuộc đời thiếu nữ.

Đêm nay, thỉnh linh cái chuyện mà Ánh sợ nhất lại đã xảy ra một cách vô cùng tủi nhục. Má Ánh vì quá kiêng nể người tình nhơn, không hề dám can thiệp bình vực cho con gái bị y ép buộc và đối xử quá tàn nhẫn mà chị không ngờ.

Tình nghĩa mẹ con và lương tâm của chị Tư đã bị thái độ dã man của « chồng » chà nát dưới chơn. Chị cũng đành chịu, không dám hé răng.

Nói thật ra, chị Tư không phải theo bè với « chồng », mà ghét bỏ con. Trong lòng chị vẫn thương Ánh và đau xót cho hoàn cảnh của đứa con gái độc nhất của chị, nhưng chị sợ anh Cai Mão quá dữ, định dần dần đợi

lúc nào y vui vẻ sẽ năn nỉ y để cho con gái của chị trong sạch, hồng kiểng được người chồng tử-tế đàng hoàng. Cho nên chị làm thỉnh, âm thầm thương xót mà ngồi nhìn cảnh con gái của mình bị cha ghê của nó dầy vò day nghiền. Nghe Cai Mão đã nằm ngáy khò khò trên giường nhà ngoài, chị đứng dậy khê mở then cửa bếp kêu Ánh. Trời mưa tầm tã, chị vừa hé mở cửa phen thì mưa gió tạt vào. Chị đứng né một bên, thò đầu ra ngoài, không dám gọi to :

— Ánh ơi !..

Ánh không trả lời.

Trời tối đen như mực. Mưa xối ào ào. Chị tự lại gọi :

— Ánh ơi ! Đi vô, con !

Ánh vẫn lặng thinh, không đáp. Chị chưa trông thấy Ánh đứng chỗ nào. Một lúc chị dòm kỹ mới thấy bóng của Ánh đứng yên lặng bên lu nước, sát hàng rào phen. Ánh đứng đấy từ nãy giờ dầm mưa, không nhúc nhích. Gọi tiếp ba lần Ánh không trả lời, chị Tư mới chạy ra mưa nắm tay con gái kéo vô. Ánh dằng lại, không đi :

— Má đề mặc kệ con !

— Đi vô ! Ba mầy ngủ rồi.

— Con không vô.

(Còn nữa)

Mình Ơi!

- * VẬT-LÝ-HỌC
- * HÓA-HỌC
- * Y-HỌC
- * VĂN-CHƯƠNG
- * HÒA-BÌNH-THẾ-GIỚI

MÌNH ƠI!
— Ơi.
— SAINT JOHN PERSE là ai, hả Minh?

— Saint - John Perse ? Anh không biết... Em thấy cái tên kỳ cục đó ở đâu vậy ?

— Đây nè, trong tờ báo Tây... Saint-John Perse, Prix Nobel...

Giải thưởng

NOBEL

1901-1960

— À, SAINT JOHN PERSE, cái ông già Thi sĩ vừa được giải thưởng quốc tế Nobel về văn chương 1960... Ông này ít có tiếng tăm.

— Người nước nào, hả Minh ?

— Người Pháp có vợ Mỹ, năm nay 73 tuổi. Sinh ngày 31 tháng 5 năm 1887 ở đảo Guadeloupe của Pháp gần Mỹ-châu. Tên thật của ông là Alexis Léger,

MÌNH ƠI !

hồi trước chiến tranh có làm một chức vụ lớn trong bộ Ngoại giao Pháp. Nhưng thỉnh thoảng ông làm thơ ký tên là Saint John Perse. Thơ ông cũng thường thôi, không có gì đặc sắc lắm, và không được công chúng hoan nghênh mấy.

— Sao ông được giải thưởng Nobel về Thơ ?

— Ông là một nhà ngoại-giao nhiều hơn là nhà Thơ. Ông là bạn thân của ông Dag Hammarskjöld, Tổng thư ký Liên hiệp quốc hiện giờ. Hammarskjöld là người nước Suède, có dịch quyển thơ của Saint John Perse sắp xuất bản, và đề cử với Hàn-lâm-viện Suède tặng giải quốc tế Nobel cho người bạn ông. Mình nên biết rằng giải thưởng quốc tế Nobel cũng như trăm nghìn giải thưởng khác, thỉnh thoảng không tránh khỏi việc bạn bè thân-thuộc vận-dộng cho nhau và đề cử cho nhau. Có lẽ Hàn-lâm-viện Suède nể ông Hammarskjöld, vì ông Tổng thư-ký L.H.Q lại là một nhân viên có uy tín của Hàn-lâm-Viện ấy.

— Thế thì chưa chắc ông

Sain-John Perse đã xứng đáng được giải thưởng quốc tế Nobel về Thơ ?

— Theo rồi các báo văn học Pháp, thỉnh thoảng anh có đọc một vài bài thơ của ông, không thấy có gì là hay lắm. Trên trường ngoại giao, ông cũng không đóng vai trò quan trọng. Alexis Léger chỉ là một viên chức cao cấp trong Bộ Ngoại giao Pháp hồi Tiền chiến, không có thành tích gì rực rỡ trong giới chính-trị quốc-tế. Nếu kể về giá-trị của Thơ, thì Thi-sĩ Paul Claudel hoặc là Francis Jammes còn xứng đáng giải Nobel hơn là Saint John Perse.

— Mình Ơi !...

— Ơi.

— Mình kể hết tất cả những người được giải quốc-tế Nobel từ hồi xưa hồi xưa cho em nghe.

— Làm gì có giải Nobel từ hồi xưa hồi xưa ?

— Thế hả ? Vậy chứ giải-thưởng quốc tế này có từ hồi nào ?

— Ông Alfred Nobel là người Suède chết năm 1896, để lại trong chúc-thư tất cả gia tài đồ sộ của ông làm 5 giải thưởng

quốc tế. Mãi 5 năm sau, nghĩa là từ năm 1901, Hàn-lâm-viện mới bắt đầu tặng 5 giải Nobel về 5 bộ-môn Văn-hóa.

— 5 bộ môn gì, hả Minh ?

— 1) Vật lý học, 2) Hóa-học
3) Y - học, 4) Văn - chương,
5) Hòa bình thế giới.

— Mỗi năm Hàn - lâm - viện Suede tặng cả 5 giải thưởng lận sao ?

— Ừ.

— Giải thưởng của ông Alfred Nobel, do Hàn-lâm-viện Suede trao tặng, sao lại gọi là giải thưởng quốc tế ?

— Vì giải thưởng này để tặng những bậc nhân tài của nhân-loại, những danh nhân có công-tác ích-lợi cho cả thế giới, mỗi năm chỉ được 1 người trong một bộ môn. Vì vậy nên mỗi năm cả thế giới đều chú trọng đến 5 giải thưởng Nobel, và người nào được tặng giải Nobel tức là được một vinh dự lớn lao nhất, cao quý nhất, trên trường quốc-tế. Nói cho đúng, hầu hết những nhà bác học và nhà Văn, nhà Thơ trên thế giới đã được giải Nobel từ năm 1901 đến nay, đều rất xứng đáng

vinh dự ấy... Chỉ trừ một vài người...

— Mình kể hết những bậc nhân tài thế giới đã được giải Nobel từ năm 1901 đến nay, cho em nghe nhé. Mình kể từng năm, từng bộ môn riêng, và nói tên từng người, & nước nào, cho rõ ràng nhé.

— Mình hỏi chỉ kỹ-càng quá vậy ?

— Em muốn biết.

— Biết để chi vậy ?

— Biết để biết chứ chi ! Bộ mình không muốn nói cho em nghe phải không ? Mình muốn giữ bí-mật nhà nghề phải không ? Thôi em biết rồi, mình muốn kiểm chuyện với em rồi đó. Trưa nay, đừng có biểu em nấu chè đậu xanh, nghe hôn !

— Thì đây, anh kể cho nghe...

— Em không thèm nghe nữa đâu...

— Anh kể đây nhé...

— Thôi khỏi ! Em cảm ơn. Bà Tú giận dữ, quay mặt vào tường, không nghe.

Ông Tú tủm-tủm cười, nằm nói lẩm-bẩm một mình :

— Đây là những giải thưởng Nobel từ 1901 đến 1960 :

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y - học	Văn-chương	Hòa bình thế-giới
1901	Roentgen (Đức)	Van't Hoff (Hà-lan)	Von Behring (Đức)	Sully Prudhomme (Pháp)	Dunant (Suisse) Passy (Pháp)
1902	Lorentz (Hà-lan) Zemann (Hà-lan)	Fisher (Đức)	Ross (Anh)	Mommsen (Đức)	Ducommun (Suisse) Gobat (Suisse)
1903	Becquerel (Pháp) Ông và Bà Pierre Curie (Pháp)	Arrhenius (Suisse)	Finsen (Đan-mạch)	Biörnson (Norvège)	Cremer (Anh)
1904	Rayleigh (Anh)	Ramsay (Anh)	Pavlov (Nga)	Mistral (Pháp) Echegaray (Espagne)	Viện Tư-pháp quốc-tế & Gand, (Belgique)
1905	Lenard (Đức)	Baeyer (Đức)	Koch (Đức)	Sienkiewicz (Pologne)	de Süttner (Autriche)
1906	Thomson (Anh)	Moissan (Pháp)	Golgi (Italia) Ramon y Cajal (Espagne)	Carducci (Italia)	Roosevelt (Mỹ)
1907	Michelson (Mỹ)	Büchner (Đức)	Laveran (Pháp)	Kipling (Anh)	Moneta (Italia) Renault (Pháp)

Bà Tú bỗng quay mặt trở ra, đập cánh tay ông Tú :

— Mình nói to, chứ nói khẽ thế ai nghe được ?

Ông Tú tủm-tủm cười, nói lớn lên :

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa-bình thế-giới
1908	Lippmann (Pháp)	Rutherford (Anh)	Ehrlich (Đức) Metchnikoff (Nga)	Eucken (Đức)	Arnoldson (Đan- mạc) Bajer (Đan-mạc)
1909	Marconi (Italia) Braun F. (Đức)	Ortwald (Đức)	Kocher (Suede)	Lagerlöf (Suede)	Beer-naert (Belgique) Balluat de Constant (Pháp)
1910	Van der Waals (Holland)	Wallach (Đức)	Kossel (Đức)	Heyse (Đức)	Văn-phòng Quốc-tể Thường-trục Hòa- bình & Berne (Suisse)
1911	Wien (Đức)	Bà Marie Curie (Pháp)	Gullstrand (Suede)	Maeterlinck (Belgique)	Asser (Holland) Fried (Autriche)
1912	Dalen (Suede)	Grignard (Pháp) Sabatier (Pháp)	Carrel (Pháp)	Hauptmann (Đức)	— 0 —
1913	Onnes (Holland)	Werner (Đức)	Richet (Pháp)	Tagore (India)	Root (Mỹ) Lafontaine (Belgique)
1914	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —

THẾ GIỚI ĐẠI CHIẾN

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa-bình thế-giới
1915	Von Laue (Đức) Bragg (Anh)	Richards (Mỹ) Willstaetter (Đức)	Barany (Autriche)	— 0 — Rolland (Pháp) Von Heidenstam (Suede)	— 0 — — 0 —
1916	— 0 —	— 0 —	— 0 —	Gjellerup (Đan-mạc) Pontoppidan (Đan- mạc)	Hội Hồng-Thập-tự Quốc-tể & Genève. — 0 —
1917	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —
1918	Barkla (Anh)	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —
1919	Plank (Đức) Stark (Đức)	Haber (Pháp)	— 0 —	— 0 —	— 0 —
1920	Guillaume (Suisse)	— 0 —	Bordet (Belgique)	Spitteler (Suisse) Hamsun (Norvège)	Wilson (Mỹ) Bourgeois (Pháp)
1921	— 0 —	Nernst (Đức)	Krogh (Anh)	Anatole France (Pháp)	Branting (Suisse) Lange (Suisse)
1922	Einstein (Đức) Bohr (Đan-mạc)	Soddy (Anh) Aston (Anh)	— 0 — Hill (Anh) Meyerhoff (Đức) Banting (Canada)	Benavente (Espagne)	Nausen (Norvège)
1923	Millikan (Mỹ)	Pregl (Autriche)	MacIsod (Canada)	Yeats (Ireland)	— 0 —

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa - bình thế-giới
1924	— 0 —	— 0 —	Eintoven (Holland)	Reymont (Portugal)	— 0 —
1925	Siegbahn (Suède)	— 0 —	— 0 —	Bernard Shaw (Anh)	— 0 —
1926	Frank (Đức) Hertz (Đức) Perrin (Pháp)	Zsigmondy (Đức) Svedberg (Suède)	— 0 —	— 0 —	Chamberlain (Anh) Dawes (Mỹ) Briand (Pháp) Stressemann (Đức)
1927	Compton (Mỹ) Wilson (Anh)	— 0 —	Fibiger (Đan-mạc) Wagner-Jauregg (Autriche)	Deledda (Italia)	Buisson (Pháp) Luidde (Đức)
1928	— 0 —	Wieland (Đức) Windaus (Đức)	Nicolle (Pháp)	Bergson (Pháp) Undset (Norvige)	— 0 —
1929	Richardson (Anh) de Broglie (Pháp)	Harden (Anh) Von Euler Chelpin (Suède)	Eijkman (Holland) Hopkins (Anh)	Mann (Đức)	— 0 —
1930	Chandrasekhara — Venkata — Raman (India)	Fisher (Đức)	Landsteiner (Autriche)	Sinclair Lewis (Mỹ)	Skellogg (Mỹ) Soderblom (Suède)

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa - bình thế-giới
1931	— 0 —	Bosch (Đức) Bergius (Đức)	Warburg (Đức)	Karfeldt (Suède)	Miss Addams (Nhật) Butler (Mỹ)
1932	— 0 —	Langmuir (Mỹ)	Sherrington (Anh) Adrian (Anh)	Galsworthy (Anh)	— 0 —
1933	Heisenberg (Đức) Dirac (Anh) Schroedinger (Autriche)	— 0 —	Morgan (Mỹ) Minot (Mỹ) Murphy (Mỹ) Whipple (Mỹ)	Bounine (Nga)	— 0 —
1934	— 0 —	Urey (Mỹ)	Spemann (Đức)	Pirandello (Italia)	Angell (Anh) Henderson (Anh)
1935	Chadwick (Anh)	Ông và Bà Joliot- Curie (Pháp)	Dale (Anh) Loewy (Autriche)	— 0 —	— 0 —
1936	Hess (Autriche) Anderson (Mỹ)	Debye (Holland)	Szent - Gyorgi (Hungary)	O'Neill (Mỹ)	Ossietski (Đức) Saavedra Lamas (Argentine)
1937	Davisson (Mỹ) Thomson (Anh)	Haworth (Anh) Karrer (Suisse)	— 0 —	Martin-du-Gard (Pháp)	Lord B. Cecil (Anh)
1938	Fermi (Italia)	— 0 —	— 0 —	Pearl Buck (Mỹ)	Ủy Ban Nansen

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa-bình thế-giới
1939	Lawrence (Mỹ)	Kuhn (Đức) Butenandt (Đức) Ruzicka (Suisse)	Heymans (Belgique) Domagk (Đức)	Silanpää (Finland)	— 0 —
1940 1941 1942 1943	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —	— 0 —
THẾ-GIỚI ĐẠI-CHIẾN					
1944	Stern (Đức) Rabi (Mỹ)	Hevesy (Hungary)	Doisy (Mỹ) Dam (Đan-mạc) Erlanger (Mỹ) Gasser (Mỹ)	Jensen (Đan-mạc)	— 0 — Ủy Ban Quốc-tế Hồng-Thập-Tự. Cordell Hull (Mỹ)
1945	Pauli (Autriche)	Hahn (Đức) Virsanen (Finland)	Fleming (Anh) Chain (Anh) Florey (Anh)	Mistral (Chili)	
1946	Bridgman (Mỹ)	Sumner (Mỹ) Stanley (Mỹ) Northrop (Mỹ)	Muller (Mỹ)	Hesse (Suisse)	Green Balch (Mỹ) Mott (Mỹ)

Năm	Vật-lý-học	Hóa-học	Y-học	Văn-chương	Hòa-bình thế-giới
1947	Appleton (Anh)	Robinson (Anh)	Carl Cori và vợ là Gerty (Mỹ) Houssay (Mỹ)	André Gide (Pháp)	Friends Service Council (London) Friends Service Com- mittee of Philadel- phia
1948	Blackett (Anh)	Tiselius (Suede)	Müller (Suisse)	Eliot (Anh)	— 0 —
1949	Yukawa (Nhật)	Giauque (Mỹ)	Hess (Suisse) Moniz (Portugal)	Faulkner (Mỹ)	Boyd Orr (Anh)
1950	Powell (Anh)	Diels (Đức) Adler (Đức)	Kendall (Mỹ) Hench (Mỹ) Reichstein (Suisse)	Russell (Anh)	Bunche (Mỹ)
1951	Cockcroft (Anh) Walton (Ireland)	Mac Millan (Mỹ) Seaborg (Mỹ)	Theiler (Mỹ)	Lagerkvist (Suede)	Jouhaux (Pháp)
1952	Bloch (Mỹ) Purcell (Mỹ)	Martin (Anh) Synge (Anh)	Waksman (Mỹ)	François Mauriac (Pháp)	— 0 —

Từ năm 1953 đến nay, về các bộ môn vật-lý-học, hóa-học, y-học, Hòa bình thế giới, không nghe nói đến. Riêng về VĂN CHUÔNG, thì vẫn tiếp tục như sau :

1956 — Thi sĩ Juan Jimenez (Espagne)

1957 — Văn sĩ Albert Camus (Pháp)

1958 — Văn sĩ Boris Pasternak (Nga)

1959 — Thi sĩ Quasimodo (Italia)

1960 — Thi sĩ Saint John Perse (Pháp)

— Mấy chỗ — 0 — là không có, hử Minh ?

— Là năm đó không có ai được giải.

— Một giải thưởng Nobel được bao nhiêu tiền, hử Minh ?

— Được 225.986 couronnes (tiền của Suède), tức là 215.000 NF, bằng 21 triệu 500.000 francs cũ của Pháp.

— Ai trao số tiền đó cho người trúng thưởng, và trao cách nào ?

— Hàn-lâm-viện Suède chỉ định người được giải thưởng, nhưng người trao giải là vua nước Suède, hiện nay là vua Gustav VI Adolf, trong một buổi lễ long trọng tại Âm-nhạc viện ở Thủ-đô Stockholm. Theo

thông lệ, lễ trao giải quốc tế Nobel được tổ chức hằng năm, đúng vào ngày 10 tháng 12, để kỷ niệm ngày chết của Alfred Nobel là người treo giải. Những giải tặng chúng cho hai, hoặc ba người, thì mấy người đó chia với nhau. Thí dụ như giải thưởng y-học năm 1945 cho Fleming, người đã phát minh ra thuốc penicilline, thì chia chung cho hai người khác là Chain và Florey là hai người cũng có công trong việc phát minh thứ thuốc quan trọng ấy.

— Em để ý thấy hầu hết những người được thưởng giải Nobel là Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Nga, Suède, Italie, Holland..., toàn người Âu Mỹ. Còn ở Á Đông thì chỉ có Nhật và India.

— Năm ngoái có hai thanh niên Trung-Hoa cũng được giải Nobel về vật lý học.

— Bao giờ Việt-Nam mình tranh được một giải Nobel với Quốc-tế nhỉ? Việt-nam mình cũng có những ông tiến sĩ khoa-học và kỹ sư hóa học đi du học ở ngoại quốc về chế được... thuốc đánh răng đó... cũng tài giỏi lắm đấy chứ !

— Biết đâu 5, 10 năm nữa,

về khoa học cũng như văn-chương, sẽ có người Việt-nam tranh được giải Nobel, như Rabindanath Tagore và Yukawa... Đành rằng có những kẻ chỉ lo làm thuốc đánh răng và những kẻ chỉ ngồi làm thơ con cóc, nhưng biết đâu năm mười năm nữa sẽ có nhà bác học lừng danh hay là nhà thi hào vĩ đại làm nổi tiếng nước Việt-nam với sự tranh đoạt một giải Nobel. Ta phải nhìn về tương lai, và tin tưởng nơi tài năng và trí thông minh của nòi giống Việt, chớ không nên tự-ty mặc-cảm... Cũng như em, lúc em mới từ già trường Gia-long về ở với

anh, em nấu chè đậu xanh khét nghẹt và sống nhăng, nuốt không trôi, mà bây giờ em nấu đậu xanh ngon sớ dách l...

— Mình muốn ăn chè đậu xanh thì bảo em nấu chớ đừng có nịnh, vô-duyên lắm !

— Ừ, đi nấu đi, và luộc cho anh ba cái hạt vịt lộn nữa nhé !

Bà Tú ngoan ngoan « dạ » một tiếng dài thòng, và đánh yêu vào mông ông Tú một cái « bốp ! ».

Diệu Huyền



★ MỜI ĂN CƠM

— Mời anh chiều mai, thứ Bảy, đến dùng cơm với vợ chồng tôi cho vui.

— Chiều một, chủ nhật, thì có lẽ tiện hơn.

— Vàng, chiều một cũng được. Chiều mai anh bận hả ?

— Vàng, tôi vừa gặp vợ anh mời tôi đến dùng cơm chiều mai. Tôi đã nhận lời rồi. Bây giờ anh mời nữa, thì tôi xin hẹn đến chiều một vậy.

NGHỆ THUẬT

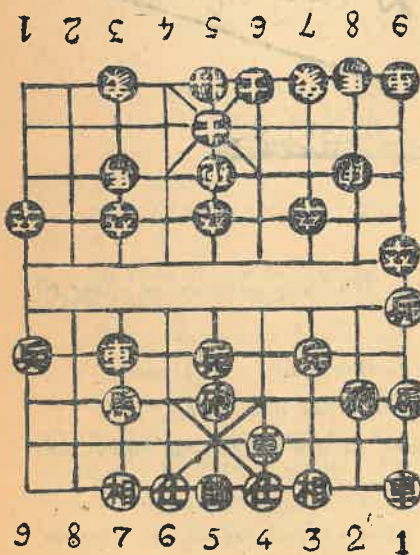
CỜ TƯỚNG

* QUỐC-CHÁNH

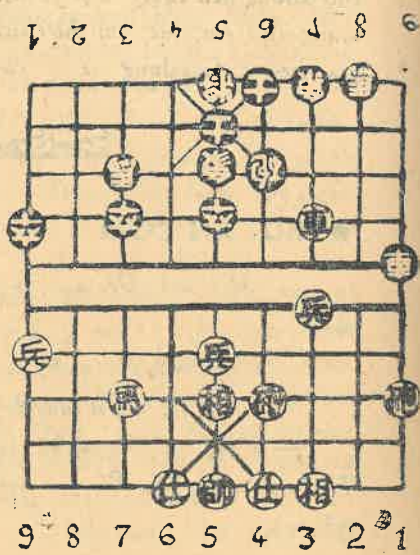
THUẬN - PHÁO CUỘC

Tên ván cờ = Thuận-Pháo Hoàn-hạ Đối Trực-xa
 Tên đấu thủ = Thái-văn-Hiệp (tiên) Lý-chí-Hải (hậu)
 Nơi đấu = Sân vận-động Tinh-vô — Cholon —
 ngày 17 tháng 6 năm 1959.

(HÌNH I)



(HÌNH II)



(TIÊN)

Pháo	2	bình	5
Ngựa	2	tấn	3
Xe	1	bình	2
Xe	2	tấn	6
Xe	2	bình	3
Sĩ	4	tấn	5
Chốt	9	tấn	1
Pháo	8	tấn	2
Pháo	8	bình	7
Chốt	9	tấn	1
Pháo	7	bình	9
Pháo	9	tấn	3
Ngựa	8	tấn	9
Pháo	5	bình	6
Tượng	3	tấn	5
Xe	9	bình	8
Ngựa	9	thối	8
Xe	3	thối	2
Xe	3	bình	9
Tướng	5	bình	4
Chốt	3	tấn	1
Pháo	6	bình	7
Ngựa	9	tấn	8
Chốt	3	tấn	1
Chốt	3	tấn	1
Xe	9	bình	8
Chốt	3	bình	4
Ngựa	9	tấn	7
Xe	8	bình	4
Ngựa	3	tấn	4
Ngựa	7	tấn	6
Chốt	4	bình	5
Chốt	5	tấn	1

(1) (Hình I)

(2)

(Hình II)

(5)

(HẬU)

Pháo	8	bình	5
Ngựa	8	tấn	7
Xe	9	tấn	1
Xe	9	bình	4
Chốt	1	tấn	1
Ngựa	2	tấn	1
Pháo	2	bình	3
Xe	4	tấn	4
Pháo	3	bình	4
Chốt	3	tấn	1
Xe	1	bình	2
Pháo	5	bình	1
Xe	4	bình	1
Tượng	7	tấn	5
Xe	1	thối	1
Xe	2	tấn	9
Xe	1	tấn	2
Xe	1	bình	3
Pháo	1	bình	3
Sĩ	4	tấn	5
Xe	3	bình	4
Pháo	3	bình	2
Pháo	2	tấn	6
Xe	4	thối	2
Ngựa	7	thối	8
Pháo	2	bình	1
Ngựa	8	tấn	6
Xe	4	bình	6
Xe	6	tấn	1
Pháo	1	thối	5
Pháo	4	tấn	1
Pháo	1	bình	5
Pháo	4	bình	2

(3)

(4)

(6)

Pháo	7	bình	9
Pháo	9	tấn	7
Pháo	9	thối	6
Chốt	5	tấn	1
Chốt	5	tấn	1
Ngựa	4	tấn	6
Pháo	9	bình	5
Ngựa	6	tấn	7
Ngựa	7	thối	9
Chốt	5	bình	6
Ngựa	9	thối	7
Pháo	5	bình	8
Pháo	8	tấn	6
Ngựa	7	tấn	9
Ngựa	9	tấn	7
Pháo	8	thối	6
Ngựa	7	thối	8

Pháo	5	bình	4
Si	5	thối	4
Ngựa	6	tấn	8
Pháo	2	tấn	1
Pháo	2	bình	4
Pháo	4	bình	1
Si	4	tấn	5
Pháo	1	thối	1
Tướng	5	bình	4
Ngựa	8	tấn	6
Ngựa	6	tấn	8
Pháo	1	tấn	4
Tướng	3	tấn	1
Ngựa	8	tấn	9
Tướng	4	bình	5
Pháo	1	thối	1
Tướng	3	tấn	1

HÒA

Lời bàn.—

1) Mới tới nước thứ 7 mà ông HIỆP đã muốn trở miếng để đánh ông HẢI.

Đến nước này nếu ông HẢI đi nước « Chốt 1 tấn 1 » ăn chốt, ông HIỆP sẽ đi nước « Xe 9 tấn 4 » ăn chốt, và ông HẢI đi tiếp nước « Pháo 2 tấn 7 » ăn ngựa sẽ bị ông HIỆP đi tiếp nước « Xe 3 tấn 1 » ăn ngựa ; như thế phần thắng lợi của ván Cờ sẽ nghiêng về bên ông HIỆP ; Vì ta thấy nhơn cơ hội này ông HIỆP sẽ lợi dụng đường giữa (đường 5) của đối thủ đang cô-thể mà mở cuộc tấn công, trong lúc ấy những quân cờ chánh yếu của ông HẢI như : XE, PHÁO, NGŨA đều bị kẹt, trái lại 2 XE của ông HIỆP đều có mặt tại chiến-trường cả.

Vì thế mà ông HẢI đi nước « Pháo 2 bình 3 » là muốn dọn đường cho con XE 1 vậy.

2) Ông HIỆP đi nước cờ « Pháo 8 bình 7 » thì chẳng có gì là xuất-sắc cả, nhưng ta phải khen ông ấy từ nước « Pháo 8 tấn 2 », đi nước cờ Pháo 8 tấn 2 là làm một công mà 2 việc, vì mục đích của ông HIỆP tuần hà con Pháo 8 là để đàn áp con Ngựa 7 của đối-thủ, đến lúc bị đối thủ chặn lối đi của mình thì ông HIỆP vừa chạy

và vừa đánh theo một đòn nữa là Pháo 8 bình 7 để làm cho đối thủ phải mất thêm một nước chạy Pháo nữa.

3) Đến đây ông HẢI đi nước « Pháo 1 bình 3 » là đã bỏ qua một dịp may hiếm có. Nếu ông HẢI không đi nước Pháo 1 bình 3, mà đi nước « Pháo 4 bình 3 » thì hay biết chừng nào và có thể thắng được ván cờ là khác.

Nếu ông HẢI đi được nước cờ « Pháo 4 bình 3 » sẽ tạo được những nước cờ về sau như dưới đây :

A (TIỀN)

Tướng	5	bình	4
Chốt	3	tấn	1

(HẬU)

Pháo	4	bình	3
Pháo	3	thối	1
Ngựa	7	tấn	6

Tuy đi nước cờ Ngựa 7 tấn 6 nguội lạnh như thế cũng đã làm cho bên đi tiên khó đi rồi. Ta thử xem kỹ bàn cờ lúc này bên đi tiên không có lối đi, lại nữa con Chốt đầu (Chốt 5) đang bị hãm dọa. Đến đây nếu ông HIỆP đề cho bên hậu thí Ngựa và lờ Chốt đầu, thử hỏi con Chốt biên (Chốt 1) lấy gì để giữ, như thế bên ông LÝ CHÍ-HẢI hơn 2 Chốt thì bên đi tiên có thể đỡ HÒA được không ?

B (TIỀN)

Pháo	6	bình	7
Tướng	5	bình	4
Pháo	7	bình	6

(HẬU)

Pháo	4	bình	3
Pháo	1	bình	2
Pháo	2	tấn	6
Xe	3	tấn	3

Theo những nước cờ ghi trên, ta thấy thắng lợi đã nghiêng hẳn về bên ông HẢI.

Tóm tắt, đến nước cờ này thay vì đi nước Pháo 1 bình 3 ông HẢI đi nước Pháo 4 bình 3 thì ông HẢI đã nắm vững tình thế của bàn cờ, không thể « HÒA DƯỚI OM » như ông đã đi.

4) Đi nước cờ này (Pháo 2 tấn 6) không biết ông HẢI có dụng ý gì không.

Riêng tôi nghĩ, ông HẢI đi nước cờ ấy chẳng những không ích lợi gì mà lại còn bị kẹt về sau, không đường về.

5) Nước cờ này ông HIỆP đi « Pháo 7 bình 8 » thì hay hơn, vì đi như thế mình có nước hãm đánh địch thủ liền.

6) Ông HẢI đi nước « Pháo 1 thối 5 » vừa bắt Chốt 4 của ông HIỆP mà vừa hãm đi nước bình 3 để bắt chết một quân cờ.

Sách báo mới

★ **Dấu Việt.** Giai phẩm chào mừng ngày Quốc-Khánh 26 tháng 10, chủ trương biên tập : NGUYỄN-THANH. Bài hay, in đẹp.

★ **Bích câu kỳ ngộ—Đào duy-Từ—Một cuốn phim—Lưới tình.** 4 quyển, loại sách bình-dân, của TRUNG-TÂM NGHIÊN-CỨU VIỆT-NAM, ban xuất-bản Bình-dân, 173, Hiền-Vương, Sài-gon. Loại sách có giá-trị — Khỏ nhỏ, in đẹp, giá 3\$ một quyển.

● **Chỉ-Dẫn Thủy-lâm,** do Nha Quốc-gia Thủy-lâm Bộ canh-nông, xuất-bản. Giám-đốc : ông Trần-niên-Mậu.

● **Giảng-văn lớp Đệ tứ,** của ô. Bằng Bá Lân, giáo-sư Văn-chương, Bạn trẻ xuất-bản. Soạn rất công-phu. Giảng giải thật rõ-ràng và theo phương pháp sư-phạm.

Bản đặc-biệt do soạn-giả gửi tặng.

● **Lá Thư Vàng,** tập thơ mỏng của Lê văn Tất, Châu-đốc, giá 10\$.

● **Văn Hóa Nguyệt-san.** Số 55, tháng 10 - 1960.

Nhiều bài khảo-cứu có giá-trị của Nguyễn thành Cung, Tân Việt Điều, Nguyễn-Triệu, Đinh-Hùng v. v..

● **Văn Hóa Á-Châu.** tập III — loại mới số 7 — Những bài khảo-cứu đặc-sắc của Nguyễn-đăng-Thục, Đoàn-văn-An v. v..

● **ĐẤT VIỆT TRỜI NAM** của THÁI-VĂN-KIỆM

Phó Giám-đốc nha văn-hóa, bộ Quốc-gia Giáo-dục
608 trang và 47 bức ảnh, do « Nguồn Sống » xuất bản.

Quyển sách này gồm một số biên khảo về các vấn đề văn chương, khoa học, mỹ thuật, sử ký, địa lý, kinh tế, ngoại giao, phong tục, du lịch v.v...

Quyển sách này cũng có nhắc lại những cuộc bang giao lịch sử giữa Việt-Nam và Tây-phương, Anh-Mỹ, Thái-lan, Miến-điện, v.v... đồng thời cũng có ghi lại công nghiệp hiên hách của các bậc anh hùng liệt nữ đã tranh đấu cho công cuộc giải phóng dân tộc, từ một thế kỷ nay. Một quyển sách tra-cứu, có thể giúp ích rất nhiều cho sự hiểu biết nước Việt-Nam.



★ Bài thơ của cô Trợ giáo NGUYỄN THỊ DU

(của ô. Trần gia Thoại, — 34 Hùng Vương — Đà-nẵng)

Phở-Thông số 46 ra ngày 15-11-60 trong mục Văn thi sĩ Tiền chiến, Ông có đề cập đến bài thơ của Bà Nguyễn thị-Du, mà lâu ngày ông chỉ còn nhớ 4 câu. Nay tôi kính sao gửi đến Ông nguyên văn đầy đủ bài thơ ấy để đọc-giã đọc cho vui:

Riêng mình tựa áng nghĩ rồi lo,
Tâm sự nào ai xúng chuyện trò.
Vương-vấn tình nhà lòng chỉ rối,
Phất-phơ hồn nước dạ tơ vò.
Công ơn chín chữ lưng trời oại,
Duyên nợ ba-sinh đáy biển dò.
Ngao-ngán nỗi tình thêm nỗi cảnh,
Bề sâu bao thuở lấp bằng cho.

NGUYỄN - THỊ - DU

★ Tôn giáo và Khoa học

(của Bà Ngọc Dung — Phú Nhuận)

... Trong P.T. số 45, mục « Đáp bạn bốn phương » nơi câu cô trả lời ông Đặng Đông Thế Giadinh về vấn đề tôn-giáo, tôi xin phép được góp ý kiến thêm:

Cô nói đúng. « Vấn đề Tôn giáo rất là phức tạp, không thể giảng giải bằng khoa-học được ». Chánh nhà triết-học Pháp Edouard Le Roy có nói : « On ne démontre pas Dieu, on l'expérimente, on le vit » và trong ĐẠO ĐỨC KINH của Lão-Tử cũng có câu : « Đạo khả đạo, phi thường Đạo, Danh khả danh, phi thường Danh ». Tôn-giáo là một cái gì siêu thực và đã là siêu thực như Chúa, linh hồn, thuyết luân hồi v.v.. thì không thể chứng minh bằng phương pháp khoa-học được, dầu khoa-học có tiến bộ đến mức nào đi nữa.

Nhân tiện, tôi xin kể cô nghe chơi một chuyện vui cười đăng trong báo *Selection*, cách đây đã lâu rồi :

Tại một trường Đại-học khoa học nọ, trước giờ học, một đám sinh viên tụ hợp lại trước cổng trường và bàn cãi rất sôi nổi về vấn đề Tôn-giáo. Cuộc tranh luận đang đến mức gay gắt thì bỗng đứng một ông Cổ-đạo lù lù bước tới. Ý chừng ông này nghe rõ đầu đuôi tự sự cho nên ông dừng chân đứng lại nghe ngóng. Tới chừng các cậu sinh viên nín bật, vị linh mục vỗ vai một cậu sinh viên và vừa cười vừa nói : « *Nè con ơi ! Con đừng hòng đem ra chứng minh sự hiện hữu của Chúa một cách khoa học được đâu !* » Mấy cậu sinh viên cũng chẳng vừa chi. Họ nhìn nhau cười chúm chím và như có ý bảo thăm cho nhau biết là họ phải trả miếng chó không chịu thua. Thế là một cậu sinh viên trong đám mạnh dạn tiến tới trước mặt vị linh mục và đồng dục nói : « *Thưa cha ! cha cũng đừng hòng đem ra chứng minh sự hiện hữu của nguyên tử một cách thần học được đâu !* » Tôi nhớ mang máng 2 câu chữ Pháp như vậy : « *Mon pauvre enfant ! n'essayez pas de démontrer scientifiquement l'existence de Dieu* » và : « *Mon père ! n'essayez pas, vous aussi, de démontrer théologiquement l'existence de l'atome* ».

* Lịch-sử và Triết lý của hôn-nhân

(của ông Thía-Nhân, chiến-sĩ Công-giáo Tiến-hành, Phanhiết)

... Trong mục « **MÌNH OI** » của cô Diệu-Huyền, tôi đã được biết nhiều điều hay và có lẽ là mục được ham đọc nhiều nhất. Thế mà trong mục ấy ở số tạp-chí 42, ra ngày 15-9-1960 : **Hôn nhân xét về lịch sử và triết lý**, tôi thấy mấy điểm sau này không triết-lý và không lịch-sử :

1) ở trang 100, cô Diệu-Huyền viết : « . . . Trước đó, loài người còn ăn lông ở lỗ, lấy bậy lấy bạ, chưa biết vợ chồng, cha mẹ . . . »

Xét về Tâm-lý, con người, mặc dầu là trong thời man rợ, không thể có cảnh nam nữ chung chạ hỗn-độn như loài vật. Vì từ khi có con người thì đã có lý trí và ý chí : biết phải trái, biết liêm sỉ, dầu là ở trình độ rất thô sơ. Bởi đó nam nữ không thể cấu hợp bừa bãi như loài vật, trái với bản tính con người.

Xét về lịch sử, không bao giờ và ở đâu, người ta đã tìm thấy vết tích của sự chung chạ nam nữ. Chính nhà nhân chủng học thời danh LOWIE đã tuyên bố : « Không ở đâu là có cảnh nam nữ chung chạ hỗn độn. Cũng không có gì để minh chứng trạng huống đó đã có vào hồi sơ thủy của nhân loại. Chính dân Esquimaux và dân Pygmées là dân còn giữ những tính cách của giống người sơ thủy, thì họ cũng có gia đình một vợ một chồng. Tư-Tưởng và lý thuyết mà cô Diệu-Huyền viết trên kia là theo thuyết TIẾN HÓA của MORGAN, KARL MARX, nhưng những lý thuyết ấy ngày nay đã bị khoa học bỏ rơi rồi.

● **Đáp** : Đây không thể nói đến vấn đề tâm-lý. Cứ theo lịch-sử nhân-loại, căn-cứ trên những khám phá của khoa học mà không ai chối cãi được, thì loài người chỉ xuất-hiện trên quả Đất từ cuối kỷ-tăng thứ ba (période tertiaire), đầu kỷ-tăng thứ tư (Chelles, Saint-Acheul, Le Moustier, Néanderthal, v.v...) là thời kỳ mà loài người hoàn-toàn còn ăn lông ở lỗ. Mãi đến thời-kỳ biết dùng đá, dùng đồng, dùng sắt (giống người Grimaldi, Cromagnon, Chancelade, v.v...) loài người mới biết mặc áo lông thú để che thân-thề.

Còn việc trai gái lấy bậy-bạ, chưa có chế độ hôn nhân, thì ngay trong Thánh-kinh, chuyện hai cô con gái lớn của Loth ngủ với cha, sau khi trốn khỏi thành Sodome và Gomorrhe bị đốt cháy (Genèse 19) chứng tỏ rằng 19 thế-kỷ trước J. C, loài người chưa có quan niệm luân-lý như ngày nay.

2) Ở trang 101 : Cô Diệu Huyền : « Theo Thánh-kinh, lấy chồng lấy vợ là một sự bắt buộc, chính thánh SAINT PAUL cũng dạy bảo các người quâ-phụ phải tái giá : *Remedium amoris*. Dĩ nhiên là đàn ông con trai cũng như đàn bà con gái không ai được ở độc thân ».

Viết như vậy là phản Kinh-thánh và tỏ ra cô Diệu-Huyền một xem có chút ít Kinh thánh. Vì nếu cô đọc kỹ SAINT PAUL *Epîtres aux Corinthiens I*, đoạn VII, câu 25 34, Saint Paul đã nói đến bậc đồng trinh và khuyên một ít phụ nữ ở độc thân để lo việc Chúa, nếu có thể được.

● **Đáp:** Các vị Nam-Nữ Tu sĩ, cũng như bên Đạo Phật các vị Sư, là theo một trường hợp đặc biệt không thể áp-dụng thông lệ được. Trong lịch-sử Gia-tô-giáo, có Hội-nghị Trente (Concile de Trente), phiên nhóm thứ XXIV (Tháng 7 năm 1562) có quyết-định rõ-ràng về việc hôn-nhân các tín đồ phải được bắt buộc và phải theo quy chế Nhà Thờ.

3). Ở trang 104, cô Diệu-Huyền viết : « ở Scotland (Bắc Anh) và nhiều nước của Liên-bang Huê-kỳ, dù là người có theo đạo GIATÔ, họ cũng hoàn toàn tự do không cần có linh mục làm phép cưới cho họ ».

Viết như vậy là cô Diệu Huyền không hiểu rõ vấn đề hôn nhân Công giáo. Hôn nhân nói chung, là một khế ước của đôi bên nam nữ đồng tự do ưng thuận giao phó cho nhau để chung sống thành lập gia-đình. Để bảo đảm cho khế-ước đó, Quốc gia được can thiệp vào : đó là hình thức hôn nhân thế tục.

— Riêng về Công giáo, khế ước hôn nhân tự nhiên ấy đã được Chúa KYTÔ thánh hóa bằng nhiệm tích thánh (Sacrement). Bởi vậy, đối với người Công giáo, hôn nhân theo khế ước tự nhiên, không tách biệt khỏi hôn nhân theo nhiệm tích được.

Bởi vậy theo Giáo lý Công giáo, buộc người Giáo hữu (Nghĩa là người đã chịu phép Thánh tẩy) phải làm hôn nhân trước vị Linh mục, đại diện cho Giáo-hội thì hôn nhân ấy mới hữu hiệu.

● **Đáp :** Những điều ông nói đó rất đúng, đối với những Nước và những người có đạo Gia-tô mà theo hệ-thống Tòa-thánh Roma. Còn ở nhiều nước khác và nhiều dân-tộc khác, tuy cũng theo đạo Gia-tô, nhưng có quy-chế sinh-hoạt riêng, như chúng tôi đã nói trong bài của chúng tôi, thì lại khác hẳn (Xin xem quyển « *Mariage — Législation Comparée* ». Ông nên hỏi các vị Linh-Mục đã đỗ Tiến sĩ về Tôn-giáo để các vị ấy chỉ rõ về các quy-chế hôn-nhân và công-giáo cách-biệt nhau thế nào ở các xứ như Đức, Suisse, Portugal, Belgique, Républiques Sud - Américaines, Scotland và nhiều nước của Liên-bang Mỹ — Ở các nơi này, hôn nhân dân - sự (mariage civil) có đủ quyền-lực và giá-trị đối với Pháp-luật.

★ **Cấp-bằng của ô. Hoàng-xuân-Hãn.**

(của « Một bạn đọc thường xuyên của tạp-chí Phò-Thông » Saigon)

... Tôi có đọc bài « Văn, Thi sĩ tiền chiến » của ông đăng trong Phò Thông số 44 trong đó ông có đề-cập đến ông HOÀNG-XUÂN-HÃN nhưng tiếc một điều ông không rõ ông Hãn đã đỗ cấp bằng gì. Để ông làm tài-liệu sau này tôi trân trọng cho ông biographie về ông Hãn theo quyển « *Notabilités d'Indochine* » của Toàn-Quyền Đông-Dương xuất bản về hồi tiền chiến và theo đó thì ông Hãn đã đỗ thạc-sĩ toán pháp (agrégé de mathématiques) :

« Hoàng-Xuân-Hãn a fait ses études en France.

« Elève de l'Ecole Polytechnique de 1930 à 1932, de

« l'Ecole nationale des Ponts et Chaussées de 1932 à

« 1934, de l'Ecole Normale Supérieure (section de

« préparation à l'agrégation) de 1935 à 1936.

Agrégé de mathématiques.

Ngoài ra, nếu ông tiếp tục viết những bài văn, thi-sĩ tiền chiến, tưởng ông cũng nên nói qua những văn-sĩ tên tuổi trong Nam mà phần nhiều độc giả của quý tạp chí chưa được biết, như các ông Nguyễn-phan - Long (Echo Annamite) Bùi-quang-Chiêu (Tribune indigène) Nguyễn-phú-Khai (Tribune Indigène) Trương-duy-Toàn (Trung lập báo) Lương-khắc-Ninh tức Bàu Ninh hay Hội Đồng Ninh (Nông cô Mìn Đàm) Hoàng-nhữ-Nam (Indochine nouvelle) v v... tưởng không phải là vô ích vậy.

● **Rất tiếc, chúng tôi không được biết nhiều về mấy bậc tiền-bối ở Nam-Việt. Nếu ông có tài-liệu giúp chúng tôi, chúng tôi rất cảm ơn.**

★ **Hoan nghênh Bộ Giáo Dục**

(của một nhóm Giáo sư Trung học — Saigon)

... Chúng tôi xin nhiệt liệt hoan-nghênh quyết định của ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục sắp triệu tập một Ủy-ban các giáo-sư Đại-học Trung-học và các nhà Học-giả chân chính để tra cứu lại, và đính chính những sai lầm trong các sách Việt văn hiện hữu, theo lời kêu gọi của Tạp chí Phò-Thông. Chúng tôi rất hy vọng đừng còn tình thế « văn hóa hỗn độn » như hiện nay... không những khổ tâm cho giáo sư mà còn tội cho các em học sinh nữa...

* Thân ái gửi DIỆU-HUYỀN

(của Mỹ-Trần và Cầm-Lệ, nữ sinh Nguyễn-văn-Khuê)

Mừng Phó-Thông hai tuổi,
Xin hỏi chị Diệu-Huyền,
Năm nay chị mấy tuổi,
Mà sao chị lảm duyên?
Họ đều có đúng không,
Rằng chị là... là... ông...
Hay là chàng Thi-sĩ
Với chị là vợ chồng?
Dẫu sao chúng em cũng
Chúc chị sống đời đời,
Để chúng em đọc mãi
Đọc mãi chuyện... * Minh ơi!

* Chị không đăng bài thơ này thì chúng em mệt với ông Tú đấy nhé. Thân ái chào chị nhé ».

* Một vật sáng trên trời

(của bạn Thái-mộc-Chiêu, 45/232 Lê-quang-Định, Gia-định)

...Vào lúc 20g15 ngày 13-11-1960, từ chân trời hướng tây, có một VẬT SÁNG (sáng gần bằng Sao Hôm) đi vòng theo bầu trời qua đỉnh đầu và khuất ở chân trời hướng Đông lúc 20g20.

Trong lúc di chuyển, tốc độ vật này rất đều, ánh sáng luôn luôn le lói, không hề thay đổi.

Em đã từng thấy và biết nguyên do của sao xẹt, các đèn trời của người Cambodge thả trong các cuộc lễ lớn, đèn của phi cơ, nhưng ở đây, vật sáng không giống như các trường hợp vừa kể trên. Một đèn nhân tạo, dù điện lượng có lớn đến đâu, khi lên cao như thế, khó mà le lói được.

Thưa chị, như thế là vật gì, trường hợp có thường xảy ra không?

Cha mẹ và các người láng giềng của em đều có một nhận xét như trên.

Vậy thân ái mong chị vui lòng giải đáp cho.

● **Đáp :** Chúng tôi cũng không thể biết được là vật gì. Xin các nhà Bác-học chỉ giáo cho.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU-HUYỀN

* Ô. Bùi-văn-Lầu, Nguyễn-Huệ, Saigon.

● Vâng, trong câu *J'en ai, en* là complément partitif de *ai*.
En là tiếng partitif.

● EN, *expletif* trong một vài thành-ngữ:

— il *en* est de l'un comme de l'autre.

— où *en* êtes-vous? — *En* vouloir à qqn

— N'*en* pouvoir plus, — Il s'*en* faut de beau-coup.

— C'*en* est fait. Il est des cas où l'on doit *en* faire entendre plus qu'on *en* dit (Voltaire).

● EN, pron pers, 3^e personne : de lui, d'elle, d'eux, d'elles, de cela, de ces choses-là : Le succès *en* est douteux. Nourri dans le sérail, j'*en* connais les détours (Racine)

À cause de cela : j'*en* suis désolé,

* Ô. Phan-văn-Bộ, Chánh Lục-Sự, Cần-Thơ.

Địa-chỉ của cụ Ung-Bình Thúc-gia Thị = 45 Trần - Hưng-Đạo, Huế.

* Ô. Mai Huy, Phan chu Trinh, Huế.

Chúng tôi luôn luôn tôn-trọng tự-do tín-ngưỡng của mỗi người. Tuy-nhiên, chúng ta cũng nên thành-thật *nhận-xét* (dù chỉ là nhận xét

thời) rằng đa số các người Âu-Mỹ (theo Đạo Gia-tô hay không), vẫn tin theo dị-doan về con số 13.

Đứng về khách-quan mà xét, theo quan-điểm khoa-học, thì tôn-giáo nào cũng có phần chân-lý và cũng có phần mê tín. Chúng tôi muốn tránh sự tranh-luận về tôn-giáo nên không muốn bàn rộng. Đa số bạn thân của chúng tôi ở Saigon, người Việt-Nam và người ngoại quốc, theo đạo Gia-tô, và bạn trí thức, mỗi khi mời tiệc hay dự tiệc chẳng hạn, vẫn tránh con số 13! Họ vẫn công nhận rằng đó là một dị-doan, nhưng cũng gần như là một thông lệ chung mà không ai chỉ trích hay bình phẩm làm gì. Chúng ta không nên quan-trọng-hóa một tục-lệ vô hại rất thông thường, từ xưa đến nay ở nhiều nơi trên quả đất, dù là của đạo Gia-tô, hay một đạo khác.

✧ Cô Trương thu Thủy — Bạc Liêu

- Chúng tôi không được biết ông Hà-Mai-Anh.
- Cô Bình Minh sẽ tiếp tục mục xã giao một ngày gần đây.
- Tình thế không cho phép Diệu-Huyền làm thơ Lên Ruột nữa.

✧ Ô Ng Công Cứng — hiệu sách Nhựt Tân gần Tòa thánh Cao-đài — Tây Ninh

Tao-dàn Phở-Thông hân hạnh tiếp đón tất cả các bạn yêu thơ, làm thơ, họa thơ. Xin ông và các bạn của ông cứ gởi thi phẩm đến.

✧ Ô Đoàn văn An — KBC 3885

Về bệnh nám phổi, ông nên hỏi thẳng bác sĩ.

✧ Bạn Phạm hồng Thái — HUẾ

Trang sách cũ bạn hỏi đó là rút trong quyển sách dạy Pháp văn *Le Français*, của Bouillot, Cours supérieur. Livre du Maître.

✧ Ô. Ng văn Hiền — K.B.C. 4305

Đoạn văn của Cresson viết về triết lý của Saint Augustin mà ông hỏi : « Que penser de ces « Immortels » dont les uns pratiquent la pédérastie, dont les autres se livrent aux débauches de l'adultère soit sans sortir de l'Olympe, soit en courant après les femmes, comme le fait à chaque instant Jupiter, soit en se prostituant à la manière de Vénus ».

(Chúng ta nên nghĩ thế nào về những vị « Thần » có thói xấu đồng tính gian - dâm, hoặc thông - dâm truy-lạc, ở ngay nơi Thần linh Olympa, hoặc chạy theo các mỹ-nữ, cũng như Thần Jupiter, hoặc mãi dâm theo kiểu Nữ thần Venus ». Đoạn văn này viết theo các *Diễn tích* dâm-ô của Thần JUPITER là vị Thần chính của Thần-thoại La-Mã. — tức là ZEUS trong thần-thoại Hy-Lạp, chúa tể của Trời-Đất và muôn loài :

— Jupiter giả hình chàng Amphitrion để quyến rũ vợ chàng, là nàng ALCMÈNE, cho nàng có thai, sanh ra Hercule.

— Jupiter thấy nàng ANTIOPE đẹp quá, chờ lúc nàng ngủ say đến hiếp dâm.

— Jupiter cũng là tình nhân của nàng CALLISTO, vợ của Artémis.

— Jupiter lên vô tháp của nàng DANAÉ, tư-tình với nàng, cho nàng có thai, sanh ra Persée.

— Jupiter bắt cóc nàng EUROPE trên bờ biển Phénicie, — Jupiter lại yêu cả chàng thanh niên GANYMÈDE, Hoàng tử thành Troie. Jupiter yêu công-chúa IO, lấy nàng, sau sanh ra Epaphos. Jupiter lấy Nữ-thần JUNON, Jupiter yêu LÉDA, vợ của vua Tyndare, v.v... và v.v...

● Câu latin *Homerus tanquam dormitat* = thi-hào Homère có khi ngủ (ngụ ý nói khi Homère bị mù mắt).

✧ Bạn Đỗ văn Nai, Phan-chu-Trình, Tamkỳ.

Alexandre Graham Bell, người đã phát-mình ra máy điện-thoại, là một nhà vật-lý-học Mỹ, sinh tại Edimbourg năm 1847, chết tại Halifax năm 1922. Học trường Đại học Wurzboung ở Đức, đỗ Tiến-sĩ Triết-học, về Mỹ, chuyên về Khoa-học, Giáo-sư các trường Đick-Câm. Lấy vợ là một cô nữ-sinh đick câm. Rồi chính trong lúc nghĩ chế ra một cái máy để nói cho vợ nghe được, mà phát minh ra máy điện thoại năm 1876. Nhưng bị Elisha Gray kiện ra tòa án tối cao Mỹ năm 1888, xin tòa hủy bỏ cái bằng cấp phát minh của ông vì Gray đưa ra bằng chứng tỏ rằng anh đã chế ra máy điện thoại trước Graham Bell. Tuy vậy ai cũng công nhận rằng Graham Bell đã tự chế tạo ra máy điện - thoại, khác với kiểu mẫu của Gray.

Elisha Gray : thợ máy Mỹ, sinh tại Barnesville năm 1835, chết tại Newtonville năm 1901. Anh tự học, và đã chế ra máy điện thoại năm 1874.

✱ Bọn Hoàng ngọc Tích — HUẾ.

Con chim bồ câu trắng (colombe) tượng trưng cho Hòa-bình, là theo một điển tích lịch sử trong Thánh kinh Gia-tô-giáo. Thời kỳ quả Đất bị lụt Đại-hồng-thủy (Déluge) trong 150 ngày, chiếc thuyền của Noé tấp vào ngọn núi Ararat, Noé bèn thả ra một con quạ, con quạ bay đi mất. Noé thả tiếp một con chim bồ câu trắng, chim Bồ câu bay đi rồi, chiều tối trở về ngậm trong mỏ một cành olivier xanh để báo cho Noé biết nước lụt đã rút, đất đã khô, chim bồ câu đã đậu được trên một cành olivier xanh. Do sự tích đó mà con chim bồ câu trắng ngậm cành olivier xanh, đã thành biểu hiệu cho Thái-bình đã phục hồi, cho Hòa bình, An-lạc.

Trong Thần-thoại Hy-lạp, chim Bồ câu là tượng trưng cho đời sống no ấm : nó kiếm đồ ăn đem về cho thần Jupiter (Zeus). Nó cũng là tượng trưng cho tình yêu : nó là con chim được Nữ thần Venus nâng - niu nhất

✱ Ô Đoàn trọng Ký — Quí nhơn — KBC 4726

● Tổng kê dân số một nước, chỉ tính số công dân Nam nữ từ 21 tuổi đến 65 tuổi. Dưới 21 tuổi còn vị thành niên, không kê. Trên 65 tuổi, thuộc về lão thành cũng không kê.

● Cường-Đế có một người con trai, là Tráng-Liệt hiện ở Huế, và một người cháu là Tráng-Đình.

● Cựu Hoàng Thành Thái là một ông Vua có tinh thần cách mạng, chứ không có làm cách mạng như Duy-Tân.

● Em Huỳnh-văn-Một, Học-sinh Cao-Thắng, Saigon

Cao-Thắng, quê ở làng Lê-Đông, huyện Hương-Sơn, tỉnh Hà-tĩnh, con nhà bình dân. Năm 1885, mới có 20 tuổi, theo Phan - đình - Phùng khởi nghĩa cần-vương. Tự dục được súng theo kiểu súng Pháp. Năm 1893 chỉ-huy trận đánh Nghệ-an, bị trúng đạn chết.

● Em Nguyễn-vĩnh Thanh, Vĩnh Long.

Cảm ơn thư em. Việc em nhờ tòa báo, khó giúp được em. Rất tiếc.

● Bọn Thái-văn-Thự, kbc 4493.

Trong thơ lục bát, chữ thứ 6 của câu 8 phải vần với chữ thứ 6 của câu 6.

● Bọn Nguyễn-văn Lực, Hội-An.

● Trong quyển *Dissertation Morales* Đề nghị, có câu tục ngữ Pháp : (*Point d'argent point de Suisse*), là theo điển-tích hồi xưa một vài chính-phủ của Pháp hay muốn lính Thụy-sĩ để canh gác. Bọn lính này, hễ tháng nào không có lương trả cho họ, thì họ bỏ súng không canh gác. Vì vậy có câu : « Không có tiền, là không có Thụy-Sĩ »

● Hồi xưa, vợ các Vua chư-hầu mới được gọi là « Phu-nhân », ngày nay bất cứ người đàn bà nào có chồng cũng có thể gọi là « Phu nhân » được, không cần phải là vợ các « ông lớn ».

● Sương-phụ = quả-phụ : người đàn bà góa chồng. Không thể nói « góa phụ » được.

● Danh-từ địa-lý *Viễn-đông*, là do người Tây Âu đặt ra.

Trung-đông là các nước từ Ai-cập đến Iraq, Afganistan.

Cận-đông là các nước Turquie-Syrie — Liban — Irak.

✱ Bọn Nguyễn-văn-Cường, Thư ký quận Châu Đốc.

● Trung tâm Văn-hóa Pháp không có lớp dạy hàm thụ.

● Ô. Hoàng xuân Hân hiện ở bên Pháp. Ông Hoàng xuân Nhị ở đâu, chúng tôi không được biết,

✱ Ô. Nguyễn - hữu - Thấu, giáo viên Ngân Sơn Phú Yên.

● Nước Đức Quốc Xã, tức là nước Đức của đảng Quốc Gia Xã-hội (Đảng của Hitler).

● Nước Canada là một Quốc gia độc lập, dân chủ, ở trong khối Liên-Hiệp-Anh.

✱ Ô. Phan-ngọc-Nhơn, Ty Công Chánh, Định Tường

Về vụ thi lấy bằng Lower Certificate, ông nên hỏi thẳng một trường dạy Anh ngữ, sẽ được những chỉ dẫn đầy đủ rõ ràng hơn.

✱ Bọn Phan văn Lang, Huế.

● Những họ Phan-Văn, Phan-Hữu, Phan-Thanh, v.v., không

phải do một gốc mà ra, khác chữ đậm, tức là có phân biệt hẳn về tộc-hệ, không có bà-con gì với nhau cả.

● Đọc quyển « *Traité d'harmonie — Théorie et Pratique* » của Emile Durand, chưa có thể soạn được hòa-âm cho một bản nhạc.

★ **Bạn Phương-Tuấn, Saigon.**

● Sưu-tầm tem quốc-tế, trong đó có tem các nước cộng-sản, theo chúng tôi biết thì không có hại gì cả, vì đó là tem trao đổi với người ở ngoại quốc, như Thái-Lan, Pháp, Nhật, v.v... Nhưng chúng tôi thành thật khuyên bạn dán các tem ấy trong album chứ đừng đem đi trao đổi công khai với những người khác ở trong nước.

● Muốn biết địa chỉ các tòa Đại-sứ và lãnh-sự ngoại-quốc ở Saigon thì coi trong quyển *Annuaire téléphonique* 1960

★ **Bạn K.D.M. Sinh-viên Đại-học Khoa-học**

Rất tiếc, chúng tôi không được biết địa chỉ các trường dạy về ngành kỹ-sư dẹt ở Pháp. Chúng tôi chỉ nhớ rằng có 1 trường về môn ấy ở Lyon.

★ **Ô. Hồ-đắc-Huân, Trường Hoàng-tử-Cảnh — Nha-Trang.**

Phát-minh ra máy bay đầu tiên, là hai anh em ORVILLE và WILBUR WRIGHT, người Mỹ. Ngày 17-12-1903, trên bãi biển Kitty Hawk, ở Caroline Bắc-bộ, hai anh em này là những người đã sáng-chế ra xe máy, cũng đã thành công trong một cuộc bay đầu tiên trên một phi-cơ, do hai anh em chế ra lần đầu tiên. 6 năm sau, 1909, kỹ sư Pháp Blériot mới bay qua biển Manche, và 1913 Garros mới bay qua Địa trung Hải. Phi cơ nhanh nhất hiện nay như *caravelle* bay trên 800km một giờ.

★ **Ô THẾ HỖ — NHA TRANG**

Nghĩa đen hai chữ xā-tắc :

Xā = Nền xây đề làm nơi tế thần Hậu-thờ, Thần Đất.

Tắc = Nền xây đề làm nơi tế Thần-nông, thần Ruộng, Lúa.

Xā tắc = tượng trưng Đất đề ở, và Lúa đề ăn. Theo nghĩa rộng, là Quốc gia. Dịch ra Pháp văn, cũng phải dịch theo 2 nghĩa : (*Sens propre*) = *Génie de la Terre et Génie des Moissons*. (*Sens figuré*) = *Le patrimoine national*. (Anh văn : *The Country*).

★ **Ô Dung Ngọc — NHA TRANG**

Chữ « *Mỹ-Nhân* », có nhiều nghĩa :

● Người đàn bà con gái đẹp.

● Trong « *Từ Hải* », hai chữ « *Mỹ-nhân* » hồi đời nhà Tống, còn có nghĩa là : « *chỉ hiền-nhân quân-tư giả* », như trong bài *Tiền Xích Bích phú* của TÔ THỨC : « *Vọng mỹ-nhân hề thiên nhất phương* ». Mỹ nhân đây là chỉ người *hiền nhân quân-tử*, chứ không phải là « ông vua » hay « người bạn tốt ».

● Trong « *Vương dật ly-tao tự* » của KHUẤT-NGUYỄN cũng có ghi. « *Bạc Hiền-nhân có thể so-sánh như Mạc-Phị dật nữ*, nên gọi là Mỹ-nhân ».

● Trong « *Hán-thư ngoại thích truyện* », chữ *Mỹ-nhân* còn có nghĩa là một chức quan của đàn bà ở đời nhà Hán và nhà Minh : « *Nữ-quan danh* ».

● Trong « *Trung-Hoa Đại Tự-diễn* », Mỹ-nhân còn có nghĩa là cái cầu vòng, cái mống : *Hồng hựu viết Mỹ-nhân* ».

● Trong « *Khang-Hy tự-diễn* », lại có chữ « *Mỹ-nhân tiêu* » là một loại chuối có bông đỏ và vàng (*Musa Uranoscopos*).

● Nhưng các chữ « *Mỹ-nhân* » trên đều xưa rồi, quá cồ-cựu, nay không thông-dụng nữa, chỉ còn một nghĩa chính là « *người đàn-bà con gái đẹp* » mà thôi.

★ **Bạn Phan hữu Thành — HUẾ**

Sự tích Núi Vọng-Phu chỉ là một truyền-ký, không có trong Lịch sử.



TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ **Bạn Thanh Tùng — THỪA THIÊN**

Ngày 16-3 âm lịch năm Giáp Tuất nhằm ngày Chúa nhật 29-4-1934.

★ **Bạn Duy Hải — THẦN KINH**

Ngày 24-2 âm lịch năm Đinh Sửu là ngày thứ hai 5-4-1937.

★ Một độc giả ở Phú-Nhuận

Ngày 2-8-1930 DL. nhằm ngày 8 tháng 6 nhuận năm Canh
 Ngọ, tháng Quý Mùi, ngày Quý Sửu.

★ Ông Đặng thành Quý — Mỹ hiệp — An Giang

Ngày 24-7 âm lịch năm Mậu Dần = Vendredi 19-8-1938

★ Ông Mạnh-Hồng — BỒNG SƠN

— Ngày 7 tháng giêng âm lịch năm Bính Thân là ngày Thứ Bảy 18-2-1956 (7 là ngày Ất Mão, tháng giêng là tháng Canh Dần).
— Năm Giáp Tuất ngày 21 là ngày Đinh Tỵ, tháng giêng là tháng Bính Dần

— Khoảng từ 19 đến 21 giờ là giờ Tuất.

★ Ông Hoàng-tuấn-Ngọc — đường Tạ thu Thâu
SAIGON

Ngày 14.9 1937 là ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Kỷ Dậu, ngày Giáp Thìn.

★ **Bạn N.T.T. — Nhatrang**

— Ngày 3-7-1937 nhằm ngày 25 tháng 5 âm-lịch năm Đinh Sửu, tháng Bính Ngọ, ngày Tân Mão

— Ngày 27-12-1937 là ngày 25 tháng 11 âm-lịch năm Đinh-Sửu tháng Nhâm Tý ngày Mậu Tý.

★ **Cô Violette Hà — Đường Hai-Bà-Trung — Saigon.**

— Tháng 6 âm lịch năm 1941 nhuận, chứ không phải tháng 6 năm 1940.

— Năm 1940 là năm Canh Thìn (Con Rồng).

Năm 1941 là năm Tân Tị (Con Rắn).

★ **Bạn Nguyễn-hữu-Thoại — K.B.C. 4.379**

Thư của bạn đánh máy không được rõ, có thể đọc là 8-II-1937 hay 8-11-1937. Vậy chúng tôi xin trả lời cả hai :

1) Ngày 8-2-1937 nhằm ngày 27 tháng chạp âm-lịch năm Bính-Tý, tháng Tân Sửu, ngày Canh Dần.

2) Ngày 8-11-1937 nhằm ngày 6 tháng 10 âm lịch năm Đinh-Sửu, tháng Tân Hợi, ngày Kỷ Hợi.

★ **Bạn Trần-văn-Lâm — Quận Cai-Lậy — Định-tường**

Ngày 12-1-1937 là ngày 30 tháng 11 âm lịch năm Bính Tý, tháng Canh Tý, ngày Kỷ-Hợi.

★ Ông Thanh-Vũ

Ngày 2 tháng 10 âm - lịch năm Mậu Dần = Vendredi
23-11-1938

★ Ông Diên-Quân — Dakao

Ngày 14-10-1938 là ngày 21 tháng 8 âm lịch năm Mậu Dần, tháng Tân Dậu, ngày Kỷ-Vị. 11 giờ 40 là giờ Ngọ.



Sắp xuất bản :

ĐỜI THỨC GIẢ THƠ

của cụ UNG BÌNH Thức giả thi



Sưu tập và trình bày :
Cố TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG (Huế);

Ấn loát và xuất bản :
THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon
Điện thoại : 20.447

Sở thương mại : Saigon số 640 A
Trương mục kho bạc Saigon số 9657
Số Quốc - Gia Danh - Bộ

25	129	54	001
----	-----	----	-----

- ★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- ★ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu, bao hộp — đóng sách đẹp.
- ★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- ★ Có xưởng may cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

K. D. số 610/HĐKD — Saigon, ngày 25-11-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

PHỔ-THÔNG số 49 (số sau)
ĐẶC-BIỆT

